

BỘ THƯƠNG MẠI
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC MÃ SỐ: 2003 - 78 - 011

ĐỀ TÀI:

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC
VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI
Ở NÔNG THÔN NƯỚC TA HIỆN NAY**

HÀ NỘI - 2004

MỞ ĐẦU

Phát triển Hợp tác xã thương mại (HTXTM) ở nông thôn đáp ứng với yêu cầu xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm chỉ đạo, HTX đã và đang có đóng góp quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế nông thôn. Quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta đã có tác động mạnh đến sự đổi mới nội dung hoạt động, mô hình tổ chức và các chính sách khuyến khích phát triển HTXTM, đặc biệt là sau khi có luật Hợp tác xã năm 1996. Nhiều HTXTM được chuyển đổi và thành lập mới, bước đầu đã có những chuyển biến phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, hoạt động của chúng đã góp phần hỗ trợ sự phát triển của kinh tế hộ và kinh tế trang trại ở nông thôn. Đặc biệt ở các tỉnh Tiền Giang, Thừa thiên Huế, Cần Thơ, Nghệ An đã xuất hiện nhiều HTXTM hoạt động thành công, cần có sự tổng kết kinh nghiệm phát triển để nhân rộng cho các địa bàn khác. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, hiện tại HTXTM ở nông thôn còn ít về số lượng, yếu về chất lượng và kém về tác dụng, nhất là khả năng tiêu thụ nông sản cho kinh tế hộ nông dân.

Trước sức ép cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ và yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hoá lớn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế hộ nông dân với qui mô còn nhỏ bé, trình độ sản xuất còn lạc hậu, năng lực kinh doanh và tiếp cận thị trường thấp đang bộc lộ nhiều hạn chế trước những thách thức mới. Đặc biệt, yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất ở nông thôn định hướng theo nhu cầu thị trường đang đặt ra những đòi hỏi mới cho sự phát triển của các HTXTM để chúng thực sự trở thành những cầu nối dẫn dắt các hộ sản xuất nông nghiệp tiếp cận và thâm nhập vững chắc vào thị trường, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao thu nhập của dân cư ở các vùng nông thôn nước ta. Mặt khác phát triển HTXTM là một trong những giải pháp nhằm mở rộng việc thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân theo quyết định 80/QĐ - TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 và Đề án tổ chức thị trường nội địa theo quyết định số 311/2003/QĐ-TTg ngày 20/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhiệm vụ của Bộ Thương mại trong thời gian tới cũng đã xác định, việc phát triển các HTXTM ở nông thôn để tập hợp lực lượng thương mại tư nhân (cá nhân và hộ kinh doanh) làm nhiệm vụ cung ứng các vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, làm tiền đề để tổ chức thực hiện ký kết hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Đổi mới tổ chức và hoạt động của HTXTM ở nông thôn theo hướng tổ chức lại thành các hợp tác xã chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ “hai đầu” cho kinh tế hộ

nông dân bằng phương thức đại lý hoặc hợp đồng tiêu thụ nông sản, cung ứng vật tư nông nghiệp và hàng công nghiệp tiêu dùng; đồng thời, đổi mới các cơ chế góp vốn, quản lý, sử dụng lao động và phân phối của hợp tác xã cho phù hợp với cơ chế thị trường.

Từ thực tiễn chuyển đổi HTX kiểu cũ (trước khi có luật HTX, năm 1996) sang HTX kiểu mới, trong quá trình hoạt động và phát triển của HTXTM đang đặt ra những vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. Hầu hết các HTX không chỉ kinh doanh các lĩnh vực đã đăng ký theo điều lệ mẫu mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác, ví dụ các HTXNN, tiểu thủ công nghiệp đều kinh doanh thương mại. Mặt khác xuất hiện xu hướng liên doanh liên kết các loại hình HTX. Thực tiễn cũng đang đặt ra nhiều vấn đề mà luật HTX cần phải sửa đổi và bổ sung. Trước đây, do quan niệm tách sản xuất khỏi kinh doanh thương mại nên có 2 HTX : sản xuất và mua bán. Ngày nay hoạt động của HTXTM bao hàm cả các dịch vụ sản xuất và tiêu dùng, kinh doanh cả hàng hoá và dịch vụ. Vì vậy, cần phải định hướng hoạt động cho HTXTM rộng và đầy đủ hơn để chúng có thể phát triển.

Sau khi luật HTX được ban hành năm 1996 và nghị quyết TW 5 về “tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nhiều chính sách của nhà nước đã ra đời nhằm củng cố và phát triển HTX. Nhưng đến nay kinh tế HTX vẫn chưa có sự phát triển đáng kể, nhất là ở nông thôn, đặc biệt là HTXTM. Vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu để tìm ra các giải pháp có tính đột phá nhằm phát triển HTXTM, trước hết là các giải pháp về tổ chức quản lý HTXTM, các biện pháp hỗ trợ của nhà nước cho sự phát triển của chúng.

Trước những yêu cầu nêu trên, việc nghiên cứu đề tài: "***Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức và phát triển hợp tác xã thương mại ở nông thôn nước ta hiện nay***" là cần thiết, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn quản lý thương mại ở Việt Nam, trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần hỗ trợ nâng cao hiệu quả kinh doanh và nhờ vậy, nâng cao đời sống của nông dân, thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn trong thời gian tới, góp phần triển khai "chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành TW Đảng khoá IX."

Sau 6 tháng triển khai nghiên cứu đề tài (từ tháng 5/2003) trước yêu cầu đòi hỏi cấp bách của thực tiễn, tháng 11/2003 luật HTX đã được Quốc hội nước ta thông qua (trên cơ sở chỉnh lý và bổ xung luật HTX năm 1996). Như vậy, việc triển khai nghiên cứu đề tài được đặt trong điều kiện mới, đáp ứng những yêu cầu của luật HTX năm 2003.

*** Mục tiêu nghiên cứu của đề tài :**

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn.

- Đánh giá hiện trạng tổ chức và tác động của khung khổ pháp lý đến sự phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta thời gian qua .

- Đề xuất một số giải pháp về tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta trong thời gian tới.

*** Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tổ chức quá trình hình thành và phát triển HTXTM ở nông thôn (vĩ mô) và mô hình tổ chức quản lý hoạt động của các HTXTM ở nông thôn (vi mô) .

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Các HTXTM (thành lập theo điều lệ mẫu HTXTM) ở nông thôn và các hoạt động kinh doanh thương mại (bao gồm cả dịch vụ thương mại) của các loại hình HTX khác ở nông thôn (chủ yếu là HTXNN vì nó chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các HTX)

+ Nội dung nghiên cứu tập trung vào mô hình tổ chức quản lý, cơ chế huy động vốn, góp vốn, sử dụng lao động, phân phối của HTXTM và các giải pháp chủ yếu từ phía Nhà nước nhằm phát triển các HTXTM ở nông thôn.

+ Địa bàn nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu chọn mẫu địa bàn nông thôn (đồng bằng và miền núi) của một số tỉnh đại diện miền Bắc và miền Nam

+ Thời gian nghiên cứu: Phân tích thực trạng từ năm 1997 đến nay. Các đề xuất về giải pháp phát triển cho trước mắt và đến năm 2010

*** Phương pháp nghiên cứu:**

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: 1. Khảo sát điển hình; 2. Sử dụng chuyên gia; 3. Tổng hợp và phân tích

*** Nội dung nghiên cứu của đề tài được trình bày trong 3 chương:**

- **Chương I:** Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức và phát triển hợp tác xã thương mại ở nông thôn

- **Chương II :** Thực trạng tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn Việt Nam từ 1997 đến nay.

- **Chương III:** Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI Ở NÔNG THÔN

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN

1.1. Khái niệm thương mại, HTXTM

1.1.1. Khái niệm thương mại

Sự ra đời và phát triển thương mại gắn liền với sự ra đời của sản xuất hàng hoá, của kinh tế thị trường. Thực chất của hoạt động trao đổi mua bán là sự so sánh lao động giữa người sản xuất với người sản xuất, quan hệ giữa người với người không còn là quan hệ thuần tuý nữa mà nó được thay thế bằng quan hệ giữa vật với vật.

Thương mại là một bộ phận hợp thành của tái sản xuất, thương mại nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng, dòng vận động của sản xuất hàng hoá qua thương mại để tiếp tục đưa vào sản xuất hoặc đi vào tiêu dùng cá nhân.

Nghiên cứu quá trình phát triển của trao đổi hàng hoá, của sự ra đời của tiền tệ, ta thấy rằng qua lưu thông không những giá trị của hàng hoá được thực hiện mà qua lưu thông người ta còn tìm kiếm giá trị tăng thêm (T-H-T').

Trên thế giới, khái niệm thương mại được hiểu theo nhiều cách:

- Trong luật La mã cổ đại, khái niệm thương mại được hiểu theo nghĩa rộng, đó là các quan hệ pháp lý liên quan đến việc sử dụng các tài sản trong sản xuất phân phối và lưu thông hàng hoá.

- Trong hệ thống pháp luật của một số nước trên thế giới, khái niệm thương mại là một khái niệm để chỉ hoạt động phân phối lưu thông hàng hoá.

- Ở một số nước có truyền thống kinh tế thị trường, hiểu thương mại thông qua luật thương mại :

+ Bộ Luật Thương mại của Nhật Bản ra đời 9/3/1899, những hành vi được coi là hoạt động thương mại được quy định ở điều 501;502;503.

+ Bộ Luật Thương mại của Pháp được ban hành tháng 9/1807 đã liệt kê các hành vi được coi là hành vi thương mại. Luật thương mại của Pháp bao gồm toàn bộ các qui phạm pháp luật liên quan đến các thương nhân (cá nhân và công ty), các tài sản dùng vào kinh doanh và các thương vụ (các giao dịch thương mại).

Theo Luật về Trọng tài Thương mại quốc tế (ModelLaw on Internationnal Commercial Arbitration) do uỷ ban luật thương mại quốc tế của liên hợp quốc thông qua ngày 21/6/1985: “Thuật ngữ **thương mại** phải được giải thích theo nghĩa rộng để bao phủ hết các vấn đề phát sinh từ tất cả các quan hệ có bản chất thương mại dù có hợp đồng hay không. Các quan hệ có bản chất thương mại bao gồm những giao dịch sau (nhưng chưa phải là hết): Các giao dịch thương mại để cung cấp hay trao đổi hàng hoá hoặc dịch vụ, hợp đồng phân phối, chi nhánh hoặc đại diện thương mại, đại lý, cho thuê, gia công sản phẩm, tư vấn, công nghệ, sáng chế, đầu tư, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, hợp đồng khai thác hay nhượng đất, liên doanh và các hình thức khác của hợp tác công nghiệp hoặc kinh doanh, chuyên chở hàng hoá hay hành khách bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt hoặc đường bộ”.

Ở nước ta trước khi luật Thương mại ra đời khái niệm Thương mại ít được sử dụng. Trong đời sống kinh tế xã hội chỉ có các khái niệm "nội thương", "ngoại thương", "vật tư" gắn liền với sự tồn tại của ba Bộ ngành trong bộ máy quản lý của nhà nước. Từ khi hợp nhất ba Bộ, (Nội thương, Ngoại thương, Vật tư), khái niệm “thương mại” được sử dụng rộng rãi, tuy nhiên, nó được hiểu một cách chưa đầy đủ, đúng nghĩa của nó.

Luật Thương mại Việt nam, có hiệu lực từ ngày 1/1/1998 gồm 264 điều là tổng hợp các qui phạm pháp luật được nhà nước ban hành, nhằm điều chỉnh hành vi của thương nhân và các giao dịch thương mại. Đó là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

Luật Thương mại Việt nam, không đưa ra định nghĩa hoàn chỉnh về Thương mại, mà chỉ đưa ra 14 hành vi Thương mại (theo điều 45) với định nghĩa khái quát: hành vi thương mại là hành vi của thương nhân trong hoạt động thương mại làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các thương nhân hoặc giữa thương nhân và các bên liên quan.

Hoạt động thương mại dần trở thành một nghề - nghề thương mại và những người chuyên lấy hoạt động thương mại làm nghề nghiệp chính và thường xuyên được gọi là thương nhân. Cũng từ quan niệm trên đây về hoạt động thương mại mà người ta quan niệm Luật thương mại là luật điều chỉnh các hành vi thương mại và quy chế thương nhân. Tức là Luật Thương mại quy định tư cách của những người làm thương mại và hành vi thương mại của họ. Điều đó có nghĩa là khái niệm Luật Thương mại hoàn toàn phụ thuộc vào quan niệm hoạt động thương mại hay quan hệ thương mại.

Từ khi hình thành cho đến tận giữa thế kỷ XX, quan niệm thương mại chỉ hạn hẹp trong phạm vi những quan hệ mua bán hàng hoá và các dịch vụ có liên quan đến hoạt động này. Do vậy, theo nghĩa sơ khai nhất (cũng có thể gọi là nghĩa hẹp) thì

hoạt động thương mại là hoạt động mua bán hàng hoá và cung cấp các dịch vụ liên quan đến hàng hoá. Từ đó, khái niệm Luật Thương mại cũng được hiểu là luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh mua bán hàng hoá và dịch vụ mua bán hàng hoá. Thậm chí cho đến nay một số bộ luật thương mại của một số nước vẫn chỉ có phạm vi điều chỉnh là quan hệ thương mại hàng hoá.

Ngày nay, với sự phát triển của các loại hình dịch vụ và hoạt động cung cấp dịch vụ vì mục tiêu sinh lời, hoạt động đầu tư, mua bán ly xăng và chuyển giao công nghệ, người ta quan niệm rằng tất cả các hoạt động và giao dịch được thực hiện trên thị trường vì mục tiêu sinh lời đều được coi là hoạt động thương mại, thuộc nội hàm của khái niệm thương mại. Từ đó, quan niệm Luật Thương mại truyền thống đã trở nên chật hẹp, không bao quát hết được các quan hệ thương mại theo quan điểm hiện đại. Xuất phát từ quan niệm mới về thương mại, người ta đã xây dựng một khái niệm Luật Thương mại mới có phạm vi điều chỉnh rộng hơn rất nhiều so với quan niệm Luật Thương mại truyền thống.

Theo quan niệm hiện đại thì phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại bao gồm bốn lĩnh vực, đó là:

- Thương mại hàng hoá.
- Thương mại dịch vụ.
- Thương mại trong đầu tư.
- Và thương mại trong sở hữu trí tuệ.

Mặc dù Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa kỳ không quy định cụ thể về các hành vi thương mại nhưng khái niệm thương mại trong Hiệp định được hiểu khá rộng và bao trùm nhiều lĩnh vực như thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư.

Trong WTO không có quy định cụ thể về các hành vi thương mại nhưng các hành vi được coi là thương mại trong WTO được hiểu rất rộng, tuy nhiên, nó không rộng như trong BTA nhưng cũng bao trùm thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ và các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại.

Từ những phân tích trên chúng ta thấy rằng: ***Thương mại là hoạt động kinh doanh của con người trong lĩnh vực mua bán hàng hoá, dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ và đầu tư nhằm mục đích lợi nhuận.***

1.1.2. Khái niệm HTXTM:

Kinh tế hợp tác là khái niệm dùng để chỉ các loại hình tổ chức kinh tế được hình thành và phát triển trên cơ sở hợp tác giữa các thành viên tham gia.

Kinh tế hợp tác rất đa dạng về hình thức, qui mô và lĩnh vực hoạt động, phát triển từ hình thức đơn giản, qui mô nhỏ, lĩnh vực hẹp đến các hình thức phức tạp, qui mô lớn đến rất lớn, phạm vi không dừng lại ở giới hạn về không gian, mà tùy thuộc vào sự phát triển của lực lượng sản xuất, vào nhu cầu, ý chí và lợi ích của các thành viên tham gia.

Kinh tế hợp tác tồn tại từ lâu và còn có tên gọi là kinh tế hiệp tác, các hình thức hiệp tác, liên kết trong kinh tế. Đó là sự liên kết tự nguyện của những người chủ kinh tế độc lập, để phối hợp, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau nhằm giải quyết tốt hơn những vấn đề của sản xuất- kinh doanh, nhờ vậy nâng cao được hiệu quả của sản xuất - kinh doanh và lợi ích của các thành viên tham gia vào hợp tác kinh tế. Theo C. Mác, hợp tác trong quá trình lao động sản xuất là bản tính xã hội của con người. Hoạt động sản xuất - kinh doanh luôn luôn đòi hỏi người ta phải liên kết với nhau theo một cách thức nào đó để thực hiện có hiệu quả những công việc mà từng người, từng chủ thể độc lập thực hiện kém hiệu quả hoặc không thực hiện được. Như vậy, kinh tế hợp tác là tất yếu nội sinh của quá trình lao động sản xuất - kinh doanh mang tính đa dạng và đa mức độ.

Ở nước ta đã sử dụng khái niệm “Kinh tế hợp tác” và “Kinh tế tập thể”. Kinh tế tập thể là khái niệm dùng để chỉ thành phần kinh tế trong nền kinh tế nhiều thành phần, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và nó được chính thức sử dụng trong văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Kinh tế tập thể với hình thức chủ yếu là các tổ hợp tác, hợp tác xã và liên minh hợp tác xã đã tồn tại ở nước ta nhiều năm, đã có đóng góp to lớn vào sự nghiệp kháng chiến, bảo vệ tổ quốc và công cuộc xây dựng đất nước; Cùng với kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể mà nòng cốt là các hợp tác xã ngày càng đóng vị trí quan trọng góp phần tạo nên nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

1.1.2.1 Khái niệm Hợp tác xã :

Trên thế giới đã có những cách hiểu khác nhau về khái niệm HTX nhưng trong hầu hết Luật HTX của các nước, chương đầu tiên đưa ra khái niệm HTX và khẳng định nó là một tổ chức kinh tế có đặc thù riêng, hoạt động theo những nguyên tắc chặt chẽ.

- Liên minh HTX quốc tế đã định nghĩa về hợp tác xã như sau:

+ “Hợp tác xã là một tổ chức tự trị của những người tự nguyện liên hiệp lại để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung của họ về kinh tế, xã hội và văn hoá thông qua một xí nghiệp cùng sở hữu và quản lý dân chủ ”.

+ Định nghĩa này được hoàn thiện vào năm 1995 thông qua tuyên bố: “Hợp tác xã dựa trên ý nghĩa tự cứu giúp mình, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng, công bằng và đoàn kết. Theo truyền thống của những người sáng lập ra Hợp tác xã, các xã viên hợp tác xã tin tưởng vào ý nghĩa đạo đức về tính trung thực, cởi mở, trách nhiệm xã hội và quan tâm chăm sóc người khác”.

- Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) định nghĩa HTX là sự liên kết của những người đang gặp phải những khó khăn kinh tế giống nhau, tự nguyện liên kết lại trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, sử dụng tài sản mà họ đã chuyển giao vào HTX phù hợp với nhu cầu chung và giải quyết những khó khăn đó chủ yếu bằng sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bằng cách sử dụng các chức năng kinh doanh trong tổ chức hợp tác phục vụ cho lợi ích vật chất và tinh thần chung.

- Luật Hợp tác xã cộng hoà Liên bang Đức định nghĩa: “Hợp tác xã đăng ký là những tập thể với số lượng thành viên không hạn chế nhằm khuyến khích việc sản xuất kinh doanh của các thành viên, thông qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh chung”.

- Theo Luật Hợp tác xã Phi líp pin: Hợp tác xã là tổ chức của những người có cam kết chung và tập hợp nhau lại một cách tự nguyện để đạt được mục đích xã hội hoặc kinh tế chung, có sự đóng góp công bằng vào vốn, và chấp nhận phần đóng góp hợp lý vào các công việc vì phần lợi ích của việc kinh doanh theo nguyên tắc hợp tác đã được mọi người chấp nhận.

- Luật Hợp tác xã In-đô-nê-xi-a định nghĩa: “Hợp tác xã là tổ chức kinh tế của nhân dân mang tính xã hội, gồm những người hoặc hợp tác xã ở địa phương là thành viên lập nên một hệ thống kinh tế như là nỗ lực chung dựa trên nguyên tắc cơ sở của tình anh em”.

Tóm lại, quan niệm về hợp tác xã ở hầu hết các nước đều thể hiện rõ những điểm chung sau đây:

- Hợp tác xã là sự liên kết của những người tham gia, cùng góp tiền dưới dạng vốn góp. Trong hợp tác xã nhấn mạnh yếu tố con người chứ không phải số vốn mà họ góp.

- Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế đặc thù chứ không phải là một công ty cổ phần hoặc một tổ chức từ thiện. Hợp tác xã là tổ chức kinh doanh gắn chặt với hiệu quả và sự rủi ro. Những thành viên hay những người góp vốn và hợp tác xã có lợi ích chung và nhu cầu chung mà họ muốn và được thoả mãn.

- Hợp tác xã là doanh nghiệp được quản lý theo nguyên tắc dân chủ. Mỗi xã viên chỉ có một và chỉ một phiếu biểu quyết không phân biệt suất vốn góp nhiều hay góp ít.

- Khẩu hiệu của Hợp tác xã là phục vụ hơn là kiếm lời. Tuy lợi nhuận luôn gắn với Hợp tác xã, nhưng mục đích của Hợp tác xã vẫn là phục vụ (phục vụ các xã viên) và phục vụ tối đa là nhiệm vụ hàng đầu của Hợp tác xã.

- Phương châm chủ đạo của Hợp tác xã là giúp đỡ lẫn nhau và tự mình giúp mình.

- Một trong những nguyên tắc cơ bản của Hợp tác xã là tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi. Lợi nhuận được phân phối không chỉ căn cứ vào vốn góp mà còn căn cứ mức độ sử dụng dịch vụ của các xã viên.

- Mục tiêu nhằm vào sự thay đổi địa vị kinh tế - xã hội của các xã viên.

- Một đặc tính quan trọng nữa của Hợp tác xã không chỉ nâng cao kinh tế cho xã viên mà còn phục vụ cộng đồng.

Ở nước ta, Luật Hợp tác xã năm 1996 ghi rõ: *“Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo qui định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên, nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”*.

Điều 1, Chương I của Luật HTX năm 2003 khẳng định: Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân (sau đây gọi chung là xã viên) có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của Luật này để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

Sự hoàn thiện khái niệm của Luật HTX	
<i>Năm 1996</i>	<i>Năm 2003</i>
<ul style="list-style-type: none"> - HTX là tổ chức kinh tế tự chủ - Thành viên: Người lao động - Cùng nhu cầu, lợi ích chung - Tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo pháp luật - Phát huy sức mạnh tập thể 	<ul style="list-style-type: none"> - HTX là một tổ chức kinh tế tập thể - Thành viên: Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân - Cùng nhu cầu, lợi ích chung - Tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định Luật HTX - Phát huy sức mạnh tập thể - HTX hoạt động như một loại hình doanh nghiệp

1.1.2.2 Hợp tác xã thương mại (HTXTM)

Sau khi có Luật HTX 1996, Điều lệ mẫu HTXTM ban hành theo Nghị định 41 CP của Chính phủ ngày 29/4/1997 đã định nghĩa HTXTM như sau: *“HTXTM là tổ chức kinh tế của những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo Luật Hợp tác xã và Điều lệ mẫu HTXTM để kinh doanh thương mại dịch vụ nhằm phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên, phát triển mạng lưới kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần cải thiện điều kiện kinh tế-xã hội của xã viên và của cộng đồng”*.

Điều 6, Luật HTX (2003) quy định HTX có quyền kinh doanh ở tất cả các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mà luật pháp không cấm. Thực tế phát triển HTX trong những năm qua cho thấy lĩnh vực kinh doanh của các HTX rất đa dạng. Bên cạnh những ngành nghề, lĩnh vực truyền thống như nông nghiệp, công nghiệp, GTVT, thương mại, tín dụng,...nhiều ngành nghề, lĩnh vực mới như: vệ sinh môi trường, trường học, tang lễ, nhà ở, bệnh viện, điện, nước sinh hoạt,...cũng đã được mở ra.

Tuy nhiên trong tổ chức, quản lý, đánh giá hoạt động của các HTX có thể phân loại theo "lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh" như sau:

- Nhóm HTX nông - lâm, thủy sản, muối,
- Nhóm HTX tiểu thủ công nghiệp.
- Nhóm HTXTM dịch vụ,...

Vì vậy HTXTM có đặc điểm sau:

- Từ khái niệm thương mại nêu trên, khái niệm HTXTM bao trùm các lĩnh vực:

- + Thương mại hàng hoá;
- + Thương mại dịch vụ;
- + Thương mại trong đầu tư ;
- + Và thương mại trong sở hữu trí tuệ

- Là HTXTM thì ngành nghề kinh doanh thương mại phải chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các ngành nghề đăng ký kinh doanh.

- HTXTM với phương châm chủ đạo là giúp đỡ lẫn nhau, mục tiêu chủ yếu hàng đầu của HTX là phục vụ xã viên (dựa trên nền tảng tiêu dùng cá nhân và phục vụ sản xuất) trên cơ sở đó mới nói đến phát triển kinh doanh. Vì vậy quy mô xã viên HTX cũng là một đặc điểm của HTXTM.

1.2. Sự tồn tại tất yếu khách quan và vai trò HTXTM trong nền kinh tế nước ta.

1.2.1. Sự tồn tại tất yếu khách quan HTXTM trong nền kinh tế:

Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Trong nền kinh tế ấy, kinh tế tập thể có vị trí, vai trò quan trọng. Khi bước vào thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hoá, từng bước xoá đói, giảm nghèo thì việc duy trì và phát triển HTX là một trong những vấn đề lớn được Đảng và Nhà nước quan tâm, là nhu cầu cấp bách và không thể thiếu trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước ta hiện nay.

Trong cơ chế thị trường, từng doanh nghiệp cũng như mỗi hộ nông dân có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, tạo nên sự phát triển mới trong kinh tế, văn hoá ở nông thôn. Trong điều kiện đi lên từ một nền sản xuất nhỏ, phát triển kinh tế nhiều thành phần, sự hợp tác giữa những người sản xuất kinh doanh riêng lẻ dưới nhiều hình thức là một nhu cầu bức xúc của những người kinh doanh cá thể, bởi lẽ:

Trước đây, xã viên HTXMB chủ yếu là nông dân, họ là xã viên HTXNN thì cũng đồng thời là xã viên HTXMB. Khi cơ chế thị trường hình thành và vận hành đã xuất hiện một số lượng lớn cá nhân, hộ gia đình tham gia thương trường. Một số lượng không nhỏ nông dân do những nguyên nhân khác nhau như điều kiện vốn, thị trường, khả năng thích ứng với cơ chế mới đã chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh doanh thương mại hoặc hoạt động cả hai lĩnh

vực (một số hộ đã thuê lao động theo mùa vụ để sản xuất nông nghiệp, còn gia đình họ trực tiếp kinh doanh thương mại). Hộ và cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ thường yếu, kém khi cạnh tranh trên thương trường với các thành phần kinh tế khác. Bởi vì: cơ sở vật chất kỹ thuật nhìn chung còn nhỏ bé, lạc hậu; việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, đào tạo và bồi dưỡng lao động, bảo hiểm, gặp nhiều khó khăn; không có điều kiện nắm bắt thông tin thị trường (đặc biệt là thị trường ngoài nước) một cách nhanh nhạy, khả năng tập trung, tích tụ vốn bị hạn chế.

Hiện nay, ở nông thôn nước ta, về cơ bản, hộ nông dân, hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ nhưng vẫn là những hộ tiểu nông nhỏ bé, có nơi còn nặng về sản xuất mang tính tự cung, tự cấp. Thu nhập và đời sống của đa số nông dân trong thời kỳ đổi mới tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn ở mức thấp. Nhiều vùng (đặc biệt ở các tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung) thường xuyên bị thiên tai tàn phá làm tăng thêm những khó khăn về đời sống và sản xuất, kinh doanh của các nông hộ. Trong những điều kiện đó, từng hộ nông dân đơn độc không thể tự mình khắc phục khó khăn để vươn lên nhanh chóng trong sản xuất, kinh doanh và cải thiện đời sống.

Những hạn chế, yếu kém của kinh tế hộ đòi hỏi phải có các hình thức liên kết kinh tế để tăng thêm nguồn lực sản xuất, kinh doanh (đặc biệt là hỗ trợ cho nhau về vốn) cũng như chia sẻ rủi ro. HTX trong lĩnh vực lưu thông không đụng chạm đến quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và quyền sử dụng đất của người lao động, vẫn bảo lưu được phương thức sản xuất của kinh tế hộ, do đó, người lao động dễ chấp nhận, hơn nữa, tổ chức kinh tế HTX có thể kết hợp và phát huy được sức mạnh của từng cá nhân và của tập thể. Do vậy, nhu cầu hợp tác của kinh tế hộ đã xuất hiện và trở thành tất yếu khách quan.

Ngoài nông dân (vẫn là lực lượng đông đảo, chủ yếu) và người buôn bán nhỏ, còn có một số đối tượng khác muốn tham gia HTXTM. Họ là những người làm nghề chế biến lương thực thực phẩm, gia công hàng tiêu dùng, cán bộ công nhân viên về hưu, mất sức hoặc đang công tác tại các bệnh viện, cơ quan nhà máy, giáo viên, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng. Trong số đó, không ít người có vốn nhàn rỗi từ nhiều nguồn khác nhau muốn tham gia HTX sẽ có lợi hơn so với gửi tiền tiết kiệm. Những người khác không có vốn nhưng có thời gian, sức lực cũng như kinh nghiệm quản lý kinh doanh tham gia kinh doanh thương mại dịch vụ để tăng thêm thu nhập, hoặc chỉ có nhu cầu được hưởng dịch vụ của HTX với chất lượng hàng hoá bảo đảm, giá phù hợp, mua sắm thuận tiện, thái độ phục vụ chu đáo v.v..

* Đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa:

Do giao thông chưa phát triển, thu nhập của đại bộ phận dân cư nhìn chung còn ở mức rất thấp nên các tổ chức cá nhân thuộc các thành phần kinh tế khác không muốn đầu tư, kinh doanh ở khu vực này vì lợi nhuận ít, hoặc không có lợi nhuận trong khi chính sách khuyến khích của Nhà nước chưa đủ mức cần thiết, các HTXTM đã khẳng định được vị trí của mình và có vai trò quan trọng trong sản xuất, đời sống và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Trên thực tế mấy chục năm qua, đặc biệt là những năm chúng ta điều hành nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung, mạng lưới Hợp tác xã vùng cao đã hỗ trợ đắc lực cho thương nghiệp nhà nước trong việc cung ứng, phân phối các mặt hàng chính sách, đồng thời tổ chức bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu theo thị hiếu của đồng bào các dân tộc và thu mua nông, lâm sản.

Kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và hình thức tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn qui mô, lĩnh vực, địa bàn. Kinh tế tập thể đang tồn tại ở nước ta hiện nay có 3 hình thức chủ yếu là : tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã. Kinh tế tập thể có quan hệ khăng khít với kinh tế hộ và đang hình thành hình thức liên kết với các doanh nghiệp công nghiệp lớn. Thực tiễn đang đặt ra yêu cầu phát triển kinh tế tập thể nói chung và HTX nói riêng, cụ thể:

Một là, Nghị quyết Đại hội IX đã xác định nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau. Với trách nhiệm cụ thể hoá đường lối phát triển kinh tế của Đại hội IX, Ban chấp hành Trung ương Đảng phải bàn các chủ trương, biện pháp phát triển các thành phần kinh tế, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển do Đại hội đề ra. Tiếp theo, Hội nghị Trung ương V đã bàn và ra nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân.

Hai là, phát triển kinh tế tập thể ở nước ta hiện nay là một yêu cầu khách quan.

- Kinh tế hợp tác là sản phẩm tất yếu của sản xuất hàng hoá. Nền kinh tế nước ta đã chuyển sang sản xuất hàng hoá, tính chất hàng hoá ngày càng tăng. Nông nghiệp nước ta cơ bản đã là nền kinh tế hàng hoá. Sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường yêu cầu những người lao động riêng lẻ phải liên kết, hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển.

- Phát triển kinh tế tập thể là con đường giải quyết mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ, manh mún và sản xuất hàng hoá lớn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Kinh tế tập thể là hình thức tổ chức kinh tế mang tính xã hội hoá cao hơn kinh tế cá thể, hộ gia đình, là nhân tố quan trọng để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, giáo dục ý thức tập thể và đoàn kết cộng đồng.

- Hợp tác xã là hình thức tổ chức kinh tế quan trọng để người lao động, hộ xã viên tiếp nhận sự hỗ trợ của Nhà nước, liên kết với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, thực hiện liên minh công nông.

- Phát triển kinh tế tập thể là yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, để kinh tế tập thể cùng với kinh tế Nhà nước hình thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Ba là, trước yêu cầu phát triển kinh tế hàng hoá, ở nước ta hiện nay đã xuất hiện hàng trăm ngàn tổ hợp tác và hàng ngàn hợp tác xã mới, ra đời một cách tự nguyện. Đó là một nhu cầu khách quan mà Đảng và Chính phủ đã chủ động tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ cho kinh tế tập thể và hợp tác xã phát triển.

Bốn là, Từ sau khi có Nghị quyết X của Bộ Chính trị khóa VI, kinh tế hộ nước ta đã phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên kinh tế hộ đang gặp những khó khăn khi hoạt động trong cơ chế thị trường, hạn chế sự phát triển đi lên của lực lượng sản xuất. Phát triển kinh tế tập thể để tạo điều kiện và giúp đỡ cho kinh tế hộ tiếp tục phát triển.

Năm là, sau năm năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TU ngày 24/5/1996 của Ban Bí thư khóa VII và Luật hợp tác xã (1996) , kinh tế tập thể đã có bước phát triển, nhưng còn yếu kém. Nhận thức của các cấp uỷ đảng và chính quyền về kinh tế tập thể chưa đầy đủ, đúng đắn; nhân dân còn tâm lý nghi ngại. Việc xác định rõ quan điểm, chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế tập thể, tạo ra sự thống nhất về nhận thức trong toàn Đảng, trong nhân dân trong lúc này là sự cần thiết khách quan. Vì vậy luật HTX đã được sửa đổi , bổ xung và được Quốc hội thông qua vào tháng 11 năm 2003.

1.2.2. Vai trò của HTX trong lĩnh vực thương mại

Trong điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là chủ yếu thì hợp tác giữa những người sản xuất-kinh doanh riêng lẻ dưới nhiều hình thức là một nhu cầu, xu thế khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất. Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó có kinh tế tập thể mà nòng cốt là các HTX là một bộ phận quan trọng, cùng với kinh tế Nhà nước từng bước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001-2010 được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua đã xác định rõ vai trò của kinh tế tập thể “phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu” để huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho

phát triển sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, cạnh tranh bình đẳng và là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Nước ta là một nước nông nghiệp với hơn 75% dân số sống ở nông thôn; tỷ trọng trong tổng sản phẩm trong nước (GDP) của nhóm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản còn cao (năm 2000 là 24,3%). Vì vậy, vai trò của kinh tế hợp tác xã nói chung và HTXTM nói riêng trên địa bàn nông thôn là hết sức quan trọng. Kinh nghiệm trên thế giới cũng cho thấy vai trò không thể thiếu của hợp tác xã trong quá trình đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất hàng hoá lớn, đặc biệt trong ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước nói chung và thị trường nông thôn nói riêng. Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao vai trò của HTX trong nền kinh tế nhiều thành phần. Nghị quyết số 10/11/1998 của Bộ Chính trị và gần đây nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã khẳng định điều đó.

Hoạt động mua và bán của HTX thực chất là góp phần đẩy mạnh trao đổi hàng hoá giữa thành thị và nông thôn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của nhân dân và thúc đẩy sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển. Trong thời kỳ kế hoạch hoá tập trung, HTXMB thực sự là trợ thủ đắc lực của TNQD trên địa bàn nông thôn. Những thành tựu của thương nghiệp quốc doanh không thể tách rời những kết quả hoạt động của các HTXMB. Là cầu nối giữa người sản xuất và người tiêu thụ, HTXMB chẳng những đã đem lại lợi ích trước mắt, mà còn đem lại lợi ích lâu dài cho nông dân. Có thể nói, trong thời kỳ này, lợi ích riêng của nông dân đã gắn liền với lợi ích tập thể và lợi ích chung của Nhà nước.

Luật Hợp tác xã ban hành năm 1996 và năm 2003 đã đánh dấu sự đổi mới về nhận thức vai trò của hợp tác xã, Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó kinh tế hợp tác xã là một bộ phận quan trọng. Thực tế cho thấy, phát triển kinh tế hợp tác xã nói chung và hợp tác xã thương mại nói riêng không chỉ vì những mục tiêu kinh tế, mà còn có cả những mục tiêu xã hội. Chỉ có trên cơ sở hợp tác với nhau, những người lao động, kinh doanh buôn bán nhỏ mới có thể tạo được sức mạnh tập thể trong sản xuất kinh doanh để tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, thực hiện xoá đói, giảm nghèo. Hơn nữa, phát triển kinh tế hợp tác xã nói chung, HTXTM nói riêng cũng nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đổi mới bộ mặt nông thôn, tăng cường mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và nông dân, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, củng cố khối liên minh công - nông.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần, vai trò của các HTXTM được thể hiện rõ nét qua việc cung ứng vật tư nông nghiệp, công cụ sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu có chất lượng và giá cả hợp lý trên địa bàn nông thôn rộng lớn. Ở các vùng sản xuất tập trung, nhiều HTXTM giúp nông dân tiêu thụ nông sản theo hướng đảm bảo lợi ích cho người lao động, hạn chế sự thao túng của thương nghiệp tư nhân, tránh cho họ không bị ép giá. Hoạt động của HTX cũng chú trọng khai thác sản phẩm, hàng hoá thuộc thế mạnh của từng vùng, tổ chức chế biến (chủ yếu là sơ chế) và thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và góp phần xuất khẩu, phát triển các HTXTM là giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, đáp ứng cả “đầu vào” cho sản xuất, cho tiêu dùng cá nhân và “đầu ra” cho các loại sản phẩm hàng hoá của nông dân. Hoạt động cung ứng tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và tổ chức thu mua, tiêu thụ nông sản hàng hoá, cũng như các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống đã khẳng định vai trò to lớn của các HTXTM trong việc góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định đời sống, mở rộng thị trường trong nước nói chung và thị trường nông thôn nói riêng.

1.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể nói chung và HTX nói riêng trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay

Kinh tế nông thôn trong những năm vừa qua đã có quá trình đổi mới toàn diện, sâu sắc. Sức lao động và đất đai được giải phóng đã đem lại hiệu quả to lớn. Từng bước chuyển từ nền sản xuất thuần nông độc canh, tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hoá, đã tạo ra những vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá lớn, có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao. Đời sống nông dân ở phần lớn các vùng nông thôn được cải thiện rõ rệt. Xây dựng nông thôn mới XHCN đã được quan tâm phát triển như cơ sở hạ tầng xã hội, đường giao thông nông thôn, hệ thống cung cấp điện, nước phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt. Quan hệ sản xuất được đổi mới một bước theo hướng phát huy kinh tế hộ, đổi mới kinh tế hợp tác, HTX, doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích kinh tế tư nhân, xây dựng một nền kinh tế nhiều thành phần.

Tuy nhiên, trong nông thôn hiện nay vẫn đang có những thách thức lớn: cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm, sản xuất chưa theo sát yêu cầu của thị trường, đa số sản phẩm làm ra có chất lượng thấp, giá thành cao nên khó tiêu thụ. Lao động nông thôn thiếu việc làm, thu nhập của nông thôn còn thấp, tình trạng nghèo đói đã giảm nhưng còn gay gắt ở nhiều nơi, ở miền núi phía Bắc, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long tỷ lệ hộ nghèo đói còn ở mức 20-25%, cá biệt có nơi 35%. Tình trạng mức sống chênh lệch giữa người giàu và người nghèo ngày càng lớn, điều này càng diễn ra gay gắt

trong nền kinh tế mở cửa và hội nhập toàn cầu. Cơ sở hạ tầng nông thôn ở nhiều vùng còn rất thiếu.

Trong nông thôn hiện nay có khoảng 28 triệu lao động (chiếm 73% lao động cả nước) với đại đa số là hộ nông dân tự chủ, cá lẻ còn nghèo, chưa có tích lũy hoặc tích lũy chưa đáng kể, các cơ hội phát triển còn hạn hẹp, dễ bị tổn thương trước sự biến động của cơ chế thị trường. Trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập sắp tới, họ càng phải gánh chịu sức ép lớn hơn, chắc chắn sẽ dễ bị rủi ro hơn. Từ thực tế này họ rất cần có sự hỗ trợ của Nhà nước, của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội, đặc biệt là sự hỗ trợ để họ có thể liên kết lại với nhau thành cộng đồng dưới dạng hợp tác đa dạng trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi. Chỉ có như vậy, họ mới đủ sức tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường. Có thể nói các hình thức hợp tác giản đơn và HTX là cầu nối để giúp người nông dân hoà nhập với sự phát triển chung của toàn xã hội.

Với đặc điểm kinh tế nước ta còn chưa phát triển và kinh tế nông thôn, nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao cả về lực lượng lao động và giá trị đóng góp cho xã hội, bộ phận dân cư nghèo và yếu về kinh tế còn khá đông; đất nước sẽ không thể tiếp tục phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá nếu không sớm cải thiện đời sống và điều kiện sản xuất của những người lao động ở nông thôn. Các tổ chức kinh tế hợp tác và HTX đặc biệt có ý nghĩa, vai trò vô cùng quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bởi vì nó có vai trò “bà đỡ” đối với người lao động, giúp họ trong quá trình tổ chức sản xuất sao cho có lợi nhất; cung cấp các dịch vụ đầu vào cho những hộ chưa có khả năng sản xuất hàng hoá và giúp đỡ thêm về các dịch vụ đầu ra cho các hộ sản xuất hàng hoá; làm điểm tựa để xây dựng CNXH, đồng thời mở mang ngành nghề, phân công lại lao động, góp phần thực hiện công bằng xã hội, dân chủ ở nông thôn, tiến tới xoá đói giảm nghèo.

Trong giai đoạn đổi mới, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế HTX đã được đề cập trong nhiều văn kiện như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, Hiến pháp 1992. Chỉ thị 68-CT/TU ngày 24/5/1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khoá IX) và đặc biệt là Luật Hợp tác xã đã được ban hành ngày 20/3/1996 và Luật HTX năm 2003 với các Nghị định hướng dẫn. Trong nông nghiệp, sau chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Riêng lĩnh vực thương mại có quyết định 194/HĐBT ngày 23/12/1988 của HĐBT ban hành qui định về tổ chức và hoạt động của HTXMB. Nghị quyết 12/NQ-TU ngày 3/1/1996 của Bộ Chính trị về “*tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp phát triển thị trường theo định hướng XHCN*”, Nghị định 41/NĐ-CP ban hành Điều lệ mẫu HTXTM. Nội dung cơ bản của những văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật nêu trên là:

- Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, nhu cầu hợp tác trong tổ chức kinh tế HTX trong đó có HTXTM là tất yếu khách quan. Nhà nước cần phát huy và sử dụng tốt khả năng, tính tích cực của các thành phần kinh tế trong giao lưu hàng hoá, đi đôi với xây dựng thương mại nhà nước và HTXTM

- HTX được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc: tự nguyện, quản lý dân chủ và bình đẳng, tự chịu trách nhiệm, cùng có lợi bảo đảm lợi ích của xã viên và sự phát triển của HTX, cùng hợp tác phát triển cộng đồng. Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các HTXTM rất đa dạng và linh hoạt, không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Nguồn vốn ban đầu của HTXTM chủ yếu là do cổ phần đóng góp của xã viên.

- Về sở hữu, trong HTX có thể đan xen một số hình thức sở hữu khác nhau. Các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng.

- Nhà nước tôn trọng tính tự nguyện của công dân góp vốn, góp sức để hình thành các đơn vị sản xuất, kinh doanh, không thực hiện sự cưỡng chế tập thể hoá, dẫn đến xâm phạm quyền tự do, dân chủ trong đời sống kinh tế của những người sản xuất và lao động; Nhà nước tạo điều kiện củng cố và mở rộng các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả; hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đỡ về vốn, thông tin, thị trường, đào tạo cán bộ để HTX phát triển.

Trên cơ sở xác định quyền chủ động kinh doanh và quyền tự chủ tài chính, Nhà nước không giao chỉ tiêu pháp lệnh cho HTX mà thông qua các chính sách đòn bẩy kinh tế để hướng dẫn, khuyến khích HTX kinh doanh có lợi cho quốc kế dân sinh.

Nhà nước tạo khung khổ pháp lý cho các HTX, trong đó có HTXTM. Đồng thời, kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước đối với các HTX, các cấp từ trung ương đến địa phương nhằm đạt được mục tiêu xây dựng, củng cố và phát triển kinh tế HTX trong giai đoạn đổi mới đất nước.

** Quan điểm phát triển HTXTM của Đảng và Nhà nước ta*

- Tiếp tục quán triệt đường lối đổi mới của Đảng về phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTXTM và các doanh nghiệp Nhà nước là nền tảng quan trọng của nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa như đã được nêu trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần IX. Phát triển tổ hợp tác và HTXTM phải tôn trọng và tạo điều kiện, chăm lo kinh tế hộ phát triển.

- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã phải gắn với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, và gắn giữa vùng sản xuất với công nghiệp chế biến; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng phù hợp với tiến trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực và là điểm tựa để xây dựng các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước.

- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã thương mại trong mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp Nhà nước và quan hệ với các thành phần kinh tế khác. HTXTM phải được làm rõ chức năng, nhiệm vụ về kinh tế - xã hội, được tạo mọi điều kiện đầy đủ về cơ chế chính sách để có điều kiện vươn lên làm ăn có hiệu quả.

- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã thương mại phải đảm bảo các nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi; phải tiến hành từng bước, linh hoạt với những mô hình, tổ chức hoạt động phong phú, đa dạng phù hợp với điều kiện, tập quán cụ thể từng vùng, từng địa phương.

- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã thương mại phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất, hỗ trợ tích cực của Nhà nước và tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hợp tác xã thương mại .

Các quan điểm nêu trên đã được cụ thể hoá trong luật HTX năm 2003.

1.4. Đặc điểm về môi trường kinh doanh, những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển HTXTM nông thôn

1.4.1. Đặc điểm về môi trường kinh doanh ở nông thôn

Môi trường kinh doanh ở nông thôn được hiểu là toàn bộ các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội có tác động trực tiếp hay gián tiếp đến sự hình thành và phát triển kinh doanh ở nông thôn. Có nhiều cách tiếp cận phân tích môi trường kinh doanh như: môi trường trong nước và môi trường quốc tế, môi trường tổ chức và môi trường thể chế, chính sách, v.v.

“Môi trường kinh doanh ở nông thôn” chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu dưới góc độ kinh tế, pháp lý, văn hoá và xã hội. Bởi vì, trong một thực thể xã hội tuy rất đa dạng và phức tạp nhưng các yếu tố này đóng vai trò quyết định vào việc hình thành và phát triển các thị trường cho doanh nghiệp hoạt động, đó là thị trường vốn, thị trường sức lao động, thị trường mua (các yếu tố đầu vào của sản xuất - kinh doanh) và thị trường bán (hàng hoá, dịch vụ do các doanh nghiệp sản xuất ra).

Hoạt động kinh doanh ở nông thôn là quá trình thực hiện đầu tư sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn của các hộ gia đình, cơ sở sản xuất (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân...) có qui mô vừa và nhỏ nhằm tạo việc làm và tăng thu nhập. Quá trình phát triển các hoạt động kinh doanh ở nông thôn luôn gắn kết, đan xen giữa các nghề có ảnh hưởng lớn tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn. Bởi vậy, nói đến môi trường kinh doanh ở nông thôn là nói đến các điều kiện khách quan tác động đến sản xuất nông nghiệp hàng hoá và phát triển ngành nghề đạt tới một trình độ tương đối cao so với sản xuất nông nghiệp truyền thống ở trình độ tự cung, tự cấp trong lịch sử phát triển của nó.

Trong quá trình sản xuất - kinh doanh, các nhà đầu tư (các doanh nghiệp và hộ) phải tuân thủ qui định của các luật, văn bản, chính sách do Nhà nước ban hành có liên quan. Các luật, chính sách có thể khuyến khích một số ngành nghề, nhưng lại hạn chế, thậm chí cấm không cho phát triển một số ngành nghề khác nhằm đạt những mục tiêu phát triển chung của nền kinh tế.

Nhà nước thông qua việc xây dựng và ban hành khung pháp lý, một mặt, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các hộ và doanh nghiệp hoạt động; mặt khác, giúp đỡ, hỗ trợ về vật chất nhằm tăng cường năng lực của các cơ sở, hộ gia đình trong sản xuất - kinh doanh. Bằng cách đó, môi trường kinh doanh được hình thành bởi các yếu tố cấu thành như hệ thống luật, các chính sách, bộ máy tổ chức và cơ chế vận hành; điều kiện của vùng và khả năng của cơ sở, hộ gia đình; các mối quan hệ và cách ứng xử của cơ sở và hộ sản xuất, dịch vụ nhằm đạt được mục tiêu đã lựa chọn. Yếu tố tâm lý và tinh thần, văn hoá kinh doanh là những điều kiện cơ bản tạo ra sự khác biệt trong phát triển kinh doanh nông thôn ở các vùng.

Hiện nay, ở nông thôn đang tồn tại nhiều ngành nghề sản xuất - kinh doanh khác nhau như: sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng; ngành dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống. Trong mỗi ngành lại có nhiều loại hình doanh nghiệp như doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài; công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty cổ phần; doanh nghiệp tư nhân, hộ sản xuất - kinh doanh cá thể. Phân theo qui mô sản xuất có doanh nghiệp qui mô lớn; doanh nghiệp qui mô vừa và nhỏ và doanh nghiệp qui mô nhỏ.

Quá trình phát triển của các ngành sản xuất - kinh doanh nói chung, các ngành sản xuất - kinh doanh vùng nông thôn nói riêng luôn gắn liền với quá trình phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Khi khoa học kỹ thuật và công nghệ đã đạt được nhiều tiến bộ và thành tựu to lớn, thì sự phân công lao động diễn ra một cách sâu rộng, các ngành nghề phi nông nghiệp cũng từ đó mà

phát triển mạnh, kéo theo đó môi trường kinh doanh cũng trở nên đa dạng, phức tạp hơn. Thời gian đầu, các nghề phụ trong gia đình xuất hiện và sản xuất diễn ra vào những lúc nông nhàn, dần dần ngành nghề tách ra khỏi nông nghiệp nhưng vẫn tồn tại, gắn bó với làng quê nông thôn. Cục chế biến Nông lâm sản và ngành nghề nông thôn bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn, đã xác định “ngành nghề nông thôn là những hoạt động kinh tế phi nông nghiệp bao gồm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các hoạt động dịch vụ phục vụ cho sản xuất và đời sống có qui mô khác nhau; với các thành phần kinh tế như hộ gia đình và các tổ chức kinh tế khác như hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn .v.v.. gọi chung là cơ sở”. Các hộ và cơ sở này với mức độ khác nhau có sử dụng các nguồn lực ở nông thôn như: đất đai, lao động, nguyên liệu, các nguồn lực khác v.v.. có ảnh hưởng lớn tới quá trình phát triển kinh tế-xã hội nông thôn.

Ngành nghề nông thôn được chia thành 3 nhóm chính:

- Nhóm chế biến nông lâm thủy sản, bao gồm chế biến bảo quản lương thực, chế biến chè, thịt, thức ăn chăn nuôi, rau quả, chế biến gỗ và lâm sản.

- Nhóm tiểu thủ công nghiệp, xây dựng được chia thành ngành thủ công mỹ nghệ, đan lát, gốm sứ, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí nông thôn.

- Nhóm thương mại, dịch vụ bao gồm , cung ứng vật tư hàng hoá cho sản xuất và đời sống, tiêu thụ sản phẩm của nông dân, các dịch vụ vận tải và thông tin liên lạc, các dịch vụ xây dựng và sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, điện nước, các công trình hạ tầng cơ sở và xã hội, các dịch vụ tư vấn, tiếp thị, chuyển giao công nghệ, đào tạo kỹ thuật.

Ngày nay, trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, ngành nghề nông thôn không đơn thuần chỉ sử dụng lao động có kinh nghiệm với những công cụ lao động thủ công truyền thống, mà đã có sự đan xen giữa lao động truyền thống với lao động có trình độ chuyên môn cao, kết hợp giữa công nghệ cổ truyền và công nghệ hiện đại để sản xuất ra những sản phẩm vừa mang tính dân tộc cao, lại có mẫu mã đẹp, hiện đại, nên đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng đa dạng của dân cư.

1.4.2. Những nhân tố tác động đến sự hình thành & phát triển HTXTM ở nông thôn.

1.4.2.1. Nhân tố tự nhiên

Tính đặc thù của sản xuất nông nghiệp không những chi phối trực tiếp đến quá trình sản xuất nông nghiệp, mà còn ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác và HTX.

Trên từng vùng sinh thái, từng vùng kinh tế - xã hội khác nhau, các tiền đề, điều kiện ra đời các tổ chức kinh tế hợp tác không giống nhau. Chính vì vậy, sự phát triển một cách đa dạng, nhiều hình, nhiều vẻ, nhiều trình độ của các hình thức kinh tế hợp tác và HTX là một tất yếu khách quan. Nó qui định đối với quá trình hình thành phát triển cũng như hình thức tổ chức và hoạt động của các tổ chức kinh tế đó.

1.4.2.2. Nhân tố kinh tế.

HTX là sản phẩm khách quan của quá trình phát triển kinh tế, kinh tế hàng hoá càng cao thì nhiều yếu tố của quá trình sản xuất càng vượt ra ngoài khả năng của một hộ và do đó nhu cầu hợp tác càng phát triển. ở đây bao hàm cả hai chiều tác động: môi trường kinh tế chung (thị trường, quan hệ hàng hoá - tiền tệ, chính sách .vv.) và sự phát triển của kinh tế hộ với tư cách là chủ thể tham gia của quá trình hợp tác.

1.4.2.3. Nhân tố khoa học - kỹ thuật

Cùng với quá trình phát triển của nền kinh tế, quá trình chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông thôn, nông nghiệp càng được đẩy mạnh. Chính quá trình này, nhanh hay chậm, đã đóng vai trò qui định sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nội bộ ngành nông nghiệp, cũng như cơ cấu kinh tế nông thôn, phân công lại lao động trong nông nghiệp, làm xuất hiện từng bước các điều kiện đòi hỏi phải hợp tác với nhau với sự đa dạng của các hình thức hợp tác, mô hình tổ chức và hoạt động.

1.4.2.4. Nhân tố văn hoá truyền thống

Truyền thống văn hoá Việt Nam luôn luôn được trân trọng và đề cao tính cộng đồng làng xã, tạo ra những ràng buộc thân tộc tự nhiên, mặt tích cực của nhân tố này là tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống. Chính truyền thống này vừa là cơ sở, vừa là động lực thúc đẩy quá trình hợp tác, hình thành nhiều loại hình hợp tác đa dạng, phù hợp với các đặc điểm truyền thống văn hoá từng vùng. Tuy nhiên nhân tố này cũng chứa đựng nhiều nhân tố tiêu cực (gia trưởng, ghen ghét, lệ làng) đã hạn chế đến phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

1.5. Nội dung tổ chức và phát triển HTXTM

1.5.1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HTX:

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HTX như sau ¹:

¹ Nghị định của chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật HTX năm 2003 - số: 177/2004/NĐ-CP

1.5.1.1 Tự nguyện:

- Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân, cán bộ, công chức nhà nước có đủ điều kiện trở thành xã viên (điều 10 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP), tán thành Điều lệ hợp tác xã và có đơn xin gia nhập hoặc xin ra hợp tác xã.

Đối với xã viên của hợp tác xã đã đăng ký và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 1996 được miễn trừ đơn xin gia nhập hợp tác xã, nhưng nếu xin ra hợp tác xã thì phải có đơn;

- Việc hợp tác xã tham gia liên hiệp hợp tác xã phải được Đại hội xã viên biểu quyết thông qua.

1.5.1.2. Dân chủ, bình đẳng và công khai:

- Tất cả xã viên cùng tham gia quản lý hợp tác xã thông qua biểu quyết, quyết định các vấn đề của hợp tác xã. Biểu quyết của xã viên có giá trị như nhau;

- Xã viên có quyền đề đạt và yêu cầu Ban quản trị, Ban kiểm soát giải thích và trả lời về những vấn đề xã viên quan tâm. Trường hợp không được trả lời, xã viên có quyền đưa ra Đại hội xã viên để giải quyết;

- Hợp tác xã công khai tới xã viên trong Đại hội xã viên hoặc thông báo bằng văn bản định kỳ trực tiếp với từng xã viên, nhóm xã viên cùng sinh sống theo địa bàn hoặc thông tin trên bản tin hàng ngày tại trụ sở hợp tác xã về: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; việc trích lập các quỹ; chia lãi theo vốn góp, theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã; các đóng góp xã hội; các quyền lợi; nghĩa vụ của từng xã viên, trừ những vấn đề thuộc về bí mật kinh doanh, bí quyết công nghệ sản xuất do Đại hội xã viên quy định.

1.5.1.3. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi:

- Hợp tác xã tự quyết định: Lựa chọn phương án sản xuất, kinh doanh; phân phối kết quả sản xuất, kinh doanh; lập và mức trích lập các quỹ; mức tiền công, tiền lương đối với những người làm việc cho hợp tác xã;

- Hợp tác xã tự lựa chọn và quyết định: hình thức, thời điểm huy động vốn; chủ động sử dụng vốn và tài sản của mình; chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; tổ chức thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm theo pháp luật về hợp đồng đã ký kết;

- Hợp tác xã tự chịu trách nhiệm về những rủi ro trong quá trình hoạt động. Mỗi xã viên trong hợp tác xã cùng chịu trách nhiệm về những rủi ro của hợp tác xã trong phạm vi vốn góp của mình, cùng nhau quyết định những giải pháp khắc phục rủi ro;

- Các xã viên hợp tác xã cùng hưởng lợi theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 điều 18 Luật Hợp tác xã năm 2003.

1.5.1.4. Hợp tác xã và phát triển cộng đồng:

- Xã viên hợp tác xã phải có ý thức phát huy tinh thần xây dựng tập thể và hợp tác với nhau trong hợp tác xã, trong cộng đồng xã hội;

- Các hợp tác xã cùng hợp tác với nhau trong sản xuất, kinh doanh và trong xây dựng, phát triển phong trào hợp tác xã.

1.5.2. Thành lập bộ máy quản lý và bộ máy điều hành HTX:²

1.5.2.1. Đối với hợp tác xã thành lập một bộ máy vừa quản lý, vừa điều hành:

- Số lượng thành viên Ban quản trị, Ban kiểm soát do Hội nghị thành lập hợp tác xã quyết định căn cứ vào số lượng xã viên của hợp tác xã tại thời điểm thành lập. Trong quá trình hoạt động, Đại hội xã viên quyết định việc tăng hay giảm số lượng thành viên Ban quản trị, Ban kiểm soát cho phù hợp và báo cáo bằng văn bản tới cơ quan đăng ký kinh doanh;

- Hội nghị thành lập hoặc Đại hội xã viên trực tiếp bầu Ban quản trị và Chủ nhiệm hợp tác xã trong số các thành viên Ban quản trị; bầu Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát trong số thành viên Ban kiểm soát;

- Chủ nhiệm hợp tác xã đồng thời là Trưởng Ban quản trị có quyền và nhiệm vụ theo quyết định tại khoản 2 Điều 27 và các điểm b, c, đ khoản 2 Điều 28 Luật Hợp tác xã năm 2003;

- Hội nghị thành lập hoặc Đại hội xã viên quyết định số lượng Phó chủ nhiệm hợp tác xã để Ban quản trị lựa chọn từ thành viên ban quản trị hoặc xã viên hợp tác xã.

1.5.2.2. Đối với hợp tác xã thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành:

- Số lượng thành viên Ban quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện như hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Hội nghị thành lập hoặc Đại hội xã viên trực tiếp bầu Ban quản trị và Trưởng Ban quản trị trong số thành viên Ban quản trị; Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát trong số thành viên ban kiểm soát;

² Nghị định số 177/2004/NĐ-CP của chính phủ.

- Ban quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm hợp tác xã (là xã viên hợp tác xã) hoặc thuê, chấm dứt hợp đồng thuê chủ nhiệm hợp tác xã (là người ngoài hợp tác xã) theo nghị quyết của Đại hội xã viên;

- Chủ nhiệm hợp tác xã có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Hợp tác xã năm 2003;

- Số lượng Phó chủ nhiệm và việc lựa chọn Phó chủ nhiệm hợp tác xã được thực hiện như hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều này.

1.5.3. Mối quan hệ giữa tổ chức và hoạt động:

Trong quá trình hoạt động, từng con người hay tập thể đều xác định cho mình một mục tiêu. Từ mục tiêu đó, định hình tổ chức phù hợp để thực hiện có hiệu quả nhất mục tiêu đó. Vì vậy, tổ chức là công cụ để thực hiện mục tiêu. Mục tiêu của HTX càng rõ ràng thì thiết kế tổ chức càng thuận lợi và vận hành tổ chức đạt đến mục tiêu sẽ "thuận buồm xuôi gió" và đạt hiệu quả cao nhất, tổ chức là phương tiện để đạt mục tiêu, song do nhận thức không đầy đủ về vai trò của tổ chức đã nhầm lẫn coi tổ chức là mục tiêu. (Ví dụ: khi xem xét đánh giá một hợp tác xã có lúc xem tỷ lệ số nông dân vào HTX là mục tiêu, hay nói cách khác lấy mục tiêu là hộ nông dân vào hợp tác xã, không xem xét hiệu quả mang lại, không xem HTX là công cụ đạt năng suất và hiệu quả cao hơn so với cá thể.)

Để xác định hiệu quả của tổ chức, phải xác định 3 yếu tố: yếu tố đầu vào, yếu tố quản lý vận hành (hoạt động) và yếu tố kết quả của tổ chức. Sự chênh lệch yếu tố kết quả, và yếu tố đầu vào là hiệu quả của tổ chức, hiệu quả đó được đảm bảo bằng yếu tố quản lý, vận hành của người lãnh đạo tổ chức. Đối với HTX sản xuất kinh doanh hiệu quả này được tính bằng tiền. Mục tiêu rõ ràng và tính hiệu quả của tổ chức là qui luật khách quan khống chế cấu trúc và phương thức hoạt động của tổ chức. Người đứng đầu tổ chức HTX có vai trò rất quan trọng khi vận hành qui luật vào xây dựng tổ chức của mình. Khi xác định sai lệch mục tiêu sẽ làm cho tổ chức của HTX kém hiệu quả và có thể làm suy giảm hiệu quả, suy giảm hệ thống tổ chức.

Tổ chức có quan hệ chặt chẽ với hoạt động và hoạt động là điều kiện tồn tại của tổ chức. Tổ chức cũng như cơ thể sống, sự vận động là lẽ sống của nó, tổ chức thiết kế để thực hiện mục tiêu, quá trình thực hiện mục tiêu là quá trình hoạt động của tổ chức. Nếu tổ chức không vận động và vận động không có hiệu quả thì không có gì đạt được mục tiêu; Điều này được biểu hiện ở mối quan hệ giữa sự tồn tại và phát triển của HTX.

Tổ chức và hoạt động luôn luôn gắn bó với nhau. Tổ chức ở đây không chỉ là tổ chức bộ máy quản lý hành chính mà còn hiểu rộng hơn là tổ chức các hoạt động, quá trình hoạt động của các hệ thống cũng chính là quá trình tổ chức,

là quá trình hình thành và phát triển các phương thức hoạt động phù hợp với mỗi loại hình tổ chức kinh tế. Tổ chức bộ máy quản lý điều hành nằm trong cấu trúc của hệ thống tổ chức được hình thành trên cơ sở mục tiêu, nhưng còn phụ thuộc vào nội dung hoạt động. Nội dung hoạt động thế nào thì tổ chức điều hành bộ máy như thế.

1.5.4 Các yếu tố thúc đẩy tổ chức phát triển HTX:

- Áp lực kinh tế: Hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, áp lực cạnh tranh, giá cả nông sản, giá nguyên liệu, chi phí lao động...
- Sự trợ giúp về luật pháp và tài chính của Nhà nước.
- Sự xuất hiện các tổ chức tiền HTX (nhóm, tổ, hiệp hội) và các xã viên là hạt nhân.
- Quy mô của nông hộ, tổ nhóm, hiệp hội.
- Sự liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh doanh (HTX, DNNN, DNTN...)
- Loại sản phẩm kinh doanh.
- Đào tạo xã viên và mức độ cung cấp thông tin.
- Hội nhập kinh tế quốc tế.

1.5.5. Phân loại hình thức tổ chức và hoạt động của HTX

Trên thế giới, cũng như ở nước ta có rất nhiều loại hình HTX, không chỉ đa dạng về hình thức tổ chức, mà còn phong phú về nội dung hoạt động. Có những nước qui định hình thức, loại hình HTX trong Luật HTX, nhưng cũng có nước hướng dẫn chọn hình thức thích hợp:

1.5.5.1. Phân loại theo các nước trên thế giới

**** Phân loại theo người sáng lập***

Dựa vào tiêu chí người sáng lập, có thể chia HTX thành 2 loại là HTX của người sản xuất và HTX của người tiêu dùng.

- HTX của người sản xuất như: HTXNN, HTX ngư nghiệp, HTX lâm nghiệp, HTX tiểu thủ công nghiệp.
- HTX của người tiêu dùng (người dân) gồm :
 - + HTX thu mua
 - + HTX sinh hoạt theo khu vực.

- HTX sinh hoạt chia theo ngành nghề (HTX sinh hoạt tại nơi làm việc, HTX sinh hoạt tại khu dân cư (nhà ở do công ty cấp), HTX sinh hoạt tại trường đại học).

+ HTX y tế.

+ Hiệp hội tương trợ kinh tế.

+ HTX sinh hoạt khu dân cư.

** Phân loại theo công việc của HTX*

HTX có thể phân loại theo công việc của HTX. Đầu tiên từ hình thái công việc của HTX có: HTX sản xuất, HTX lưu thông, HTX chế biến. Nhưng riêng HTX sản xuất có thể phân loại được rõ rệt, còn lưu thông và chế biến thì có trường hợp có quan hệ mật thiết với nhau. Thông thường thì chế biến diễn ra giống như một quá trình của lưu thông ví dụ như người ta cùng nhau buôn bán, chế biến và sử dụng vật tư (nguyên liệu) mà họ đã cùng nhau mua.

- HTX sản xuất

Xã viên cung cấp đất, vốn, sức lao động cho HTX, cùng nhau hợp sức sản xuất bằng công cụ sản xuất của HTX, sau đó chia lợi nhuận và nhận thù lao công việc.

HTX sản xuất chính là tổ chức mà người xã viên cùng nhau chung công cụ sản xuất và liên minh sản xuất với nhau. Người xã viên thuộc HTX sản xuất nông nghiệp làm công việc canh tác nhưng trường hợp sản xuất nông nghiệp độc lập thì không còn là HTX sản xuất nữa. “Phân loại theo công việc” là nhiệm vụ của HTX chứ không phải là công việc của xã viên.

- HTX lưu thông

Đây là liên minh chủ yếu đem lại lợi nhuận cho nhà sản xuất và ích lợi cho người tiêu dùng, bao gồm các hoạt động sau:

+ Tín dụng (Giữ và cho vay tiền)

+ Buôn bán (Bán các sản phẩm xã viên làm ra)

+ Thu mua (Mua các sản phẩm cần thiết phục vụ công việc và cuộc sống của xã viên)

+ Sử dụng (Xã viên làm ra các thiết bị cần thiết cho công việc và cuộc sống để cùng sử dụng)

+ Cứu trợ (Đề phòng tai nạn trong công việc và sinh hoạt của xã viên, gây quỹ giúp xã viên gặp tai nạn)

+ Vận tải, chế biến, lưu trữ...

Cũng có khi đặc điểm công việc lại trở thành tên gọi của HTX. Ví dụ HTX tín dụng, HTX mua bán nông nghiệp, HTX vận tải... Trong đó chế biến là một công việc được thực hiện cùng với công việc lưu thông.

** Phân loại dựa vào việc cho vay vốn*

Nhờ vào phương pháp huy động vốn dự trữ người ta có thể phân loại ra HTX đầu tư và HTX phi đầu tư.

- *HTX đầu tư*

Là hình thức huy động vốn của xã viên để tạo nguồn vốn cần thiết cho điều hành công việc, xây dựng và mua thiết bị.

HTX là một tổ chức nhằm vào mục đích tương trợ giữa xã viên với nhau, Do đó nó khác với hình thức Công ty cổ phần hay một hình thức nào đó trong liên minh tư bản - một liên minh không cần huy động vốn cũng có thể điều hành được. Tuy nhiên trên thực tế, để điều hành được công việc trong nhiều trường hợp cần vốn của chính mình.

Tiền vốn huy động tài sản ở một quy mô nhất định là cơ sở tạo ra chữ tín trong các hoạt động kinh tế. Nguyên tắc đầu tư là phải có tiền bỏ ra nhưng người ta cũng chấp nhận hình thức đầu tư bằng hiện vật (động sản, bất động sản, chứng khoán có mệnh giá).

Trong HTX đầu tư, thông thường thì chi phí công việc được chi trả từ việc thu lợi nhuận sinh ra từ kết quả của công việc đó.

- *HTX phi đầu tư*

HTX phi đầu tư thu thuế của xã viên làm kinh phí cần thiết. HTX phi đầu tư chủ yếu làm công tác chỉ đạo tùy vào đó có thể được coi là một liên minh làm kinh tế hay một liên minh khác.

** Cách phân loại khác*

- *Phạm vi trách nhiệm của xã viên*

Khi HTX bị thua lỗ hoặc phải trả nợ, tùy vào mức độ trách nhiệm của mỗi xã viên mà người ta sẽ chia thành hai loại HTX: HTX trách nhiệm vô hạn và HTX trách nhiệm hữu hạn.

HTX trách nhiệm vô hạn là hình thức HTX mà khi bản thân HTX đó bằng toàn bộ tài sản của mình vẫn không trả hết nợ thì ngoài tiền vốn đóng góp, dù có phải đem cả tài sản cá nhân ra cũng phải trả hết nợ.

HTX trách nhiệm hữu hạn là hình thức HTX mà khi bản thân nó bằng toàn bộ tài sản của mình vẫn không trả hết nợ thì bản thân người xã viên phải chịu trách nhiệm theo mức độ tiền vốn mình đã đóng góp. Hình thức HTX ở Việt Nam và Nhật Bản hiện nay là HTX trách nhiệm hữu hạn.

- Tổ chức thứ nhất và tổ chức thứ hai

Trong HTX, có tổ chức đơn vị (hoặc là cơ sở) hình thành nên tổ chức liên hiệp (Hội liên hiệp hay Hội trung ương, cao hơn nữa là tổ chức liên hiệp). Người ta gọi tổ chức đơn vị là tổ chức thứ nhất, còn tổ chức liên hiệp là tổ chức thứ hai.

1.5.5.2 Phân loại HTX ở Việt Nam

Ở Việt Nam, luật HTX 1996 chưa có điều khoản nào nói rõ phân loại HTX, song theo tinh thần nội dung của luật HTX và thực tế quá trình hình thành và phát triển HTX ở nước ta có thể phân loại theo các tiêu thức sau đây.

** Phân theo ngành có các hình thức sau:*

- HTX tiểu thủ công nghiệp, đó là các HTX chuyên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp như : cơ khí, điện, hóa chất, thủ công mỹ nghệ, may mặc, chế biến nông sản v.v...

- HTXNN: Đó là các HTX hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp, ngư nghiệp ở các vùng nông thôn.

- HTXTM dịch vụ: Đó là các HTX chuyên kinh doanh, dịch vụ trong các lĩnh vực mua bán hàng hóa các loại phục vụ cho các nhu cầu về kinh tế - xã hội của xã viên và dân cư trên địa bàn.

- HTX tín dụng: Đó là các HTX kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực tiền tệ theo phương thức huy động và cho vay vốn phục vụ xã viên và dân cư.

- Ngoài ra còn có các HTX đánh bắt thủy sản, HTX xây dựng chuyên làm nghề xây dựng các công trình kiến trúc, nhà cửa và sản xuất vật liệu xây dựng, HTX giao thông vận tải chuyên hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải bằng các phương tiện thô sơ hay bằng các phương tiện cơ giới lớn.

1.5.5.3 Các hình thức HTXTM dịch vụ:

- HTXTM dịch vụ chuyên ngành: Là loại hình HTX dịch vụ mới xuất hiện trong những năm gần đây, đặc biệt từ khi có luật HTX. Đặc điểm của loại hình HTX này là gắn kết với doanh nghiệp chế biến, thay mặt hộ xã viên làm người đại diện ký kết hợp đồng đầu tư và tiêu thụ sản phẩm nguyên liệu. Với doanh nghiệp, tổ chức thực hiện tất cả các dịch vụ “đầu vào” và “đầu ra” cho hộ xã viên theo đúng qui trình sản xuất, cây trồng, vật nuôi ghi trong hợp đồng.

- HTX dịch vụ - kinh doanh tổng hợp: Là những HTX vừa trực tiếp tổ chức sản xuất kinh doanh tập trung vừa hoạt động dịch vụ cho hộ xã viên về những khâu, những việc mà từng hộ xã viên không có điều kiện hoặc làm nhưng kém hiệu quả. HTX tổ chức các cơ sở chế biến chung để đảm bảo tiêu thụ sản phẩm đầu ra của hộ xã viên và chế biến thức ăn gia súc, sản xuất cây giống theo phương pháp công nghiệp, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, hoặc tổ chức phát triển các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp để tạo việc làm, tăng thu nhập cho xã viên và người lao động, tạo ra lợi nhuận chung của HTX để hỗ trợ các khâu dịch vụ cho xã viên phát triển kinh tế hộ tự chủ được thuận lợi và giá cả ưu đãi (ví dụ mô hình HTX hỗn hợp Duy Sơn II, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam).

HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp là hình thức tổ chức HTX rất có hiệu quả mà nhiều nước trên thế giới đã và đang áp dụng (như HTX chế biến rượu nho ở CHLB Đức, HTX sản xuất rau quả của Đài Loan) nó cũng phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của nhiều vùng ở nước ta trước hết là đối với các vùng sản xuất hàng hóa, đã có bước phát triển khá. Xây dựng HTX theo mô hình này có ưu điểm là sẽ tạo điều kiện, tiền đề cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn nhất là đối với sản xuất nông nghiệp, gắn với chế biến và tiêu thụ, kết hợp mở mang các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn. Với mô hình tổ chức dịch vụ kinh doanh tổng hợp, HTX có điều kiện tích lũy nhanh từ nhiều nguồn thu khác nhau phát triển ngày càng mạnh mẽ bộ phận kinh tế tập thể (thuộc sở hữu chung của tập thể xã viên) để có điều kiện hiện đại hóa sản xuất và tạo ra sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh, đồng thời vừa phát huy được vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên trong quá trình chuyển sang sản xuất hàng hóa, HTX không hạn chế tính năng động, sáng tạo của hộ tự chủ, mà ngược lại luôn tìm cách hỗ trợ có hiệu quả đối với kinh tế hộ, để kinh tế hộ không ngừng phát triển

** Hình thức đan xen các thành phần kinh tế:*

Ngoài các hình thức chủ yếu nêu trên, hiện nay đã và đang xuất hiện hình thức đan xen các thành phần kinh tế.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, đến một mức nào đó các tổ KTHT và HTX qui mô nhỏ, hoạt động phân tán sẽ tự bộc lộ những hạn chế của mình và tự họ sẽ phải liên kết lại với nhau dưới các hình thức liên hiệp của các HTX với qui mô lớn hơn hoặc liên kết giữa HTX với cơ sở sản xuất công nghiệp, với doanh nghiệp Nhà nước, hoặc với các doanh nghiệp khác trên cơ sở tự nguyện và cùng có lợi. Việc liên kết kinh tế giữa các tổ hợp tác, HTX với các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp Nhà nước để hỗ trợ, giúp đỡ nhau phát triển sản

xuất - kinh doanh là xu hướng tiến bộ sẽ tạo ra sự đa dạng, cao hơn của KTHT, vì vậy cần được coi trọng và phát huy.

Sau khi có luật HTX năm 2003 chúng ta đang nghiên cứu xây dựng các tiêu chí phân loại đánh giá HTX.

II. KINH NGHIỆM CỦA NƯỚC NGOÀI VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTX Ở NÔNG THÔN

2.1. Mô hình tổ chức và quản lý các HTX ở Thái Lan

2.1.1 Mô hình HTX ở Thái Lan

Mô hình HTX khá phát triển ở Thái Lan, ngay từ năm 1916, HTX đầu tiên được thành lập với 16 thành viên làm chức năng dịch vụ tín dụng cung cấp vốn với lãi suất thấp, nhằm giúp đỡ nông dân xã viên. Từ đó các HTX từng bước ra đời, đầu năm 1990 có 3.009 HTX với 3,169 triệu hộ xã viên bao gồm 5,19 triệu xã viên. Ở Thái Lan có 6 loại hình HTX, trong đó về số lượng HTXNN chiếm 52,1% với 2,752 triệu hộ, chiếm 53,03% tổng hộ xã viên, tiếp đó là HTX tiết kiệm và tín dụng với 878 HTX chiếm 25,6% và 1,564 triệu xã viên chiếm 30,1%, HTX tiêu dùng, HTX dịch vụ, HTX khai khẩn đất đai và HTX ngư nghiệp. Như vậy, ở Thái Lan HTXNN chiếm tỷ trọng lớn về số lượng HTX và số lượng xã viên. Đó là HTX dịch vụ tổng hợp với chức năng dịch vụ đầu vào (cung cấp tín dụng, cung cấp vật tư kỹ thuật nông nghiệp) và đầu ra (chế biến, mua bán lưu thông nông sản...) cho các hộ nông dân. Trong đó, lúa gạo là hướng kinh doanh chủ yếu của HTX. Hệ thống tổ chức HTXNN ở Thái Lan theo 3 cấp: HTX cấp cơ sở (huyện), Liên hiệp các HTX (tỉnh) và Liên đoàn HTX quốc gia. HTXNN cơ sở được xây dựng trên cơ sở hợp nhất các HTX tín dụng qui mô nhỏ, thành lập các HTX tín dụng cấp huyện với các HTX lưu thông nông sản. HTXNN có qui mô bình quân 800 hộ xã viên trên địa bàn huyện được chia theo làng, xã.

Liên hiệp các HTX cấp tỉnh được tổ chức trên cơ sở từ 3 Liên hiệp HTX cơ sở trên, với chức năng hỗ trợ hoạt động của các HTX cơ sở và tập trung vào công tác chế biến lúa gạo là chủ yếu.

Liên đoàn các HTXNN quốc gia được thành lập trên cơ sở các Liên hiệp HTXNN cấp tỉnh với nhiệm vụ nhập vật tư (phân bón) của nước ngoài đem phân phối cho các HTX trong cả nước và tổ chức tiêu thụ các loại nông sản của các Liên hiệp HTXNN cấp tỉnh, trước hết là lúa gạo ở thị trường trong nước và xuất khẩu gạo ra thị trường ngoài nước.

HTX tiết kiệm và tín dụng về qui mô đứng thứ hai, sau HTXNN được hình thành và phát triển chủ yếu do nhu cầu của những giáo viên, công chức ăn

lương nhằm trích một phần tiền lương gửi tiết kiệm lấy lãi và rút ra để sử dụng khi cần thiết. Theo số liệu thống kê cơ cấu xã viên của HTX tiết kiệm và tín dụng như sau: số xã viên là giáo viên chiếm 48,59%, công chức thuộc cơ quan chính phủ chiếm 36,11%, công an, cảnh sát chiếm 11,61%, tư nhân 2,11 % và bộ phận khác chiếm 1,58%.

HTX tiêu dùng có qui mô về số lượng các HTX và xã viên đứng thứ ba, với mục đích hoạt động là kinh doanh có lãi và phục vụ chính xã viên của mình, bằng cách mua hàng tiêu dùng của các xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp nhà nước và bán hàng hoá cho xã viên và các tầng lớp dân cư khác. Theo số liệu thống kê từ năm 1978 đến 1989, hàng năm khoảng 70% số hàng hoá của các HTX được bán cho xã viên với giá ưu tiên so với các đối tượng khác.

Ngoài 3 loại hình HTX trên, còn có loại hình HTX dịch vụ, HTX khẩn hoang đất đai và HTX ngư nghiệp. HTX dịch vụ ở Thái Lan hướng vào các dịch vụ nhà ở, dịch vụ cung cấp nước, dịch vụ vận tải, dịch vụ tiểu thủ công nghiệp, chúng được tổ chức ở cả nông thôn và thành thị.

Các loại hình HTX nêu trên, được tập hợp vào tổ chức Hiệp hội các HTX ở Thái Lan và được thành lập vào năm 1968. Hiệp hội HTX ở Thái Lan là cơ quan tối cao của toàn bộ phong trào HTX, của liên minh HTX quốc tế, Hiệp hội HTX Thái Lan có nhiệm vụ thúc đẩy và phát triển các hoạt động chung của các thành viên, làm cầu nối giữa phong trào HTX với nhà nước, các HTX quốc tế và các nước khác.

2.1.2 Sự hỗ trợ của Nhà nước đối với phong trào hợp tác xã ở Thái Lan:

Hợp tác xã ở Thái Lan do Chính phủ Thái Lan thành lập từ năm 1915, với mục đích cải thiện đời sống cho tầng lớp tiểu nông ở nông thôn. Chính phủ Thái Lan quan tâm đến điều kiện ngày càng xấu đi của đại đa số nông dân ở miền trung Thái Lan do sản xuất lúa gạo ngày càng bị thương mại hoá, song bản thân người nông dân lại không được hưởng lợi ích này.

Hơn 80 năm qua, Chính phủ Thái Lan đã có nhiều chủ trương, chính sách thích hợp để hỗ trợ phát triển phong trào hợp tác xã, đặc biệt năm 1968, Chính phủ ban hành Luật hợp tác xã BE 2511; Đã thúc đẩy việc sáp nhập các hợp tác xã tín dụng tiểu nông và các hợp tác xã tiếp thị, sản xuất lúa gạo, các hợp tác xã định cư đất đai và cải tạo đất thành các hợp tác xã cấp huyện đa chức năng.

Chính phủ Thái Lan đã thành lập Bộ Nông Nghiệp và Hợp tác xã trong đó có 2 vụ chuyên trách về hợp tác xã, đó là Vụ Phát triển hợp tác xã (CPD), Vụ Kiểm toán hợp tác xã (CAD). Hàng năm, Liên đoàn Hợp tác xã Thái Lan tổ chức hội nghị toàn thể với sự tham gia của các đại diện của các loại hình hợp tác

xã trong cả nước và đại diện các cơ quan Chính phủ liên quan đến phong trào hợp tác xã. Sự hỗ trợ và giúp đỡ của Chính phủ Thái Lan thực sự có hiệu quả trong việc hoạch định các chính sách đối với việc phát triển phong trào hợp tác xã ở Thái Lan.

Vụ Phát triển hợp tác xã với trách nhiệm và vai trò nghiên cứu, đăng ký thành lập hợp tác xã, hỗ trợ, chỉ dẫn các hợp tác xã trong cả nước và tạo điều kiện cho các hợp tác xã có khả năng hoạt động kinh doanh phù hợp với Luật hợp tác xã hiện hành. Với chức năng này, Vụ Phát triển hợp tác xã đóng vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ các hợp tác xã ở Thái Lan thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu do các hợp tác xã đề ra.

Vụ Kiểm toán thực hiện chức năng kiểm toán hợp tác xã và hướng dẫn nghiệp vụ kế toán trong công tác quản lý tài chính - kế toán hợp tác xã.

2.2. Mô hình tổ chức quản lý HTX ở Nhật Bản.

Nhật Bản tiến hành công nghiệp hoá từ năm 1900, chậm hơn nhiều nước Âu, Mỹ. Song đã sớm vươn lên để trở thành một trong những nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, kinh tế nông trại Nhật Bản mang những đặc trưng nông nghiệp châu Á có những đặc điểm khác với nông trại Tây Âu về các mặt.

Thứ nhất, qui mô đất canh tác nhỏ và tăng chậm, trong 43 năm qui mô bình quân 1 nông trại tăng 0,58 ha đất canh tác, từ 0,8 ha bình quân năm 1959 lên 1,1 ha năm 1970 và lên 1,38 ha năm 1993. Sở dĩ qui mô nông trại nhỏ là do: một mặt, đặc thù của ngành trồng lúa nước, làm ruộng như làm vườn. Mặt khác Nhật Bản có truyền thống mỗi gia đình ở nông thôn cố gắng duy trì đất đai cha ông để lại và cuối cùng, sau cải cách ruộng đất 1946-1949 chính phủ Nhật Bản có qui định hạn chế việc mua bán đất ở nông thôn.

Thứ hai, sự khác nhau về phương thức canh tác, hiện nay Nhật Bản quay về phương thức truyền thống gắn liền với tiến bộ công nghệ sinh học. Số nông trại có qui mô dưới 0,5 ha chiếm tỷ trọng lớn (41% năm 1950 và 41,7% năm 1990). Số nông trại có qui mô 1 ha trở lên tăng chậm (từ 25,5% tăng lên 30,3% cùng thời gian tương tự, nhóm nông trại có qui mô từ 0,5 ha đến 1 ha thì giảm xuống.) Kinh tế trang trại Nhật Bản có nguồn thu nhập lớn từ phi nông nghiệp (65%), gần đây chỉ còn 15% số nông trại thuần nông, số nông trại còn lại đều có nguồn thu nhập từ phi nông nghiệp.

Cùng với sự phát triển của kinh tế nông trại, kinh tế hợp tác, trong đó HTXNN thực sự trở thành hình thức tổ chức hoạt động kinh tế của nông dân với 99,2% nông trại gia đình là thành viên các HTX trong nông nghiệp. Thực hiện luật HTX ban hành năm 1947 và chính sách cơ bản về HTX được chính phủ

Nhật Bản ban hành năm 1967, mạng lưới HTXNN được tập hợp thành một hệ thống HTXNN quốc gia với 2 loại hình: HTX tổng hợp và HTX chuyên ngành với 2 loại xã viên. Xã viên làm nông nghiệp bao gồm: nông dân - chủ trang trại gia đình và xã viên không trực tiếp làm nông nghiệp bao gồm: những người làm dịch vụ kinh tế kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, những người góp vốn kinh doanh của HTX.

- HTXNN tổng hợp:

HTXNN tổng hợp có chức năng hoạt động dịch vụ phục vụ đầu vào và đầu ra cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và dịch vụ sinh hoạt, đời sống cho nông dân, xã viên.

Trước hết HTXNN cung ứng cho nông dân xã viên về tư liệu sản xuất, vật tư kỹ thuật nông nghiệp và hàng tiêu dùng vào những thời điểm hợp lý và theo hình thức cung cấp hàng hoá với đơn đặt hàng và thanh toán theo hệ thống giá cả thống nhất và hợp lý. Trên cơ sở kế hoạch sản xuất nông nghiệp và kinh tế gia đình để gửi đơn đặt hàng cho HTX và HTX căn cứ vào đó để cung ứng vật tư hàng hoá cho xã viên. Các HTXNN yêu cầu xã viên sử dụng hết các dịch vụ cung ứng để HTX bảo đảm thực hiện theo kế hoạch thu mua và cung ứng hàng hoá. Đối với hàng tiêu dùng hàng ngày được bán bình thường ở các cửa hàng của các HTXNN, xã viên không phải đăng ký theo đơn đặt hàng trước. Mạng lưới HTXNN với hơn 2000 cửa hàng và siêu thị đã cung cấp 71% phân bón, 52% thuốc trừ sâu, 38% thức ăn gia súc, 44% máy móc nông nghiệp, 47% xăng dầu, 36% hơi đốt và nhiều mặt hàng thiết yếu khác (lương thực, thực phẩm, quần áo, đồ gỗ, xe máy...)

Thứ ba, HTXNN với chức năng hoạt động tín dụng, bao gồm: nhận tiền của xã viên theo kỳ hạn và không kỳ hạn, cho các xã viên có nhu cầu vay với lãi suất thấp. Tiền gửi cho xã viên vào HTXNN cơ sở gồm tiền gửi kỳ hạn và không kỳ hạn. Với chức năng như là đại lý tín dụng của chính phủ, các HTXNN cơ sở được vay một khoản vốn của các trung tâm Ngân hàng HTXNN và Liên hiệp HTX tín dụng. Trong đó, khoản vay dài hạn với lãi suất thấp có ý nghĩa sống còn đối với các HTXNN cơ sở, số tiền vốn đó, các HTXNN cơ sở cho xã viên vay với lãi suất thấp để phát triển sản xuất nông nghiệp, chính phủ sẽ bù lỗ cho các HTX về chênh lệch lãi suất vay.

Thứ tư, hoạt động dịch vụ đầu ra, HTX mua các loại nông sản do nông dân xã viên sản xuất ra, đưa vào chế biến và đưa đi tiêu thụ ở thị trường trong và ngoài nước. Mạng lưới HTXNN được Nhà nước cho phép mua bán phần lớn số lượng gạo do nông dân sản xuất ra và chi phối 95% thị phần gạo của Nhật, 25% thị phần rau quả, 16% thị phần thịt. Dịch vụ khâu tiêu thụ nông sản cho xã viên

được thực hiện thông qua các cơ sở tiêu thụ của HTX với các hình thức tiêu thụ và thanh toán theo 3 hình thức:

- Ký gửi hàng hoá vô điều kiện: nông dân đưa hàng hoá đến ký gửi cho các cơ sở tiêu thụ mà không ra điều kiện về giá cả. Các cơ sở tiêu thụ bán hàng xong sẽ thanh toán cho nông dân xã viên căn cứ vào giá bán thực tế.

- Ký gửi hàng hoá và trả tiền hoa hồng: Với hình thức này, nông dân xã viên ký gửi hàng nông sản cho các cơ sở tiêu thụ với giá cả đã định và trả cho HTX một khoản tiền hoa hồng.

- Ký gửi thanh toán theo hệ thống giá cả thống nhất và hợp lý bằng cách nông dân xã viên ký gửi hàng hoá cho các cơ sở tiêu thụ và sẽ được thanh toán theo giá cả thông nhất đối với mặt hàng chủng loại trên thị trường.

Các HTXNN cơ sở yêu cầu các xã viên thực hiện theo kế hoạch sản xuất nông sản hàng hoá, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá do HTX qui định, xã viên ký gửi cho các cơ sở tiêu thụ của HTXNN, từ đó các HTX đưa ra bán ở các thị trường địa phương, thị trường trong nước và cấp quốc gia.

Thứ năm, HTXNN cơ sở tham gia hoạt động dịch vụ, với chức năng hướng dẫn, giáo dục nông dân, làm tư vấn về quản lý sản xuất và đời sống. Về quản lý sản xuất, các chuyên gia của HTX giúp các hộ xã viên: Lập chương trình phát triển kinh tế cho từng hộ xã viên; Lựa chọn, bố trí sản xuất các khu vực nông nghiệp, lập chương trình phát triển từng khu vực nông nghiệp, thống nhất các đầu mối quản lý sản xuất, các tư liệu sản xuất, vật tư nông nghiệp. Về hướng dẫn cải thiện đời sống gia đình xã viên bằng cách giúp đỡ việc lập kế hoạch kinh tế gia đình (thu và chi tiêu), hướng dẫn chế độ ăn uống, sinh hoạt văn hoá, bảo vệ sức khoẻ.

- HTX chuyên ngành:

Trong nông nghiệp có một số lĩnh vực do có những đặc thù, đòi hỏi phải tổ chức các HTXNN chuyên một số sản phẩm ở những khu vực chuyên môn hoá sản xuất như: chăn nuôi, làm vườn, nuôi ong... nhằm phù hợp với đặc điểm sản xuất, yêu cầu của hộ xã viên. Chức năng của HTXNN chuyên ngành cũng nhằm thực hiện các dịch vụ cung ứng vật tư, thiết bị chuyên dùng cho xã viên theo chuyên ngành như : thức ăn gia súc, dịch vụ thú y... cho các hộ xã viên HTX chăn nuôi, vật tư thiết bị làm vườn, nuôi ong và cung ứng cho các hộ nông dân xã viên các sản phẩm như: sữa, trứng, thịt, rau, quả, mật ong... những loại nông sản mà các HTXNN chuyên ngành cũng có thể tham gia vào các HTXNN tổng hợp ở địa phương để sử dụng thêm các loại dịch vụ cần thiết khác mà các HTX chuyên ngành không có.

Hệ thống HTXNN chuyên ngành và tổng hợp ở Nhật được tổ chức theo 3 cấp: HTX cấp cơ sở (xã, thị trấn), Liên Hiệp HTXNN tổng hợp hoặc chuyên ngành ở cấp quận, tỉnh, thành phố, Liên đoàn hoặc Liên hiệp các HTXNN cấp trung ương.

- HTXNN cấp cơ sở (bao gồm các loại hình tổng hợp và chuyên ngành) là hình thức kinh tế hợp tác của các hộ nông dân - trang trại gia đình tự nguyện tổ chức ra trên một địa bàn lãnh thổ nhất định, là tổ chức đầu mối quan trọng nhất của hệ thống mạng lưới HTX, có quan hệ trực tiếp với từng hộ nông dân xã viên và là thành viên của Liên Hiệp HTXNN tổng hợp hoặc chuyên ngành cấp huyện, tỉnh. Các HTXNN ở cấp cơ sở có cơ sở vật chất kỹ thuật mạnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như: lò ấp trứng cung cấp giống gà, lợn cho xã viên, xưởng chế biến nông sản, xưởng sửa chữa máy móc, các cửa hàng vật tư kỹ thuật, xăng dầu, phụ tùng máy móc, cửa hàng tiêu thụ nông sản, các cửa hàng dịch vụ phục vụ đời sống cho xã viên.

- Liên hiệp HTXNN cấp quận, tỉnh, thành phố là tổ chức kinh tế hợp tác có chức năng thực hiện dịch vụ phục vụ trực tiếp cho các HTXNN cơ sở và các hộ nông dân xã viên, có mối quan hệ với Liên hiệp HTX quốc gia. Ở Nhật Bản có 700 Liên hiệp và Liên đoàn ở 47 tỉnh. Bao gồm 4 loại : Liên hiệp HTXNN tỉnh, Liên đoàn HTX chuyên ngành, Liên đoàn tiến dụng tỉnh và liên đoàn bảo hiểm tỉnh.

- Liên hiệp HTXNN quốc gia: Liên hiệp và Liên đoàn HTXNN tổng hợp và chuyên ngành toàn quốc là tổ chức đại diện cho các liên hiệp và liên đoàn HTX cấp tỉnh và cấp cơ sở, có chức năng chỉ đạo hoạt động hệ thống tổ chức HTX trong nước, giữ mối liên hệ với chính quyền liên quan với các chính sách nông nghiệp (chính sách tài trợ cho nông nghiệp, chính sách giá nông sản, xuất nhập khẩu...) nhằm bảo vệ quyền lợi của nông dân và xã viên. Đến nay ở Nhật Bản có tới 11 tổ chức quốc gia về HTXNN, trong đó chủ yếu là: Liên hiệp HTXNN trung ương, Liên đoàn HTXNN chuyên ngành trung ương, ngân hàng trung ương HTXNN, Liên đoàn xuất nhập khẩu của các HTXNN Nhật bản, Liên đoàn quốc gia bảo hiểm nông nghiệp.

2.3. Mô hình tổ chức và quản lý HTX ở Hàn Quốc

2.3.1 Mô hình tổ chức và quản lý

Trước năm 1961, HTX cơ sở cấp xã đã hình thành tự phát, hoạt động còn nhiều hạn chế. Sau đó, Chính phủ Hàn Quốc nhận thấy lực lượng nông dân có ý nghĩa sống còn về kinh tế và chính trị với đất nước, nên đã thiết lập Liên đoàn HTXNN Quốc gia (NACF) dựa trên hai tổ chức hoạt động độc lập lúc đó là Ngân hàng Nông nghiệp và tổ chức HTX cũ. Trên cơ sở đó, Liên đoàn tiến hành

thiết lập mạng lưới HTX từ trung ương xuống cơ sở nhằm thực hiện 2 mục tiêu cơ bản sau:

- *Cung cấp vốn cho nông dân*: Trong giai đoạn này, thị trường vốn hoạt động yếu, đặc biệt trên địa bàn nông thôn, nông dân thường phải vay nặng lãi, ảnh hưởng xấu tới sản xuất và đời sống. Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành luật cấm cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn và muốn thông qua hoạt động của các HTXNN hỗ trợ vốn cho nông dân mua nguồn vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất.

- *Tiêu thụ sản phẩm cho nông dân*: Để thúc đẩy đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao đời sống của cộng đồng nông thôn. Chính phủ tạo điều kiện cho HTX mở rộng vai trò trong hoạt động tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm.

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng hoạt động của các HTX trong những năm đầu của thập kỷ 1960 không phát triển do 3 nguyên nhân sau:

- Việc xây dựng HTX áp đặt từ trên xuống, không đáp ứng nhu cầu của nông dân. Việc thành lập NACF không gặp trở ngại do quyết tâm và sự đầu tư tập trung của Chính phủ, nhưng do cách làm không xuất phát từ nhu cầu của nông dân, nên họ chưa cảm nhận được sự cần thiết của việc tham gia HTX.

- Trình độ sản xuất nông nghiệp của Hàn Quốc thời kỳ này còn thấp, chưa phát triển, còn mang tính tự cấp, tự túc, sản lượng hàng hoá thấp. Do đó, nhu cầu của nông dân đối với các hoạt động dịch vụ hỗ trợ không cao.

- Quy mô các HTX cơ sở nhỏ, thiếu vốn, vai trò tác động đến hoạt động kinh tế của nông dân còn hạn chế.

Để khắc phục những nhược điểm trên, từ năm 1969 đến năm 1974, Chính phủ tiến hành những thay đổi căn bản nhằm trao nhiều quyền hạn hơn cho các HTX cơ sở thông qua 2 chính sách sau:

- *Nâng cao quy mô kinh tế cho các HTX cơ sở*: Chính phủ hợp nhất các HTX cơ sở ở cấp xã thành HTX cơ sở cấp thị trấn. Qua đó, các HTX cơ sở có thể cung cấp dịch vụ tốt hơn cho nhu cầu của nông dân.

- *Hình thành các "HTX cơ sở - doanh nghiệp đa chức năng"*: Chính phủ quyết định chuyển giao các hoạt động kinh doanh trước kia chỉ thuộc hoạt động của các HTX cấp vùng, cấp thành phố hoặc của các doanh nghiệp cho các HTX cơ sở. Kể từ năm 1971, các HTX đã hoạt động tất cả trên 4 lĩnh vực chính: cung cấp tín dụng, cung cấp phân bón, cung cấp hoá chất nông nghiệp và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.

Những việc làm này của Chính phủ đem lại kết quả thiết thực, các HTX cơ sở gần với nông dân, nắm rõ nhu cầu của nông dân hơn. Tuy các HTX cơ sở

đã phát triển thành các doanh nghiệp đa chức năng, nhưng hầu hết các hoạt động vẫn tập trung vào các khâu hỗ trợ đầu vào như vốn và vật tư cho sản xuất, ít tập trung vào khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm là những khâu mà từng cá thể khó thực hiện được.

Từ năm 1975 đến 1980, các chương trình tăng thu nhập cho nông dân của phong trào "*Làng mới*" (Saemaul Undong) được phát động mạnh. Trong giai đoạn này, các "*HTX cơ sở - doanh nghiệp đa chức năng*" được tiếp thêm sức mạnh. Kinh tế nông thôn Hàn Quốc phát triển, quá trình đa dạng hoá sản phẩm và sản lượng nông sản hàng hoá tăng lên rất nhanh. Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt ngang với thu nhập ở khu vực thành thị. Đến cuối những năm 70, các chức năng và quy mô hoạt động của các HTX căn bản đã được hình thành. Các hoạt động này bao gồm từ khâu hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm, cung ứng vật tư nông nghiệp cho đến các hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin thị trường

Dưới đây là những nét chính về hoạt động và quy mô của NACF hiện nay:

- Hoạt động tiếp thị của HTX

Mở rộng thị trường cho nông sản là một nhiệm vụ chính của các HTX. Trong NACF có Trung tâm Bán buôn và Phân phối nông sản chịu trách nhiệm nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản và bảo vệ thị trường. Với mục tiêu nối liền nông dân với HTX, nông trại với người tiêu dùng, các kênh tiếp thị được tổ chức tại các trung tâm tiêu dùng quan trọng. Hệ thống này bao gồm các tổ hợp thương mại, kho tàng hiện đại, cửa hàng bán buôn, bán lẻ, chợ nông dân.

NACF quản lý một mạng lưới dịch vụ vận chuyển nông sản từ cửa nông trại đến người tiêu dùng với hơn 1500 ô tô chuyên dụng, 1100 trung tâm tập trung hàng, hỗ trợ cho 20,5 ngàn nhóm vận chuyển hàng hoá của các HTX.

Doanh số nông sản của hệ thống HTX Hàn Quốc năm 1998 đạt tới 9,3 tỷ USD, trong đó 70% từ các HTX cơ sở. Doanh số giao dịch quốc tế của NACF năm 1998 cũng đạt 3,9 tỷ USD. Do gắn chặt với người sản xuất, kinh doanh nông sản của NACF chẳng những đáp ứng nhu cầu sống còn về tiêu thụ nông sản cho nông dân mà còn cho phép nông dân sản xuất theo đúng yêu cầu của thị trường, giảm tối thiểu chi phí lưu thông, hao hụt mất mát. Do đó, hiện nay, Liên đoàn quản lý một hệ thống doanh nghiệp kinh doanh nông sản lớn nhất và cạnh tranh mạnh nhất, nắm giữ 40% thị phần buôn bán nông sản trên thị trường Hàn Quốc.

- Hoạt động chế biến nông sản của HTX

Để tăng giá trị nông sản, tạo thu nhập và việc làm cho dân cư nông thôn và tăng cường khả năng cạnh tranh của hàng nông sản, NACF hiện điều hành

153 nhà máy chế biến nông sản hiện đại, quy mô lớn trên toàn quốc, trong đó có 14 nhà máy chế biến rau, 13 nhà máy làm dưa Kim chi (món đặc sản nổi tiếng của Hàn Quốc), 12 nhà máy chế biến gạo, 12 nhà máy chế biến nước uống, 11 nhà máy chế biến đậu tương, 10 nhà máy chế biến chè, 9 nhà máy làm thuốc đông y và 8 nhà máy chế biến ớt. Tổng doanh số qua các hoạt động chế biến năm 1998 đạt 174 triệu USD.

Hệ thống cơ sở hạ tầng và thiết bị hiện đại cho phép hoạt động của các HTX có điều kiện tác động tích cực đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng hiện đại hoá, tăng khả năng cạnh tranh của nông sản, hình thành một nền sản xuất hàng hoá chất lượng cao.

- Hoạt động tín dụng ngân hàng

Trong hoạt động ngân hàng, phát huy lợi thế kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, nhiều địa bàn, ngân hàng của NACF tiến hành nhiều loại dịch vụ: tín dụng cho vay, giao dịch ngân hàng, dịch vụ thẻ tín dụng, bảo hiểm, giao dịch quốc tế... Tiền huy động năm 1998 là 47 tỷ USD, trong đó tiền gửi của khách hàng chiếm 56,9%. Phần lớn tiền được đầu tư trở lại cho nông dân phục vụ buôn bán và đầu tư.

Bắt đầu từ các hoạt động tín dụng nông nghiệp - nông thôn, kinh doanh đúng hướng và hiệu quả đã khiến ngân hàng của NACF trở thành ngân hàng có mức tiền gửi lớn nhất trong hệ thống ngân hàng Hàn Quốc.

- Hoạt động cung cấp vật tư và hàng tiêu dùng cho nông dân.

Để đảm bảo cho nông dân có đủ vật tư thiết yếu đúng thời gian, chất lượng, giá rẻ, NACF chịu trách nhiệm cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, máy công cụ, hạt giống, thức ăn gia súc và các vật tư nông nghiệp khác cho sản xuất nông nghiệp. Liên đoàn HTX tiến hành nhập khẩu và phân phối vật tư thiết bị nông nghiệp chủ yếu cho nông dân thông qua 236 HTX thành viên chuyên trách vận chuyển và phân phối.

Chiếm giữ được thị trường nông thôn rộng lớn, hàng năm Liên đoàn HTX cũng cung cấp 1,37 tỷ USD hàng tiêu dùng như thực phẩm, dụng cụ gia đình, đồ gỗ, thiết bị gia dụng... cho nông dân. Các hoạt động kinh doanh trở lại cho nông thôn chẳng những đảm bảo cho nông dân có đủ vật tư thiết bị giá rẻ chất lượng cao, mà còn cung cấp cho họ mọi loại hàng hoá phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của người nông dân (hiện mức sống xấp xỉ mức sống ở thành phố). Lợi nhuận không lồ của các hoạt động kinh doanh này lại trở về túi nông dân thông qua NACF

Nói tóm lại, ở Hàn Quốc, quá trình hình thành hệ thống HTX mới - hỗ trợ dịch vụ cho nông dân - trên thực tế đã phát triển nhanh và ngày càng đáp ứng được nhu cầu tăng lên của nông dân. Chính phủ Hàn Quốc đã quyết định đúng

khi thiết lập hệ thống HTX hỗ trợ dịch vụ cả đầu vào và đầu ra cho nông dân, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nông dân. Hệ thống HTX với các hoạt động sản xuất kinh doanh đa chức năng hoạt động trên nhiều lĩnh vực như tiếp thị, chế biến, cung cấp vật tư, tín dụng, ngân hàng, nghiên cứu... thực sự đã chiếm lĩnh toàn bộ thị trường và kinh tế nông thôn, đan xen vào kinh tế đô thị và từng bước chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Từ một tổ chức áp đặt của Nhà nước, ngày nay, toàn bộ nông dân Hàn Quốc đã tự giác trở thành xã viên HTX. Không có hiệp hội HTX, nông dân Hàn Quốc không thể phát triển sản xuất và cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu hoá.

2.3.2. Sự hỗ trợ của Nhà nước đối với phong trào HTX ở Hàn Quốc:

Luật hợp tác xã nông nghiệp do Quốc hội Hàn Quốc ban hành năm 1961, đến nay đã có 15 lần sửa đổi, bổ sung. Đây là cơ sở pháp lý cơ bản để các hợp tác xã nông nghiệp Hàn Quốc hoạt động.

Liên đoàn hợp tác xã nông nghiệp Hàn Quốc chuẩn bị các khuyến nghị này đến chính quyền địa phương và trung ương, đến Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. NACF tiến hành các hoạt động liên quan đến chính sách nhằm nâng cao các quyền lợi và lợi ích cho người nông dân cũng như xã viên trong chính sách của Chính phủ; đề nghị Chính phủ thi hành các chính sách cần thiết và sửa đổi các chính sách khác cho phù hợp với tình hình thực tế.

NACF đưa ra các khuyến nghị tới Quốc hội và Chính phủ phản ánh những kế hoạch cũng như nguyện vọng của nông dân đối với sự phát triển nông nghiệp và nông thôn trong các chính sách của Chính phủ. Mối quan hệ giữa Chính phủ với các hợp tác xã nông nghiệp trong nhiều thập kỷ qua là mối quan hệ phối hợp thuận lợi. Chính phủ Hàn Quốc muốn các HTXNN như là các tổ chức kinh tế nông thôn để thông qua các hợp tác xã thực hiện các chính sách và chương trình phát triển của mình. Các hợp tác xã nông nghiệp cần sự giúp đỡ và hỗ trợ từ phía Chính phủ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt trong giai đoạn đầu mới thành lập.

Các HTXNN của Hàn Quốc có những hỗ trợ về kinh tế do Chính phủ cung cấp từ các khoản ưu đãi về thuế, nguồn hỗ trợ tài chính và những sự giúp đỡ khác. Thực tế chỉ ra rằng, nếu không có sự hỗ trợ của Chính phủ Hàn Quốc cho các hợp tác xã nông nghiệp, thì các hợp tác xã nông nghiệp ở Hàn Quốc không thể có được cơ sở hạ tầng vững chắc như ngày nay.

Trong Luật HTXNN có điều khoản qui định Chính phủ Hàn Quốc có trách nhiệm hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp, *sự hỗ trợ của Chính phủ Hàn Quốc bao gồm:*

- Chính phủ tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp vay các khoản tín dụng với lãi suất ưu đãi nhằm phục vụ kinh doanh, sản xuất và phục vụ lợi ích cho người nông dân.

- Các HTXNN được phân loại theo mô hình tập đoàn doanh nghiệp. Nhưng các hợp tác xã nông nghiệp chỉ bị đánh thuế từ 18 đến 32%. Một điều quan trọng khác là Chính phủ cũng miễn, giảm thuế cho các chi phí hướng dẫn, tư vấn cho các HTX và dịch vụ mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh đối với các hợp tác xã nông nghiệp ở Hàn Quốc.

- Các HTXNN được miễn giảm thuế giá trị gia tăng. Điều này cho phép các hợp tác xã nông nghiệp giảm giá đầu vào và các sản phẩm đầu ra thị trường tạo điều kiện cho các hợp tác xã có đủ khả năng cạnh tranh với các công ty, doanh nghiệp tư nhân.

- Trong một số trường hợp, Chính phủ Hàn Quốc có chính sách đặc biệt phù hợp với các HTXNN.

2.4. Mô hình tổ chức và quản lý HTX ở Indonesia:

Ở Indonesia luật HTX được xây dựng từ năm 1958, sau đó đã bổ sung sửa đổi nhiều lần vào các năm 1965, 1967, 1992. Điều 60 của Bộ luật số 25/1992 đã nêu rõ:

- Chính phủ sẽ tạo ra và cải thiện môi trường, khuyến khích sự phát triển và xã hội hoá HTX.

- Chính phủ sẽ hướng dẫn, tạo điều kiện và bảo vệ các tổ chức HTX. Theo hướng đó, Chính phủ Indonesia đã có nhiều cố gắng để làm cho cộng đồng hiểu rõ các ý tưởng HTX, tạo điều kiện cho HTX đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thông qua việc ban hành các chính sách hướng dẫn, tạo điều kiện cho HTX phát triển, cung cấp thông tin, tư vấn giúp HTX, Chính phủ đã thể hiện vai trò quản lý Nhà nước đối với sự phát triển của HTX.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo khả năng tiếp cận với công nghệ tiên tiến, Indonesia có các biện pháp sau:

- Tăng cường thâm nhập thị trường và củng cố thị phần.
- Tăng cường nguồn vốn và khả năng tiếp cận các nguồn vốn .
- Nâng cao năng lực tổ chức và quản lý.
- Mở rộng sự tiếp cận công nghệ.
- Củng cố mạng lưới kinh doanh.

Về cơ quan quản lý Nhà nước, Indonesia có Bộ HTX và các doanh nghiệp nhỏ; có một Vụ trưởng chịu trách nhiệm về phát triển HTX ở thành thị và một Vụ trưởng chịu trách nhiệm về phát triển doanh nghiệp nhỏ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, các HTX ở Indonesia cũng có những tồn tại và nhược điểm. Tồn tại chính mà các HTX đang gặp phải là đa số người dân, đặc biệt là nông dân có thu nhập thấp, chưa tham gia tích cực vào tổ chức HTX và hoạt động HTX còn một số tồn tại sau:

- Không có một kênh phân phối có hiệu quả, ổn định cho một mạng lưới HTX toàn quốc

- Thiếu khả năng và trình độ để nắm bắt kịp những nhu cầu mới, đa dạng của xã viên

- Thiếu đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, nhất là trong lĩnh vực kinh doanh, xây dựng kế hoạch và giám sát.

2.5. Bài học kinh nghiệm từ các mô hình tổ chức, quản lý và phát triển HTX của các nước trên thế giới có thể áp dụng cho Việt Nam.

2.5.1. Mục đích kinh doanh

Mục đích kinh doanh của HTX chủ yếu là phục vụ sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình xã viên, mục tiêu lợi nhuận chỉ là thứ yếu. Mục đích xã viên góp vốn cổ phần vào HTXNN chủ yếu là để tăng sức mạnh, tổ chức được những dịch vụ tốt hơn, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của từng hộ. Lợi ích chủ yếu mà khi xã viên tham gia vào HTX là được hưởng dịch vụ giá rẻ, lợi nhuận cũng được quan tâm nhưng chỉ là thứ yếu.

Tính tự nguyện của xã viên rất cao. Người nông dân hoàn toàn tự nguyện khi quyết định gia nhập và xin ra HTX, nếu HTX có lợi nhuận thì họ sẽ vào, không có lợi thì họ xin ra. Cho nên muốn lôi kéo nông dân tham gia HTX thì hoạt động của HTX phải thực sự có hiệu quả.

2.5.2. Phát triển đa dạng các hình thức HTX:

Phát triển đa dạng các hình thức HTX từ HTX từng khâu, từng việc đến HTX đa chức năng. Hướng chung là lúc đầu hình thành các HTX từng khâu riêng biệt như : HTX tín dụng, HTX chế biến, HTX mua bán, HTX thủy nông, HTX cung tiêu (cung cấp vật tư và tiêu thụ nông sản).v.v. Dần dần, các HTX có xu hướng kết hợp một số khâu lại như : HTX dịch vụ hai khâu: tín dụng và tiêu thụ nông sản, HTX dịch vụ 3 khâu: tín dụng, cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản, và tiến tới hình thành nhiều HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp nhiều khâu lại (phổ biến diễn ra ở Thái lan, Nhật Bản).

2.5.3 Về tổ chức bộ máy:

Đại hội xã viên HTX bầu ta Hội đồng Quản trị hoặc Ban Quản trị HTX để quản lý HTX. Hội đồng Quản trị hoặc Ban Quản trị HTX có thể thuê chủ nhiệm (hoặc giám đốc điều hành) . Ban Quản trị HTX có thể tuyển chọn, bố trí, phân công xã viên trong HTX có kỹ năng, kỹ thuật và có nhu cầu làm việc cho HTX, hoặc thuê, tuyển những lao động, các cán bộ chuyên môn chuyên gia và cán bộ quản lý bên ngoài vào làm việc cho HTX nhằm hoàn thành tốt hơn chức năng dịch vụ cho HTX.

2.5.4 Vai trò định hướng và hỗ trợ của Nhà nước:

Mối quan hệ giữa Chính phủ với các HTX trong thời gian qua là mối quan hệ phối hợp thuận lợi. Chính phủ muốn các HTX như là các tổ chức kinh tế nông thôn để thông qua các HTX thực hiện các chính sách và chương trình phát triển của mình. Các HTX cần sự giúp đỡ và hỗ trợ từ phía chính phủ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt trong giai đoạn đầu mới thành lập.

2.5.5 Các yếu tố dẫn đến tổ chức và quản lý thành công HTX:

- Hợp tác xã được coi là một doanh nghiệp. Bởi vậy, hầu hết Chính phủ các nước đã thực hiện quản lý HTX theo cách riêng. Các HTX tự thân vận động, Nhà nước quản lý thông qua cơ chế, chính sách, có cơ quan chức năng do Nhà nước lập ra để quản lý HTX.

- Phải nâng cao nhận thức và hiểu biết của nông dân về HTX, việc nâng cao nhận thức về HTX ngay từ khi đang học trong các trường phổ thông, thông qua học tập chương trình về HTX. Trước khi thành lập HTX đều tổ chức những lớp tập huấn riêng cho nông dân về luật và điều lệ HTX, vai trò và nội dung hoạt động để cho xã viên quyết định lựa chọn tham gia.

- Trình độ quản lý và sự năng động của đội ngũ cán bộ quản lý. Kinh nghiệm ở nhiều nước cho thấy rằng để HTX thành công và nâng cao hiệu quả hoạt động thì yếu tố cán bộ có tính quyết định. Ở các nước, cán bộ HTX được đào tạo công phu và thường xuyên được đào tạo lại, bồi dưỡng lại mới đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

- Tăng cường hiệu quả và mở rộng hoạt động dịch vụ của HTX xuất phát từ chính nhu cầu dịch vụ hiện có của từng xã viên, nhanh chóng phát hiện mở rộng nhu cầu dịch vụ mới, giành phần lãi thích đáng phân phối theo khối lượng dịch vụ của từng xã viên để lôi kéo xã viên sử dụng nhiều dịch vụ của HTX

- Để tạo điều kiện cho HTX hoạt động dịch vụ kinh doanh có hiệu quả, Chính phủ của các nước đã hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho HTX thông qua việc mở

rộng công tác đối ngoại, tạo môi trường chính trị thuận lợi, đồng thời có chính sách đầu tư sản xuất, chính sách ưu đãi về thuế và chính sách trợ giá đối với HTX.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM TỪ NĂM 1997 ĐẾN NAY

I. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HTXTM.

1.1 Đặc điểm tổ chức và phát triển HTXTM .

Luật Hợp tác xã được Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ IX thông qua ngày 20/3/1996 và có hiệu lực từ ngày 1/1/1997 gồm 10 chương với 56 điều. Luật HTX ra đời đánh dấu sự đổi mới về nhận thức vai trò của HTX. Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó kinh tế hợp tác xã là một bộ phận quan trọng.

Sau khi Luật HTX có hiệu lực, các bộ, ngành theo chức năng của mình đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Nhìn chung, các văn bản dưới Luật được xây dựng tương đối đồng bộ, tạo khung pháp lý để triển khai thực hiện. Do đó, quá trình chuyển đổi và phát triển các HTXTM đã diễn ra nhanh, rộng và khác về chất so với thời gian trước khi có Luật.

Dưới đây là tình hình hoạt động của các HTXTM trên địa bàn nông thôn sau khi Luật HTX có hiệu lực.

1.1.1. Chuyển đổi và thành lập mới các HTXTM theo luật HTX

Ngành thương mại là một trong những ngành có tỷ lệ HTX đã chuyển đổi và giải thể cao nhất (88,3%)³. So với các ngành khác, chuyển đổi các HTX trong ngành Thương mại được coi là khó khăn nhất, vì loại hình này đã bị biến dạng và tan rã nhiều trong những năm đầu thực hiện cơ chế thị trường. Tuy nhiên, với sự tác động của các cơ quan chức năng, quá trình chuyển đổi và đăng ký lại của các HTXMB theo Luật HTX ở nhiều tỉnh, thành phố đã đạt được một số kết quả khả quan.

Tại thời điểm cuối năm 1996, cả nước có 225 HTXMB thuộc diện chuyển đổi và có nguyện vọng chuyển đổi theo Luật. Đến 31/12/2000, có 202 HTX đã được chuyển đổi và cấp đăng ký kinh doanh, chiếm tỷ lệ gần 90%, riêng các tỉnh phía Nam đã cơ bản hoàn thành.

Từ năm 1997 đến 2001, cả nước có 139 HTX thành lập mới theo Luật HTX và Điều lệ mẫu HTXTM, bình quân hàng năm tăng thêm khoảng trên 30 HTX. Khu vực đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long có tỷ lệ cao nhất về số

³ Viện Quản lý Kinh tế Trung ương / Dự án VIE . 01-025

lượng các HTX thành lập mới (26,62% và 25,90%). Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Bắc có số lượng HTX mới thành lập ít nhất (2,16% và 1,44%). Trước khi có Luật HTX, một số tỉnh còn rất ít, thậm chí vắng bóng HTXTM như Hải Phòng, Hải Dương, nay đã phát triển mới từ 10-15 HTX. Những tỉnh miền núi có nhiều khó khăn như Gia Lai, Đắk Lắk, Lạng Sơn cũng đã phát triển mới được 4 - 15 HTX.

Tính đến cuối năm 2003, không kể hàng trăm ngàn các cơ sở kinh tế hợp tác giản đơn, cả nước đã có 550 HTXTM. Trong đó, các địa phương có nhiều HTX thành lập mới là Hà Giang, Cần Thơ, Yên Bái, Bắc Giang, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Thái Nguyên, Thừa thiên Huế...

1.1.2.Đổi mới mô hình tổ chức và nâng cao trình độ quản lý HTX.

Các HTXTM được chuyển đổi và thành lập mới theo qui định của Luật HTX và Điều lệ mẫu HTXTM, áp dụng những mô hình khác hẳn về chất so với HTXMB kiểu cũ. Về tổ chức, các HTX thuộc diện chuyển đổi, về cơ bản đã khắc phục được những hạn chế của mô hình tổ chức trong cơ chế cũ. Các HTXTM thành lập mới chủ yếu xuất phát từ nhu cầu cần hợp tác trong kinh doanh thương mại của cá nhân, hộ gia đình. Các HTX chuyển đổi và thành lập mới đều thực hiện việc đăng ký kinh doanh theo đúng trình tự, thủ tục quy định của luật HTX và các văn bản hướng dẫn. Bộ máy quản lý HTX gọn nhẹ, thực hiện chế độ kiêm nhiệm trong một số chức danh. Trách nhiệm của chủ nhiệm, kế toán trưởng được qui định cụ thể, gắn với thưởng phạt về vật chất để khuyến khích người làm tốt, ngăn chặn những hành động tiêu cực gây thiệt hại cho HTX và xã viên. Chất lượng cán bộ quản lý của các HTXTM đã được nâng cao một bước. Đến nay, theo báo cáo của 210 HTXTM, đội ngũ chủ nhiệm có 51,42%, kế toán trưởng có 60,19%, trưởng ban kiểm soát có 40,75 % đã qua đào tạo từ sơ cấp đến đại học.(xem phụ lục 10)

Nhiều HTX đã tích cực khai thác các nguồn lực trong dân cư với nhiều hình thức và biện pháp khác nhau nhằm phát triển hoạt động thương mại, dịch vụ, đặc biệt là nguồn lực về vốn. Ngoài nguồn lực về vốn, các HTX đã tranh thủ được cơ sở vật chất, kỹ thuật của xã viên, các hộ kinh doanh cá thể trong và ngoài địa bàn để mở rộng mạng lưới kinh doanh.

1.1.3. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các HTX.

Về kết quả kinh doanh, tốc độ tăng trưởng bình quân của các HTX vào khoảng từ 8-12%/năm. Chất lượng hoạt động của các HTX được nâng cao, số lượng HTX kinh doanh có lãi tăng đáng kể, nhiều HTX đã có điều kiện tích lũy,

mở mang ngành nghề, tạo công ăn việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động, góp phần thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đáng chú ý là nhiều HTXTM đã tự tổ chức hoặc liên doanh liên kết với HTXNN trong việc giải quyết đầu vào, đầu ra cho nông dân biểu hiện ở lĩnh vực cung ứng vật tư, công cụ sản xuất và các điều kiện sản xuất khác, tiêu thụ nông sản, thực phẩm cho các hộ. Hoạt động dịch vụ đầu ra, đầu vào của các HTXTM và các tổ, bộ phận trong các HTXNN đã góp phần phát triển sản xuất của kinh tế hộ, kinh tế trang trại và những làng nghề ở nông thôn. Đã hình thành những HTX chuyên lo đầu ra cho xã viên và các nông hộ trên địa bàn như HTX Miền Tây (Nghệ An) chuyên tiêu thụ nông sản cho các nông hộ (cà phê, hạt tiêu, đậu, lạc...) với số lượng khá lớn.

Một số HTX ở miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long đã thể hiện được vai trò của thương nghiệp HTX trong việc góp phần cung ứng kịp thời hàng hoá thiết yếu cho dân trong những ngày lũ lụt, tham gia ổn định thị trường hàng hoá và giá cả.

HTXTM ở địa bàn miền núi đã cùng TNQD có nhiều cố gắng trong việc cung ứng các mặt hàng thuộc diện chính sách, góp phần thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là việc tham gia thực hiện Nghị định 20/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 1998 về chính sách đối với thương nghiệp miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc.

Khác với trước đây, các HTXTM đã xây dựng được phương án, kế hoạch kinh doanh và đề ra những biện pháp thực hiện cụ thể, thích hợp. Hoạt động kinh doanh mang tính tổng hợp, hàng hoá đa dạng về chủng loại, mẫu mã nhưng sát với nhu cầu của thị trường, giá cả phù hợp nhu cầu và khả năng tài chính của đối tượng phục vụ. Nguồn hàng khai thác tại chỗ là chủ yếu nên giảm được nhiều khâu trung gian và quan trọng hơn là đã góp phần giải quyết đầu ra cho kinh tế hộ gia đình.

Về vốn của HTX, năm 2000, tăng bình quân 2,7 lần so với năm 1996. Giai đoạn 2001-2002, mức tăng đạt 2.5 lần. Tuy nhiên, vốn hoạt động của các HTXTM còn nhỏ: vốn hoạt động bình quân 1 HTX là 758, 3 triệu đồng, trong đó vốn cố định là 431 triệu. Vốn hoạt động bình quân 1 xã viên đạt 1,26 triệu đồng. Nhiều HTX đã huy động được vốn từ nhiều nguồn khác nhau, tranh thủ được cơ sở vật chất, kỹ thuật của xã viên, các hộ kinh doanh cá thể trong và ngoài địa bàn để mở rộng mạng lưới.

Về phương thức phục vụ, do vốn có hạn nên nhiều HTX đã áp dụng phương thức làm đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá cho TNQD và các thành phần kinh tế khác. Ngoài hoạt động mua, bán hàng hoá, không ít HTX đã tiến hành

mở rộng kinh doanh sang những lĩnh vực khác như gia công, chế biến, dịch vụ thương mại. Cơ cấu ngành nghề đã có nhiều thay đổi, hoạt động sản xuất, chế biến và dịch vụ đã chiếm tỷ trọng không nhỏ trong cơ cấu.

Phương thức thanh toán cũng rất linh hoạt: mua trả chậm, nợ gối đầu, bán trả góp, ứng trước hoặc đổi vật tư lấy sản phẩm nông nghiệp.

Kết quả khảo sát ở 256 HTXTM, trong đó có 159 HTX chuyển đổi và 97 HTX thành lập mới đã phản ánh những chuyển biến tích cực về hoạt động kinh doanh của các HTXTM trên phạm vi cả nước trong 5 năm gần đây:

- Về các HTX chuyển đổi: (Chiếm tỷ lệ 62% tổng số HTXTM khảo sát)
- + Số HTX kinh doanh có lãi: 83,64% (bình quân các HTX khảo sát là 70,3%)
- + Mức nộp bình quân 1 HTX: 260 triệu (gấp 1,6 lần so mức bình quân)
- + Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng: 600.000 đ (gấp 1,1 lần so với mức bình quân)
- Về các HTXTM thành lập mới:

Hầu hết các HTXTM được thành lập mới đều xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của sản xuất và đời sống, được tổ chức theo nguyên tắc và quy định của Luật HTX. Trong các HTX mới thành lập, thành viên tham gia cũng đa dạng hơn, từ cá nhân người lao động, các hộ nông dân, hộ kinh tế gia đình đến các cơ sở sản xuất, các chủ trang trại, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, trong đó có cả doanh nghiệp nhà nước. Điển hình là ở Đồng Nai, trong 15 HTX mới đã có 7 HTX thu hút được các chủ trang trại hoặc chủ doanh nghiệp tham gia. Trình độ cán bộ quản lý của các HTX mới thành lập thấp: tỷ lệ đại học chỉ đạt 3%, trung cấp 15%, sơ cấp 20%, không bằng cấp trên 50%.

Tuy các chỉ tiêu về doanh thu, mức lãi, nộp ngân sách... còn thấp, nhưng điều đáng mừng là số HTXTM mới thành lập kinh doanh có lãi và hoà vốn chiếm 73% (71/97 HTX).

Nhìn chung, tuy tỷ trọng của các HTXTM còn thấp so với tổng mức lưu chuyển hàng hoá và doanh thu dịch vụ toàn xã hội nhưng thông qua việc cung ứng hàng tiêu dùng, công cụ và tư liệu sản xuất; thông qua việc thu mua và tiêu thụ các loại sản phẩm hàng hoá của nông dân; tổ chức sản xuất, chế biến và thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ cho sản xuất và đời sống, HTXTM đã góp phần phát triển sản xuất, tạo thêm sản phẩm hàng hoá cho xã hội, mở rộng giao lưu hàng hoá ở thị trường trong nước nói chung và thị trường nông thôn nói riêng; góp phần ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, đặc biệt

là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; hạn chế một số mặt tiêu cực của thương nghiệp tư nhân, bảo vệ lợi ích của nông dân và đồng bào miền núi.

1.1.4. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho xã viên và người lao động trong HTX.

Các HTXTM có đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương và tham gia khá tích cực vào các hoạt động xã hội. Thu nhập của người lao động trong các HTXTM đã tăng dần lên, đời sống của xã viên đã được cải thiện một bước. Năm 1996, thu nhập bình quân của 1 lao động là 315.000 đ/tháng, đến 2000 tăng lên 533.000 đ/tháng. Thu nhập bình quân cao nhất của mỗi xã viên HTX khoảng 1,7 triệu đ/tháng (thành phố HCM). Ngoài ra, các xã viên còn được hưởng lợi tức theo cổ phần đóng góp và lãi suất tiền cho HTX vay (thường cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng khoảng 0,2%) và một số lợi ích vật chất trong các dịp Lễ, Tết v.v... Nộp ngân sách, năm 2000 gấp 1,2 lần năm 1996. Từ 1997 trở lại đây, đa số HTXTM đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách. Điển hình là các HTXTM tỉnh Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Đồng Nai, Tiền Giang và một số địa phương khác.

1.2. Các mô hình tổ chức HTXTM hiện nay

Trong quá trình chuyển đổi và thành lập mới HTXTM theo qui định của Luật HTX năm 1996 và điều lệ mẫu, hầu hết các tỉnh, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi HTX gồm đại diện của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước và đã xây dựng nên những mô hình HTX kiểu mới, rất đa dạng như , HTX mua bán và cung ứng hàng chính sách như HTX Chiêm Hoá, Tuyên Quang; HTX Nghĩ Thái, Tân Kỳ, Nghệ An. HTX hoạt động đa năng như HTX Bình Tây-Tiền Giang; HTX Quỳnh Lưu, Nghệ An, An Giang.

Trong thời gian vừa qua ở nước ta đã hình thành và phát triển mô hình liên kết giữa HTX với doanh nghiệp Nhà nước ở một số nơi như: Các hợp tác xã sản xuất mía liên kết với nhà máy đường Lam Sơn (Thanh Hóa), hợp tác xã nông nghiệp liên kết với công ty lương thực như ở Long An, An Giang... các hợp tác xã nông nghiệp liên kết với nông trường Sông Hậu (Cần Thơ)... không chỉ thể hiện nhu cầu phát triển sản xuất trong nền kinh tế thị trường, đòi hỏi các tổ chức kinh tế này hợp tác với nhau để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cùng có lợi, mà còn thể hiện mối quan hệ liên minh công nông trên địa bàn nông thôn.

1.2.1. Một số mô hình HTX điển hình tiên tiến

1.2.1.1. HTXTM Đan Phượng

HTXTM Đan Phượng được thành lập tháng 6/1998, trên cơ sở Công ty xuất nhập khẩu huyện Đan Phượng đã giải thể. Từ khi thành lập đến nay,

HTXTM Đan Phượng luôn tìm cách phát triển thị trường, khẳng định được vị trí trong nền kinh tế - xã hội, luôn luôn thể hiện rõ vai trò thúc đẩy phát triển nông nghiệp không chỉ trên địa bàn Hà Tây.

Khi mới thành lập, HTXTM Đan Phượng có 15 cổ đông, với 3 nguồn vốn cơ bản là: vốn cổ phần 115 triệu đồng, vốn vay ngân hàng 200 triệu đồng; huy động vốn nhân rồi, vay của khách hàng; trong hoàn cảnh kinh doanh đặc biệt Ban Quản lý có thể ứng vốn.

Ban quản lý của HTXTM Đan Phượng có 04 người, tinh giản gọn nhẹ năng động, ứng với các vị trí chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, kế toán, kiểm soát, kế hoạch - kinh doanh. Doanh số kinh doanh của HTXTM Đan Phượng năm 2000 so với năm 1998 tăng rõ rệt, có số liệu tương ứng là 7,35 tỷ đồng và 1,5 tỷ đồng, do đó thu nhập và nộp ngân sách của HTX đều tăng (phụ lục 9 và 8).

Trên cơ sở mở rộng được thị trường, lại thiết lập được mối quan hệ với các bạn hàng cũng như các cơ quan chủ quản rộng nên mặt hàng kinh doanh của HTXTM Đan Phượng cũng khá phong phú, đặc biệt là những mặt hàng có nguồn gốc từ nông thôn, nông nghiệp, lâm sản từ trước đến nay như gỗ, ngô, đỗ sắn, lạc và những nông, lâm sản khác phục vụ xuất khẩu và đây chính là thế mạnh hiện nay của HTXTM Đan Phượng tỉnh Hà Tây, Bên cạnh những ưu điểm trên đây, HTXTM Đan Phượng hiện đang có những hạn chế, nếu sớm khắc phục được sẽ tạo điều kiện cho HTX này phát triển hơn.

Kết quả tổ chức và hoạt động.

*** Đăng ký thành lập:**

- + Tên HTX: Thương mại Đan Phượng
- + Được thành lập: Có/ có kinh nghiệm kinh doanh
- + Tổng diện tích: 288 m²
- + Vốn góp bq/xv: 7.666.700 đ/n
- + Tổng vốn điều lệ: 200.000.000 đ
- + Tổng vốn kinh doanh: 500.000.000 đ
- + Mặt hàng đăng ký kinh doanh: Hàng nông lâm sản tiêu thụ trong nước và xuất khẩu

*** Tình hình nhân sự:**

- + Tổng số xã viên: 15
- + Thu nhập bq: 400.000 đ/ng/tháng

- + Ban quản trị 1
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Thuê lao động hàng năm (2002-2003): 15 người
- + Thu nhập bq: 350.000 đ/ tháng

- Thực trạng kinh doanh:

- + Tổng vốn điều lệ: 200.000.000 đ
- + Tổng vốn kinh doanh: 500.000.000 đ
- + Vốn cố định: khoảng 135.000.000 đ
- + Vốn lưu động: 400.000.000 đ
- + Vốn huy động từ: Các thành phần kinh tế, XV HTX, ngân hàng

Nội dung và chức năng kinh doanh: Hàng nông lâm sản tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

+ Mặt hàng kinh doanh: quế, hoa hồi, ý dĩ, thảo quả Minh, thảo đậu, long nhãn, hạt sen, lạc v.v.

Bạn hàng và hình thức kinh doanh: Chủ yếu bạn hàng của các tỉnh trong phạm vi toàn miền Bắc.

+ Doanh thu:

Năm 2001: 1.181.100.000 đ

Năm 2002: 2.791.500.000 đ

Năm 2003: ước 6 tháng đầu năm tương đương 1.100.000 đ

Thu nhập của XV:

Đã thực hiện đóng góp:

Năm 2001: 390.000 đ

Năm 2001: 13.790.000 đ

Năm 2002: 400.000 đ

Năm 2002: 4.500.000 đ

Năm 2003: (dự kiến) 410.000 đ

Năm 2003: (dự kiến) 10.000.000

*** Những kiến nghị của HTX:**

- Đề nghị tạo điều kiện cho HTX được tiếp cận thị trường trong và ngoài nước và những thông tin về dự báo thị trường.
- Thông tin kịp thời các văn bản mới, quy định của nhà nước đối với HTX

- Nhà nước nên tạo điều kiện hỗ trợ về kinh phí đào tạo, mở các lớp ngắn hạn đối với chủ nhiệm các HTX để được nâng cao kiến thức mới về quản trị kinh doanh.
- Nhà nước nên giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các HTX từ 32% xuống 25%.
- Tạo điều kiện cho HTX được thuê mặt bằng để HTX có mặt bằng mở rộng hoạt động kinh doanh
- Tạo điều kiện cho các HTX được tiếp cận các nguồn vốn đầu tư phát triển tạo việc làm.

1.2.1.2 Hợp tác xã Mông Nhuận (Ninh Thuận)

*** Khái quát tình hình đặc điểm**

HTX Mông Nhuận chính thức chuyển đổi và cấp đăng ký kinh doanh theo luật HTX ngày 12 tháng 10 năm 1997; Địa điểm văn phòng giao dịch đặt tại Mông Nhuận, Phước Hữu, Ninh Phước, Ninh Thuận.

HTX kinh doanh tổng hợp đa ngành nghề cụ thể như sau:

+ Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: dịch vụ làm đất; nhân giống và cung ứng giống; vật tư phân bón, thuốc sâu rầy; tén dụng nội bộ; dịch vụ thủy lợi tưới tiêu; tuốt lúa, bao tiêu nông sản.

+ Trong lĩnh vực dịch vụ thương mại: Xăng dầu, điện năng

+ Trong lĩnh vực xây dựng dân dụng: kênh mương, đường bê tông nông thôn, đường nội đồng, nhà ở...

+ Trong lĩnh vực khác: Phối hợp với doanh nghiệp Nhà nước bóc vỏ hạt điều, dịch vụ tang lễ ...

- Vốn đăng ký kinh doanh (năm 2002) : 1.722.000.000 đồng
- Vốn cố định: 768.000.000 đồng
- Vốn lưu động: 954.000.000 đồng

Toàn thôn có 586 hộ với 3.104 khẩu, 1297 lao động chuyên thuần túy về nghề nông, trong đó có 452 hộ xã viên (chiếm 75%), hộ có vốn góp cao nhất 1.200.000 đ (400 hộ), hộ có vốn góp thấp nhất 500.000 đ (52 hộ), bình quân đất canh tác 1.200 m² /người.

*** Kết quả hoạt động của HTX**

Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	6 tháng năm 2003	Chi chú
Tổng số vốn HTX	Tr.đồng	1.314	1486	1.722	1.892	
Tổng doanh thu	-	5.897	6.773	7.269	4.321	
Lãi thu được	-	431	528	597	376	
Tổng số xã viên	Hộ	409	418	444	452	
Tổng số lao động	Người	31	39	46	46	

- So sánh hiệu quả kinh tế (năm 2002/2000)

+ Doanh thu: 7269 triệu đồng/ 5897 triệu đồng, tăng 23%

+ Lãi thu được: 597 triệu đồng/ 431 triệu đồng, tăng 38,5%

+ Tỷ suất lợi nhuận/ vốn kinh doanh năm 2002: 34,7%; 1 tháng 2,9%

- Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hiện nay HTX phát triển thêm được nhiều dịch vụ so với năm 1992, lãi suất đầu tư cũng được giảm dần, từ 2,5/ tháng (3 khâu dịch vụ) xuống 1,25%/tháng (12 khâu dịch vụ) có những dịch vụ mang tính chất phục vụ như: cung ứng lúa giống, chỉ đạo gieo cấy, giao thông nội đồng, thuỷ lợi tưới tiêu và bóc vỏ hạt điều.

+ Công tác xây dựng cơ bản: Thực hiện chủ trương kiên cố hoá kênh mương cấp 3, trong 2 năm qua, HTX đứng ra xây 4.600 m kênh mương với tổng giá trị là 1.233.265.400 đồng. Trong đó:

Nhà nước hỗ trợ: 874.902.891 đồng

Nhân dân góp: 358.362.509 đồng

- Vốn xây dựng từ nguồn vốn của HTX: 759.077.000 đ

+ Xây dựng mới văn phòng làm việc (270 m²): 170.587.000 đ

+ Xây 1 cửa hàng xăng dầu (3 trụ bơm): 330.000.000 đ

+ Xây 1 nhà kho + quầy bán hàng (150 m²): 67.541.000 đ

+ Mua 1 chiếc máy kéo Kubotan 3.500 + phụ tùng: 72.592.000 đ

- + Mua một chiếc xe tang 19.878.000 đ
- + Tu sửa, thay mới lưới điện hạ thế: 98.479.000 đ
- Công tác phát triển xã viên

Sau khi có luật Hợp tác xã năm 1996, các nghị định, thông tư hướng dẫn, HTX tiến hành các bước để đổi mới phương thức hoạt động; Lúc đầu chỉ xác định có 423 hộ xã viên, hộ được chia vốn cổ phần cao nhất 700.000 đồng (379 hộ) và hộ có cổ phần thấp nhất 250.000 đồng (44 hộ)

Trong thời gian qua đã kết nạp thêm 32 hộ xã viên mới, với mức vốn góp tối thiểu là 400.000 đồng và đã vận động xã viên góp thêm 135.170.000 đồng, đồng thời giải quyết 3 hộ xã viên xin ra HTX lý do xã viên qua đời không có người thừa kế. Đến nay có 449 hộ xã viên với mức góp vốn cao nhất là 1.200.000 đồng và thấp nhất là 500.000 đồng

- Tác động hỗ trợ của HTX đối với việc phát triển kinh tế hộ xã viên.

Tạo điều kiện giải quyết vốn cho các hộ xã nghèo thiếu vốn trong sản xuất, xoá bỏ việc vay nặng lãi, hạn chế việc sang nhượng ruộng đất, chỉ đạo gieo cấy có tập trung, tăng hệ số sử dụng đất, hạn chế rủi ro do thiên tai đưa lại. Cụ thể: Trong việc hạn hán, HTX đã tổ chức bơm tưới chống hạn, kết quả không có diện tích nào bị chết cháy, thể hiện được sức mạnh của kinh tế tập thể.

Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như : Cơ cấu giống cho năng suất cao, kỹ thuật đầu tư thâm canh, biện pháp phòng trừ sâu bệnh hữu hiệu. Tìm thị trường để cung ứng đầu vào, tiêu thụ đầu ra; giải quyết công ăn việc làm tăng thu nhập. Kết quả không có hộ đói, giảm hộ nghèo đáng kể, mức sống được nâng lên rõ rệt.

- Tác động hỗ trợ của kinh tế HTX đối với công tác phúc lợi cộng đồng

Song song với việc phát triển của kinh tế HTX, công tác phúc lợi cộng đồng cũng được quan tâm. Hàng năm HTX trích từ quỹ phúc lợi, các khoản hoa hồng và từ lãi chia cổ phần của xã viên để giải quyết công tác phúc lợi và tu sửa đường giao thông nông thôn, điện, và ánh sáng điện đường gần 100 triệu đồng.

- Những thuận lợi và khó khăn

- + Những thuận lợi

Được Đảng và Nhà nước, cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ, nhất là từ khi có NQ 13 của Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 5 (khoá IX) về “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”.

Sự thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, xác định rõ vốn góp của xã viên, đã làm thay đổi tâm lý, phát huy tính chủ động, tinh thần trách nhiệm, sự gắn bó quan tâm của người lao động đối với hoạt động SXKD của HTX. Đây là yếu tố cơ bản đảm bảo cho sự phát triển bền vững của kinh tế tập thể, tạo tiền đề cho việc chuyển từ mô hình tập thể hoá sang mô hình HTX đích thực.

Nhờ đúc kết được những kinh nghiệm thực tế và am hiểu về tổ chức hoạt động của kinh tế HTX trong thời gian qua, ngay từ bước đầu đổi mới phương thức hoạt động HTX đã xác định phương hướng SXKD, đầu tư phù hợp thiết thực theo nhu cầu của xã viên. Vì vậy, ngay từ đầu đã tạo được không khí sôi động, phấn khởi và chủ động quyết tâm phấn đấu để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra trước mắt và tương lai.

+ Những khó khăn

Cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và các ban ngành có liên quan chưa nhận thức được vai trò, vị trí của kinh tế HTX, việc thực thi một số chính sách ưu đãi, khuyến khích sự phát triển HTX thiếu cụ thể, đồng bộ và chưa đủ mạnh để giúp cho HTX đủ sức vượt qua khó khăn.

- Những bài học kinh nghiệm

Một là: Phải tăng cường công tác tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân hiểu và nhận thức về luật, điều lệ HTX nhất là vai trò, chức năng, nhiệm vụ của HTX kiểu mới.

Hai là: Xác định HTX là một doanh nghiệp, kinh doanh phải có lãi nhưng không quên phúc lợi cộng đồng.

Ba là: Dựa vào đặc điểm tình hình, nhu cầu của kinh tế hộ mà phải chọn ngành nghề kinh doanh dịch vụ thích hợp; trên cơ sở xây dựng phương án SXKD có tính khả thi, hiệu quả và phương án phân phối phù hợp, đồng thời phải xác định dịch vụ nào có lãi và dịch vụ nào mang tính hỗ trợ nhằm thu hút xã viên tự nguyện tham gia.

Bốn là: Phải thực hiện công tác quy chế dân chủ về công khai tài chính, báo cáo kết quả SXKD, và việc tổ chức thực hiện mọi hoạt động của HTX nhằm tăng cường công tác giám sát của xã viên, từ đó được xã viên đồng tình ủng hộ.

Năm là: việc tổ chức thực hiện SXKD, ký hợp đồng lao động cần phải xây dựng định mức khoán việc trả công theo sản phẩm làm ra. Phải có tổng kết đánh giá khen thưởng kịp thời.

Sáu là: Cơ cấu bộ máy phù hợp, phải xây dựng quy chế hoạt động, bố trí phân công hoạt động đúng người đúng việc, tạo được sự đoàn kết nhất trí cao:

đội ngũ cán bộ phải có phẩm chất đạo đức, năng nổ, nhiệt tình trong công việc, đặc biệt là phải đảm bảo được sự ổn định. Ban quản trị phải có uy tín, có năng lực, gương mẫu, tâm huyết với HTX, là người phải năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám sẵn sàng hy sinh vì lợi ích của tập thể mà đeo bám, vượt khó khăn trở ngại để xây dựng HTX. Đây là yếu tố quyết định cho việc thành bại của HTX.

Các mô hình nói trên đã chứng minh cho sự thành công của quá trình đổi mới kinh tế HTX trong lĩnh vực thương mại-dịch vụ những năm đổi mới.

1.2.2 Một số mô hình rút ra từ thực tiễn

Từ thực tiễn nêu trên, chúng ta có thể nêu khái quát một số mô hình như sau:

1.2.2.1. Mô hình liên doanh, liên kết

Đây là mô hình kết hợp giữa các HTXTM với nhau hoặc giữa HTXTM với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác (công ty tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, công ty có vốn nước ngoài...). Mô hình liên doanh, liên kết đã khai thác thế mạnh của mỗi thành viên tham gia và đạt những kết quả trên các mặt: huy động thêm nguồn vốn, chủ động nguồn hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao vai trò của hoạt động hợp tác xã ở địa phương.

Mô hình này có những dạng thức khác nhau như:

- Mô hình liên kết giữa các HTXTM cùng kinh doanh trên một địa bàn. Sự liên kết có thể do các HTXTM tự nguyện hoặc thực hiện trong khuôn khổ của Liên hiệp HTXTM địa phương;

- Mô hình liên kết giữa HTXTM với HTX khác ngành (HTX sản xuất, HTX nông nghiệp...);

- Mô hình liên kết giữa HTXTM với doanh nghiệp:

Đối với doanh nghiệp nhà nước nói chung và thương nghiệp nhà nước nói riêng, một số HTXTM được chọn làm đại lý bán vật tư nông nghiệp như xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, một số hàng tiêu dùng thiết yếu, cung ứng hàng chính sách cho miền núi và là đại lý mua nông, lâm sản để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Theo hình thức này, HTXTM có thể được doanh nghiệp nhà nước hỗ trợ vốn, cơ sở vật chất, phương tiện trong kinh doanh. Hiện nay, một số ít HTX ở Long An, An Giang đã được doanh nghiệp nhà nước hỗ trợ về vốn và cơ sở vật chất để mua lúa phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, do doanh nghiệp nhà nước cũng gặp nhiều khó khăn nên sự liên kết trên chưa được mở rộng ở nhiều địa phương và ở nhiều mặt hàng.

Liên kết giữa HTXTM với các doanh nghiệp thuộc sở hữu tư nhân hoặc cá nhân, hộ kinh doanh để mở rộng mạng lưới bán hàng, tổ chức sản xuất, chế biến, thu mua nông sản...

- Mô hình liên kết giữa HTXTM với HTXNN và chủ trang trại (chăn nuôi, trồng trọt): trong việc cung ứng vật tư, tư liệu sản xuất với cung ứng hàng tiêu dùng và thu mua, chế biến nông sản

1.2.2.2 Mô hình kinh doanh tổng hợp

Mô hình kinh doanh tổng hợp là mô hình khá phổ biến hiện nay đối với các HTXTM. Đây là mô hình kết hợp giữa kinh doanh thương mại với tổ chức chế biến và hoạt động dịch vụ (cung ứng vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng thiết yếu, đại lý bán các mặt hàng chính sách...).

1.2.2.3 Ngoài ra, về mô hình còn có những hình thức sau:

- Mô hình các HTXNN và một số ngành khác tổ chức một bộ phận hoạt động kinh doanh thương mại-dịch vụ. Ví dụ, theo điều tra, hoạt động kinh doanh thương mại-dịch vụ trong ngành cung ứng vật tư chiếm 36%; trong ngành điện là 52%; cung ứng giống cây trồng, vật nuôi là 41%; tiêu thụ sản phẩm 10%.

- Ở một số thành phố lớn đã xuất hiện một số (không nhiều) tổ nhóm kinh doanh thương mại-dịch vụ ở các khu vực buôn bán tập trung như chợ, trung tâm thương mại với các hình thức mua chung bán chung hoặc mua chung, bán riêng.

1.3. Thực trạng hoạt động kinh doanh thương mại trong các HTXNN

1.3.1. Hoạt động thương mại dịch vụ trong các HTXNN

Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức của nông dân, HTX có chức năng, nhiệm vụ là tổ chức kinh doanh các dịch vụ hỗ trợ cho quá trình sản xuất của kinh tế hộ xã viên và hộ nông dân trên địa bàn. Hộ xã viên vừa là chủ thể của HTX vừa là khách hàng của hợp tác xã. Mối quan hệ giữa HTXNN và kinh tế hộ là mối quan hệ giữa một bên cung cấp dịch vụ (dịch vụ đầu vào, đầu ra; nghĩa là cả mua và bán) với một bên có nhu cầu, tiếp nhận dịch vụ. Tuy nhiên do đặc điểm của HTXNN là tổ chức của nông dân, hoạt động của HTXNN là vì lợi ích của kinh tế hộ xã viên tham gia HTX. Vì thế trong các hoạt động dịch vụ của HTX vừa mang tính phục vụ vừa mang tính kinh doanh. Có những dịch vụ của HTX chỉ có tính phục vụ như: dịch vụ tưới tiêu nước, bảo vệ thực vật, thú y, chuyển giao khoa học- kỹ thuật.v.v... có những dịch vụ mang tính thương mại cao và phải cạnh tranh quyết liệt với các thành phần kinh tế khác như: dịch vụ vật tư phân bón, thu mua chế biến tiêu thụ sản phẩm, hàng tiêu dùng, giống cây trồng con nuôi.v.v...

Qua điều tra và báo cáo của các địa phương nhiều HTXNN đã tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ có tính thương mại, hiệu quả dịch vụ cao và thu được nhiều lãi tạo tích lũy cho HTX. Các dịch vụ mang tính thương mại hiện nay các HTXNN đang làm là: Dịch vụ cung ứng vật tư phân bón, dịch vụ giống cây trồng con nuôi, dịch vụ tiêu thụ lúa gạo, tiêu thụ rau quả, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, kinh doanh chợ, dịch vụ tín dụng nội bộ, dịch vụ ngành nghề nông thôn v.v... cụ thể như sau:

1.3.1.1. Dịch vụ cung ứng vật tư phân bón

Dịch vụ này mang tính thương mại cao phải cạnh tranh với tư thương và các thành phần kinh tế khác, hình thức hoạt động dịch vụ này là HTX mua vật tư phân bón, thuốc trừ sâu của các nhà máy, tổng đại lý về bán cho xã viên đây là hoạt động quan trọng đối với nhu cầu sản xuất của kinh tế hộ. Tuy nhiên, phần lớn các HTX mới tổ chức được cung ứng phân bón cho xã viên là chủ yếu. Tỷ lệ HTX thực hiện dịch vụ trên chiếm 75% số HTX; số HTX có lãi chiếm tỷ lệ 95,8% số HTX cung ứng, mức lãi bình quân 1 HTX đạt 9,8 triệu đồng. Doanh thu bình quân 1 HTX từ hoạt động này đạt 352 triệu đồng, chiếm khoảng 40% giá trị phân bón xã viên thực tế sử dụng. Hình thức cung ứng của HTX thực hiện dưới 2 dạng: một là, mua đứt bán đoạn; hai là, ứng trước cho hộ xã viên, cuối vụ, cuối năm thanh toán cộng với tỷ lệ lãi nhất định (thông thường bằng lãi suất ngân hàng), hình thức này được áp dụng phổ biến, nhất là đối với những hộ nghèo, hộ khó khăn, tạo điều kiện cho hộ đảm bảo và ổn định sản xuất. Đây là hoạt động dễ mang lại lợi nhuận cho HTX, song đòi hỏi HTX cần vốn lớn, quay vòng nhanh, có hệ thống kho bãi bảo quản, phương tiện vận chuyển, hệ thống cửa hàng, phương thức phục vụ và thanh toán thuận lợi cho xã viên, khách hàng, đặc biệt sự năng động của cán bộ quản lý HTX nhất là cán bộ phụ trách kinh doanh. Những vấn đề nêu trên đang còn là khó khăn đối với nhiều HTX.

1.3.1.2. Dịch vụ giống cây trồng:

Đây là dịch vụ rất quan trọng vừa mang tính thương mại vừa đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chi phối lịch canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Theo báo cáo của các địa phương và kết quả khảo sát có 75% số HTX thực hiện được dịch vụ này và chủ yếu là cung ứng lúa giống.

Cách làm có 2 loại:

Một là, hợp tác mua giống của các Công ty giống của Nhà nước, các Viện nghiên cứu hoặc các Trường đại học, của HTX có sản xuất giống cung ứng cho xã viên trên cơ sở xã viên đăng ký nhu cầu.

Hai là, ở những HTX khá, tổ chức được sản xuất giống, đã mua giống nguyên chủng hoặc siêu nguyên chủng của các Viện nghiên cứu, Trường đại học,

giao khoán, hướng dẫn một số hộ sản xuất. HTX có ưu tiên đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật. Sau thu hoạch HTX mua lại sản phẩm giống để cung ứng cho xã viên, nông dân trong vùng, còn bán cho các Công ty giống hoặc HTX khác theo hợp đồng.

Tuy là dịch vụ quan trọng, xã viên rất cần HTX, nhưng vẫn còn HTX chưa thực hiện được, nguyên nhân là: cạnh tranh thị trường mạnh, đặc biệt là ở những địa bàn gần các Công ty giống, Viện nghiên cứu, gần các thị trấn, thị xã, thành phố, bến cảng, ở đó tư thương và các thành phần kinh tế khác hoạt động mạnh

1.3.1.3 Dịch vụ tín dụng

Trong thời gian qua, mặc dù Nhà nước chưa chính thức cho phép HTXNN hoạt động tín dụng, song do nhu cầu sản xuất của hộ xã viên và khả năng vốn của HTX, một số HTX đã tổ chức tín dụng nội bộ chỉ tính riêng 10 tỉnh vùng đồng bằng Bắc bộ đã có 11% số HTXNN thực hiện, 54/150 HTX khảo sát thực hiện tín dụng nội bộ HTX. Song chủ yếu HTX mới cho xã viên vay, chưa huy động tiết kiệm. Doanh số cho vay bình quân 1 HTX đạt 107 triệu đồng, lãi bình quân 1 HTX là 23,5 triệu đồng. Hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX đang còn những khó khăn:

- Nhà nước chưa có văn bản hướng dẫn HTXNN hoạt động tín dụng
- Nhu cầu vốn sản xuất, kinh doanh của xã viên lớn nhưng nguồn vốn cho vay của HTX còn rất hạn chế
- Trình độ nghiệp vụ của cán bộ tín dụng HTX còn rất yếu.

1.3.1.4 Dịch vụ chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Dịch vụ chế biến

Thời gian qua, hoạt động chế biến chủ yếu dưới hình thức hộ gia đình. Rất ít HTX tổ chức được dịch vụ này, chung cả nước mới có khoảng 1% số HTX. Trong số 150 HTX được khảo sát, có 14 HTX tổ chức chế biến. Để tổ chức được dịch vụ này, HTX đã tiến hành:

- Tìm hiểu nhu cầu thị trường và các đối tác tiêu thụ sản phẩm, ký kết hợp đồng;
- Tổ chức cho xã viên sản xuất sản phẩm theo yêu cầu thị trường;
- Tổ chức thu gom bảo quản, chế biến (sơ chế) nông sản;
- Tổ chức tiêu thụ.

Do hoạt động còn mới lại chịu tác động mạnh của thị trường, song hoạt động của HTX đã có kết quả, có lãi, bình quân 1 HTX lãi 8,3 triệu đồng.

- Tiêu thụ sản phẩm

Chung cả nước, số HTX thực hiện dịch vụ này chiếm tỉ lệ 10%; Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu là thóc giống và thóc thối, rau, quả các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp. Cách thức tiến hành:

+ HTX ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các công ty của tỉnh và các khách hàng khác

+ Hợp đồng với các hộ nông dân có điều kiện tiến hành sản xuất

+ Thu gom sản phẩm tiêu thụ theo hợp đồng và thanh toán với các hộ sản xuất giống

Đối với sản phẩm thóc thối, HTX tìm thị trường, tổ chức cho xã viên, nông dân tiêu thụ sản phẩm.

Quy mô dịch vụ của HTX còn nhỏ, doanh thu bình quân 1 HTX từ dịch vụ trên mới đạt khoảng 400 triệu đồng, 90% HTX hoạt động có lãi, bình quân 1 HTX lãi 12,5 triệu đồng.

1.3.1.5 Kinh doanh các ngành nghề khác

Ngoài các hoạt động dịch vụ, số HTX tổ chức kinh doanh các ngành nghề còn rất ít, 2/32 HTX khảo sát có hoạt động trên, nhưng chủ yếu là kinh doanh vật liệu xây dựng, xăng dầu, các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, qui mô kinh doanh còn nhỏ bé. Doanh thu bình quân 1 HTX mới đạt 139,9 triệu đồng, lãi đạt 4,6 triệu đồng.

1.3.2. Hình thức tổ chức và hoạt động dịch vụ của HTXNN và một số mô hình thương mại dịch vụ.

1.3.2.1 Hình thức tổ chức và hoạt động dịch vụ của HTXNN

Có thể khái quát các dạng tổ chức và hoạt động của các HTXNN như sau:

- *HTX dịch vụ tổng hợp*: đây là mô hình tổ chức và hoạt động chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng, đặc điểm của loại mô hình này là HTX làm những dịch vụ mà HTX có thể làm được tùy vào khả năng của HTX, song phổ biến là các hoạt động dịch vụ chủ yếu như: tưới tiêu, khuyến nông, cung ứng vật tư, tiêu thụ nông sản, hoạt động tín dụng nội bộ.

- *HTX chuyên ngành*: loại hình HTX này có rất ít như HTX chuyên ngành rau quả, bò sữa, chăn nuôi lợn, sản xuất giống lúa và thường ở các ven đô gắn với nhu cầu của thị trường. Hoạt động chính của HTX là cung ứng vật tư, kỹ thuật và thu gom, tiêu thụ sản phẩm cho xã viên thông qua ký kết hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế. Mô hình tổ chức HTX này chưa phát triển

manh nhưng trong tương lai có nhiều triển vọng đặc biệt ở những vùng sản xuất hàng hoá tập trung, gần đô thị, các nhà máy chế biến.

- *HTX dịch vụ - chế biến tiêu thụ nông sản*

Hình thức tổ chức HTX này đang được xuất hiện trong cả nước Nội dung hoạt động của HTX ngoài việc tổ chức dịch vụ cho kinh tế hộ, HTX tổ chức nông dân sản xuất sản phẩm hàng hoá, thu gom, bảo quản, chế biến (sơ chế) và tiêu thụ thông qua ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp. Đây là loại hình tổ chức HTX có nhiều triển vọng đã gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và phát triển ngành nghề nông thôn.

- *HTX dịch vụ - kinh doanh đa ngành nghề*: ngoài việc tổ chức dịch vụ kinh tế hộ, HTX còn tổ chức hoạt động kinh doanh và phát triển ngành nghề. Mô hình HTX này còn rất ít và cũng mới ở giai đoạn mở đầu như HTX An Mỹ - Hà Tây, HTX Yên Bắc, tỉnh Hà Nam, HTX Nghĩa Hồng, HTX An Thắng tỉnh Nam Định... Đây là mô hình tổ chức HTX có hiệu quả, sử dụng lao động và khai thác tiềm năng của địa phương để phát triển sản xuất; lấy hoạt động có lãi bù cho hoạt động bị lỗ; đặc biệt là tạo được mối liên kết giữa người sản xuất (hộ xã viên) với HTX và thành phần kinh tế khác thúc đẩy hoạt động của HTX theo cơ chế thị trường. Đã xuất hiện nhiều mô hình HTX làm ăn giỏi.

1.3.2.2. Một số mô hình tổ chức hoạt động thương mại dịch vụ.

*** HTX dịch vụ - chế biến tiêu thụ sản phẩm**

Khảo sát 32 HTX vùng đồng bằng Bắc bộ, có 2 HTX hoạt động theo mô hình này: HTX dịch vụ - chế biến, tiêu thụ sản phẩm Ngang Nội - Bắc Ninh, HTX Đông Dư - Gia Lâm, Hà Nội. Đây là hình thức gắn giữa hoạt động dịch vụ với chế biến và tiêu thụ nông sản nhằm đáp ứng yêu cầu của hộ xã viên về sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Phương hướng hoạt động của HTX:

- Tổ chức dịch vụ đầu vào cho hộ xã viên, đặc biệt là hướng vào các sản phẩm chế biến, hàng hoá

- Thu gom, chế biến nông sản

- Tổ chức tiêu thụ

Để thực hiện vấn đề trên, HTX đã tiến hành:

- Tìm hiểu thị trường: HTX đã ký hợp đồng với các công ty, cơ quan xuất khẩu, khách hàng nội địa về tiêu thụ nông sản, với công ty giống và cung cấp giống cây trồng.

- Hướng dẫn nông dân bố trí cây trồng, tạo thành những vùng sản xuất tập trung. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật canh tác, bảo quản, thu hoạch sản phẩm, ký hợp đồng tiêu thụ cho hộ xã viên

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ đầu vào cho sản xuất kinh tế hộ

- Thu gom sản phẩm, chế biến và tiêu thụ: trên cơ sở hợp đồng ký kết về số lượng, chất lượng và thời gian giao sản phẩm. HTX có kế hoạch thu hoạch, chế biến thông báo cho hộ xã viên.

Mô hình tổ chức trên, ngoài việc HTX tổ chức hoạt động dịch vụ đầu vào như: dịch vụ thủy lợi, bảo vệ thực vật, làm đất, điện, khuyến nông, vật tư nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất hộ xã viên, HTX còn thu gom, chế biến và tiêu thụ hàng chục tấn sản phẩm cho xã viên.

HTX Ngang Nội đã giúp nông dân tiêu thụ 18 tấn thóc giống và lạc giống, doanh thu 63 triệu đồng, thu gom 178 tấn dưa chuột, tổ chức chế biến được 49 vạn hộp để xuất khẩu, doanh thu đạt 99,2 triệu đồng, HTX Đông Dư - Hà Nội thu mua dưa chuột bao tử và ngô non bao tử của xã viên, tổ chức chế biến. Hàng năm chế biến và đưa ra thị trường 2 vạn sản phẩm, tổng doanh thu 200 triệu đồng.

Mô hình HTX dịch vụ - chế biến tiêu thụ sản phẩm Đông Dư - Gia Lâm - Hà Nội

HTX được thành lập mới trên cơ sở đình chỉ hoạt động HTXNN cũ và đăng ký kinh doanh theo Luật năm 1998, với số xã viên ban đầu thành lập 35 người, định giá cổ phần 50.000đ, HTX đã tiếp quản cơ sở vật chất của HTX do UBND xã giao bao gồm hệ thống tưới tiêu, hệ thống điện để phục vụ sản xuất, đời sống công đồng dân cư. Sau một vài năm, hoạt động với sự tác động ảnh hưởng của HTX đối với phát triển kinh tế hộ, nhiều nông dân đã xin ra nhập HTX.

Hoạt động của HTX bao gồm: dịch vụ thủy lợi, bảo vệ thực vật, khuyến nông, dịch vụ làm đất, kinh doanh chế biến, tiêu thụ sản phẩm, vật tư nông nghiệp và các mặt hàng khác phục vụ sản xuất, đời sống nông dân.

Hoạt động của HTX ngày càng đầy đủ và tốt hơn đối với phát triển kinh tế hộ. Lượng phân bón, thuốc sâu, thuốc thú y, thức ăn gia súc HTX cung cấp chiếm 80% thị phần trên địa bàn xã; giảm giá điện sinh hoạt từ 700đ xuống 600đ/kW. Tổ chức thu mua hết sản phẩm dưa chuột và ngô non bao tử của xã viên từ 500 - 600 ngàn tấn. Giải quyết việc làm cho 30 lao động thường xuyên, lúc thời vụ lên tới 80 lao động để chế biến sản phẩm đóng hộp xuất khẩu. Lương bình quân 1 lao động 400.000đ/tháng.

Bình quân từ 1999 - 2003, tổng doanh thu của hợp tác xã đạt 1,2 tỉ đồng. Riêng năm 2002 là 1,3 tỉ đồng, lãi 115 triệu đồng. Lãi sau khi trừ thuế HTX dành 40% chia theo vốn góp.

- Những khó khăn của HTX:

+ Thiếu phương tiện vận chuyển

+ Thiếu mặt bằng sản xuất, chế biến, kho chứa, cửa hàng: hiện nay, HTX phải đi thuê mặt bằng

+ Thiếu vốn, đặc biệt là vốn lưu động để đầu tư thiết bị bảo quản, chế biến, vận chuyển

+ Thị trường còn hẹp và không ổn định

- Những yếu tố quyết định thành công của HTX

+ Bộ máy quản lý HTX năng động, gọn nhẹ, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với kinh tế tập thể

+ Phương án sản xuất, kinh doanh rõ ràng, đặc biệt giải pháp huy động vốn trong lúc vốn góp của xã viên rất nhỏ so với nhu cầu

+ Đặc biệt quan tâm đến lợi ích của xã viên; ngoài việc đáp ứng yêu cầu và hạ giá các khâu dịch vụ, HTX còn dành tỉ lệ lãi thoả đáng để phân phối theo vốn góp xã viên, nguồn động lực chính để thu hút vốn từ xã viên để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

*** HTXNN sản xuất kinh doanh tổng hợp**

HTX Yên Bắc - Duy Tiên - Hà Nam

Xã Yên Bắc thuộc vùng đồng chiêm trũng, nằm phía bắc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Tổng dân số toàn xã là 10.800 khẩu, có phân bố ở 12 thôn xóm, trong đó hộ xã viên 2578 hộ.

Ngành nghề chính là sản xuất 2 vụ lúa và cây vụ đông, ngoài ra còn phát triển một số ngành nghề phụ như: Sản xuất giống, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng, tiêu thụ sản phẩm, thêu ren, mộc, nề, mây giang đan, vận tải, dịch vụ buôn bán nhỏ...

Tổng diện tích hành chính toàn xã : 932,27 ha

Trong đó, diện tích đất nông nghiệp : 691,7 ha

Ngày 04 tháng 05 năm 1999, HTX tiến hành đại hội đại biểu xã viên chuyển đổi theo Luật HTX, đổi tên là HTXNN thành HTX sản xuất - kinh doanh tổng hợp.

- Về cơ cấu cán bộ quản lý gồm: 10 người

+ Ban quản trị có 3 người (1 chủ nhiệm, 1 phó chủ nhiệm, 1 uỷ viên ban quản trị)

+ Ban kiểm soát có 3 người (1 trưởng kiểm soát và 2 uỷ viên bán chuyên trách)

+ Bộ phận chuyên môn giúp việc có 4 người (1 kế toán trưởng, 2 kế toán viên và 1 thủ kho kiêm thủ quỹ)

Cùng 7 đội, tổ chuyên môn dịch vụ và 21 đơn vị tiếp nhận dịch vụ ở các thôn, xóm. HTX có 2578 xã viên (xã viên là đại diện hộ)

- Trên cơ sở nguồn tài sản, vốn quỹ của HTX cũ, HTX mới không huy động vốn góp của xã viên.

+ Tính đến ngày 31/12/2002:

+ Tổng nguồn vốn HTX : 1.416.904.745đ

+ Nguồn vốn cố định : 670.842.076đ

+ Nguồn vốn lưu động : 746.062.669đ

Từ khi HTX chuyển đổi theo Luật HTX, vốn HTX không những bảo toàn mà còn tăng trưởng 0,9% so với năm 1998

+ Một số tài sản có giá trị chủ yếu của HTX đó là:

Hệ thống lưới điện hạ thế, trạm bơm, kênh mương, 3 máy kéo MTZ 50, cửa hàng bán xăng dầu...

- Hoạt động sản xuất - kinh doanh của HTX

+ HTX luôn luôn tiếp thu và ứng dụng các thành tựu tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tích cực chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng, con vật nuôi và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến các hộ xã viên, thông qua các lớp học câu lạc bộ khuyến nông cơ sở.

+ Cùng với việc quy hoạch, định hướng sản xuất cho hộ xã viên HTX đã mở rộng và từng bước nâng cao hiệu quả, chất lượng các khâu dịch vụ, tạo điều kiện hỗ trợ sản xuất cho các hộ xã viên

+ Dịch vụ đầu vào gồm 5 dịch vụ: Dịch vụ bảo vệ thực vật, dịch vụ làm đất, dịch vụ thủy nông - bảo vệ, dịch vụ thú y, dịch vụ điện.

- Kết quả hoạt động:

Các khâu dịch vụ của HTX chủ yếu mang tính chất phục vụ cho các hộ xã viên. Tổng doanh thu năm 2002 là 4028 triệu đồng, lãi 92,8 triệu đồng; cụ thể là:

+ Dịch vụ bảo vệ thực vật lãi:	: 3.467.643đ
+ Dịch vụ thủy nông	: 3.542.713đ
+ Dịch vụ làm đất	: 7.366.599đ
+ Dịch vụ giống cây trồng	: 14.717.869đ
+ Dịch vụ thú y	: 673.500đ
+ Kinh doanh xăng dầu và sản xuất vật liệu	: 20.240.467đ
+ Tiêu thụ sản phẩm	: 28.000.000đ

Từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ đã mang lại lợi ích cho HTX, đặc biệt là lợi ích của các hộ xã viên. Năm 2000 các hộ xã viên hưởng lợi 250 đến 300 triệu đồng. Năm 2002, các hộ xã viên hưởng lợi khoảng 350 triệu đồng từ việc đơn giá các khâu dịch vụ đều thấp hơn so với các địa phương trong huyện (như dịch vụ làm đất). Đặc biệt là dịch vụ giống cây trồng, hàng năm tổ chức sản xuất và tiêu thụ giống nguyên chủng các loại cho các hộ xã viên đạt từ 500 đến 600 tấn. Xã viên hưởng lợi 200 đến 250 triệu đồng.

Ngoài ra, HTX còn ký hợp đồng tổ chức sản xuất và tiêu thụ dưa chuột xuất khẩu cho các hộ xã viên từ năm 2000 đến nay, mỗi năm đạt sản lượng từ 700 đến 800 tấn, xã viên thu lợi từ 150 - 250 triệu đồng/năm. Trong những năm qua, HTX luôn dành một phần chi phí để hỗ trợ cho các thôn xóm mở 6 lớp học nghề phụ như: thêu ren, mây giang đan, với số hội viên tham gia trên 300 người. HTX tổ chức các đợt đi thăm quan học tập các mô hình sản xuất trong và ngoài tỉnh, để tạo điều kiện cho các hộ xã viên trong HTX tiếp thu thêm nghề phụ, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất cho xã viên.

- Nguyên nhân dẫn đến các kết quả đạt được :

+ Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ kịp thời của các cấp, các ngành cấp trên, của địa phương. Đặc biệt là sự quan tâm lãnh đạo của đảng uỷ - HĐND - UBND xã, cùng các tổ chức đoàn thể chính trị của địa phương, coi xây dựng, phát triển HTX là nhiệm vụ trọng tâm của địa phương.

+ Việc lựa chọn, quy hoạch sắp xếp đội ngũ cán bộ từ Ban quản trị đến đội, tổ chuyên môn giúp việc trong HTX, trước hết phải có sự nhiệt tình, tâm huyết và được qua đào tạo, có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển của HTX.

+ Trên cơ sở cơ chế chính sách của Nhà nước, HTX có cơ chế khuyến khích đội ngũ cán bộ và xã viên HTX như: Đảm bảo chế độ thù lao, thưởng phạt

nghiêm minh đã gắn bó trách nhiệm và nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động của từng khâu dịch vụ.

+ Thường xuyên tăng cường mối quan hệ với các cơ quan, các công ty trạm trại... để tiếp cận các thông tin kinh tế, kỹ thuật và mở rộng các đối tác trong kinh doanh dịch vụ. Đồng thời không ngừng nâng cao trình độ nhận thức cho các hộ xã viên.

+ Tăng cường trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, quản lý các hoạt động của HTX theo đúng điều lệ HTX đã xây dựng và pháp lệnh thống kê, kế toán quy định.

- Một số hạn chế của HTX :

+ Công tác quy hoạch, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn chậm như quy hoạch cải tạo đồng ruộng, chuyển chân ruộng trồng năng suất thấp sang sản xuất lúa - cá - và cây ăn quả, kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm; chuyển đổi cơ cấu thời vụ; cơ cấu giống, tăng diện tích giống lúa mới có năng suất, chất lượng để xuất khẩu và diện tích rau, củ, quả xuất khẩu. Vì vậy, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng kinh tế địa phương và kinh tế hộ

+ Quy mô và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ của HTX còn thấp, chưa tổ chức được khâu chế biến, phát triển ngành nghề nông thôn và cung cấp tín dụng mà xã viên đang yêu cầu

+ Cơ chế quản lý HTX đã được củng cố, như quản lý tài sản, vốn quỹ, định mức kinh tế kỹ thuật, song việc phân phối lãi còn chưa thực hiện đúng Luật, chưa khuyến khích được xã viên góp thêm vốn góp cũng như việc sử dụng dịch vụ của HTX

Để mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn sản xuất kinh tế hộ và phát triển kinh tế địa phương, HTX đang gặp khó khăn

+ Cải tạo đồng ruộng nhất là hệ thống kênh mương để bố trí lại cơ cấu sản xuất

+ Nâng cấp hệ thống điện

+ Mặt bằng và vốn để xây dựng cơ sở chế biến rau quả, tiêu thụ sản phẩm cho xã viên và xây dựng cơ sở sản xuất ngành nghề tiểu thủ công nghiệp nông thôn.

*** HTX chuyên ngành**

Tiêu biểu là HTX bò sữa Phù Đổng - Gia Lâm - Hà Nội

Xã Phù Đổng nằm ở tả ngạn sông Đuống thuộc ngoại thành Hà Nội. Ngoài diện tích 400 ha trồng lúa còn 247 ha đất bãi ven sông. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, nhu cầu thị trường về sản phẩm sữa, nông dân đã phát triển đàn bò sữa. Tới nay, toàn xã có trên 400 hộ nuôi bò sữa, tổng đàn 1000 con. Do yêu cầu và tự nguyện của nông dân, HTX chuyên ngành bò sữa được thành lập năm 1998, đến nay, đã có 60 hộ xã viên, thu hút 15% số hộ nuôi bò sữa.

- Hoạt động của HTX gồm:

+ Tư vấn cho các hộ xã viên về kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và khai thác, bảo quản sữa bò tươi

+ Dịch vụ thú y và cung ứng thức ăn hỗn hợp cho bò sữa

+ Dịch vụ chọn, phối giống

+ Thu gom, bảo quản và tiêu thụ sữa bò tươi

Hàng năm, HTX đã tổ chức tốt các dịch vụ không chỉ cho xã viên HTX mà cả hộ nông dân khác, tổ chức thu mua hết và tiêu thụ sản phẩm sữa tươi cho xã viên, đảm bảo đàn bò sữa phát triển qua các năm, tăng thu nhập cho xã viên; HTX lãi bình quân hàng năm (2000 - 2003) đạt 54 triệu đồng. HTX đã dành 80% lãi phân phối theo vốn góp và mức độ sử dụng dịch vụ của HTX, 1000 đồng vốn góp được chia 1200 đồng.

- Một số khó khăn:

+ Là HTX thành lập mới, chuyên ngành bò sữa đòi hỏi kỹ thuật cũng như đầu tư lớn

+ Chưa có cơ sở vật chất, thiết bị bảo quản và chế biến

+ Phương tiện vận chuyển cung ứng vật tư, vận chuyển sữa tươi

+ Thiếu cán bộ kỹ thuật thú y, chăn nuôi

+ Thiếu vốn để đầu tư cho xã viên phát triển đàn bò theo quy mô vừa và nhỏ

1.3.3. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động thương mại trong các HTX NN

1.3.3.1. Những kết quả đã đạt được

- Nhìn chung hoạt động thương mại trong các HTXNN được hình thành và phát triển cùng với quá trình chuyển đổi HTXNN sang hoạt động theo luật HTX. Hoạt động của HTX chủ yếu là dịch vụ cho quá trình sản xuất của kinh tế hộ xã viên và hộ nông dân, hoạt động thương mại dịch vụ ngày càng được khẳng định và là một trong những hoạt động cần thiết để duy trì và phát triển HTXNN.

- Tuy hoạt động thương mại dịch vụ trong các HTXNN còn ít và đơn điệu, nhiều HTX chưa tổ chức được các dịch vụ này. Song hoạt động của hình thức dịch vụ này đã thu được kết quả khá rõ nét, hiệu quả cao nhiều HTX lợi nhuận và tích lũy chủ yếu thu từ những hoạt động này. Đây là cơ sở vững chắc để duy trì và phát triển HTXNN.

- Tiềm năng để mở rộng hoạt động thương mại dịch vụ trong HTXNN còn rất lớn và ngày càng lớn gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH và sản xuất hàng hoá.

1.3.3.2 Những hạn chế, yếu kém

- Số HTXNN tổ chức thực hiện thương mại dịch vụ còn ít, chưa ổn định, chưa vững chắc. Hoạt động dịch vụ của HTX còn khó khăn, quy mô và doanh số còn nhỏ. Hoạt động dịch vụ cho kinh tế hộ xã viên, hộ nông dân mới chủ yếu dừng lại ở dịch vụ đầu vào, một số khâu thiết yếu. Chất lượng dịch vụ ở nhiều HTX còn chưa đáp ứng yêu cầu xã viên. Nhìn chung, hiệu quả sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của HTX còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế trong thời gian qua. HTX chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường, chưa có sức hấp dẫn, lôi cuốn xã viên và người lao động gắn bó tích cực xây dựng HTX.

- Tính nhạy bén trong kinh doanh của các HTXNN còn yếu kém, do điều hành mang tính tập thể. Mặt khác địa bàn nông thôn xa, giao thông đi lại khó khăn thường bị thua thiệt trong việc mua, bán và ký hợp đồng buôn bán.

1.3.3.3 Nguyên nhân tồn tại, yếu kém

- Nền sản xuất nông nghiệp còn mang tính tự cung, tự cấp; phân công lao động và sản xuất hàng hoá chưa phát triển, dẫn đến nhu cầu mua bán trao đổi hàng hoá chưa cao. Mặt khác, quy mô kinh tế hộ còn nhỏ bé, đất đai manh mún, lao động thiếu việc làm, thu nhập thấp dẫn đến sức mua thấp; vì vậy hoạt động thương mại dịch vụ của HTXNN còn đơn điệu, quy mô hạn chế.

- Kinh doanh thương mại đòi hỏi cần vốn lớn và cơ sở vật chất kho tàng cơ sở vật chất kỹ thuật của HTX nghèo nàn và xuống cấp: khoa học, công nghệ chưa phát triển lại trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường. Những vấn đề trên là yếu tố tác động không nhỏ đến tổ chức và hiệu quả hoạt động dịch vụ của HTX.

- Do những khó khăn lịch sử để lại như tình trạng quản lý yếu kém của HTX cũ đã làm cho nhiều người ấn tượng với tổ chức HTX. Một số vấn đề đến nay chưa được làm rõ như tài sản chung của HTX với việc phục vụ cả cộng đồng, nợ của xã viên với HTX ... chưa được giải quyết dứt điểm đã làm cản trở quá trình

đổi mới và phát triển HTX, nhất là các hoạt động mua, bán giữa HTXNN với hộ xã viên HTX và hộ nông dân trong địa bàn.

- Đội ngũ cán bộ quản lý HTX, đặc biệt là chủ nhiệm, kế toán trưởng, trưởng kiểm soát là yếu tố mang tính quyết định đến thành công của HTX. Tuy nhiên, đội ngũ này đang còn những bất cập, trình độ văn hoá cũng như trình độ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu đối với một đơn vị kinh tế tập thể, hoạt động theo cơ chế thị trường.

Khảo sát 25 HTX, tỉ lệ chủ nhiệm có trình độ trung, đại học chiếm 52%, kế toán trưởng 53%, trưởng kiểm soát 28%. Số chủ nhiệm đã qua bồi dưỡng cơ chế quản lý HTX trong cơ chế thị trường chiếm tỉ lệ 64%. Các cán bộ quản lý khác, tổ, đội trưởng dịch vụ chưa tinh thông nghiệp vụ

- Phần lớn chủ nhiệm HTX chưa an tâm, hăng hái lãnh đạo HTX, cải tiến quản lý, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX và không ổn định. Vấn đề này có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân mức thù lao thấp (bình quân lương chủ nhiệm từ 250.000đ - 400.000đ/tháng), chưa có chế độ đãi ngộ khi đến tuổi nghỉ hưu. Mặt khác, chủ nhiệm HTX tuy do Đại hộ xã viên bầu nhưng lại nằm trong cơ cấu lãnh đạo Đảng hoặc chính quyền cơ sở nên dễ điều động khi cần thiết.

- Vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với HTX còn hạn chế: HTXNN chủ yếu xã viên là những hộ nông dân nghèo, tiềm năng thực lực kinh tế và năng lực cán bộ quản lý HTX còn thiếu và yếu cần phải có sự hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức kinh tế khác thì mới phát triển được. Trong khi đó các doanh nghiệp Nhà nước chưa thực sự quan tâm đến HTXNN trong việc liên doanh, liên kết giúp đỡ HTX mở rộng hoạt động mà chỉ muốn làm ăn với tư nhân.

- Chính sách của Nhà nước về kinh tế hợp tác nói chung chưa tạo ra những điều kiện về hành lang pháp lý đủ mạnh, khuyến khích, tác động, thúc đẩy HTX phát triển.

1.4. Vai trò quản lý Nhà nước đối với tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn

1.4.1. Một số thành tựu.

- Nhà nước ban hành luật HTX năm 1996 và các văn bản pháp luật có liên quan, đã tạo ra môi trường pháp lý, cơ chế chính sách thuận lợi tạo điều kiện cho việc chuyển đổi và thành lập mới các HTXTM.

- cơ chế chính sách về thương mại đã có tác động và tạo nên sự chuyển biến của các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại từ trung ương xuống địa phương. quá trình cải cách hành chính đã giảm được một số thủ tục hành chính

gây phiền hà, tốn kém cho các HTX như cơ bản bãi bỏ giấy phép xuất nhập khẩu, giảm đến mức tối đa các mặt hàng quản lý bằng hạn ngạch...

- Bộ Thương mại và Liên minh HTX Việt nam đã phối hợp xây dựng được một số chương trình hoạt động, một số nội dung đã được thực hiện có kết quả như: chỉ đạo ,hướng dẫn các sở thương mại định hướng hoạt động của các HTXTM ; Một số địa phương đã giúp đỡ các HTX cung ứng nguồn hàng, sử dụng các HTX làm đại lý và phối hợp cung ứng các mặt hàng chính sách phục vụ đồng bào dân tộc miền núi.

1.4.2 Những vấn đề tồn tại

- Hoạt động quản lý nhà nước đối với HTXTM ở nông thôn còn nhiều tồn tại và chưa đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và phát động. Việc triển khai thực hiện các chính sách phát triển thương nghiệp ở nông thôn và miền núi chậm và thiếu đồng bộ; Chưa tạo lập được cơ chế, chính sách hợp lý để thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động thị trường ở nông thôn. Những mối quan hệ truyền thống được xác lập trong cơ chế cũ giữa thương nghiệp - sản xuất, giữa thương nghiệp quốc doanh - HTXTM, không được đổi mới cho phù hợp với cơ chế thị trường để hình thành những kênh lưu thông ổn định chưa hình thành mạng lưới phân phối cung ứng vật tư nông nghiệp và tiêu thụ nông sản hàng hoá, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển. Chưa nhận thức hết vai trò, vị trí của kinh tế hợp tác xã trong nền kinh tế nhiều thành phần. Vì vậy, sức mạnh tổng hợp của thương nghiệp quốc doanh và HTX không được phát huy.

- So với qui định của Nghị định 02/CP của Chính phủ ngày 5 tháng 1 năm 1997 hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước đối với HTX còn nhiều khiếm khuyết. Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ các HTX không được các cơ quan hữu quan thực hiện. Cấp uỷ, chính quyền ở một số huyện, xã thiếu quan tâm theo dõi, giúp đỡ, củng cố, xây dựng HTXTM; có nơi, sự quan tâm của các cơ quan quản lý nhà nước còn mang tính hình thức, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, ngại khó trong chỉ đạo chuyển đổi, nên chỉ muốn giải thể hết HTXMB cũ, chưa giúp đỡ xây dựng HTX mới. Một số khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyển đổi, thành lập mới và hoạt động kinh doanh của các HTXTM không được tập trung xem xét, tháo gỡ, giải quyết kịp thời, đồng bộ như vấn đề quyền sử dụng đất, vướng mắc về công nợ dây dưa, tài sản và các chính sách đối với cán bộ v.v...

Về thành lập và đăng ký kinh doanh: Thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh còn nhiều phiền hà, nên thời gian cần thiết để thành lập một HTX thường kéo dài. Ngoài ra, còn phải trả một “khoản phí” phi chính thức và tốn kém chi phí đi lại.; Về giấy phép hành nghề: Khi thành lập HTX, cơ quan quản lý yêu cầu

phải có giấy phép hành nghề hoặc giấy phép kinh doanh có điều kiện. Điều này cũng làm trở ngại cho hoạt động của HTXTM. Kết quả khảo sát cho thấy, nên quy định giấy phép hành nghề hoặc giấy phép kinh doanh có điều kiện được cấp sau khi HTX đã thành lập.

- khung khổ pháp lý đối với các HTX ở Việt Nam hiện còn không ít hạn chế:

+ Hệ thống pháp luật đang trong quá trình đổi mới nên chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, thiếu những đạo luật quan trọng để tạo ra khung khổ pháp lý cần thiết cho hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường.

+ Một số điều khoản của luật HTX 1996, sau một thời gian thực hiện chưa sát tình hình thực tế hoạt động của HTXTM, cần được bổ sung cho phù hợp.

+ Còn thiếu những điều khoản để khuyến khích các HTXTM liên doanh với nước ngoài, đầu tư công nghệ mới, mở rộng thị trường xuất khẩu...

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN

Bảng 1: Tỷ trọng hợp tác xã Thương mại trong tổng số hợp tác xã ở một số địa phương tính đến tháng 6/2004 (chỉ tính các địa phương có số lượng HTXTM từ 2 con số trở lên)

STT (1)	Địa phương (2)	HTXTM (3)	HTX (4)	Tỉ trọng (%) (3)/(4) = (5)	Ghi chú (6)
1	TP Hà Nội	23	682	3,37	
2	Lạng Sơn	10	71	14,0	
3	Hà Giang	33	662	4,98	
4	Hải Phòng	31	569	5,44	
5	Nam Định	29	439	6,6	
6	Đắc Lắc	30	344	8,7	
7	TP Hồ Chí Minh	83	347	23,9	
8	Cần Thơ	22	238	9,2	

Bảng 2 : Phân loại các hợp tác xã tính đến tháng 6/2002 (61 tỉnh thành trên cả nước)

STT	Các loại HTX	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tổng số HTX trên toàn quốc	14.288	
2	HTXNN	8.730	61,35
3	HTXTM	410	2,88
4	HTX Công nghiệp	1.839	12,92
5	HTX Vận tải	1.068	7,50
6	HTX Tín dụng	924	6,49
7	HTX Xây dựng	456	3,20
8	HTX Thủy sản	460	3,23
9	Các loại HTX khác	172	1,20

Nguồn: Liên minh HTX Việt Nam (2002) (Ghi chú: về Bảng 1 & Bảng 2 xin xem phần phụ lục)

Bảng 3: Tình hình tổ chức các hoạt động thương mại, dịch vụ trong các HTXNN. (Kết quả điều tra 150 HTXNN)

Đơn vị: HTX

Số TT	Dịch vụ	Năm 2000	Năm 2001	năm 2002	Ghi chú
1	DV cung ứng VT, phân bón	93	95	96	
2	DV tín dụng nội bộ	54	54	54	
3	DV tiêu thụ lúa gạo	33	35	34	
4	DV tiêu thụ rau quả	8	10	13	
5	DV tiêu thụ SP chăn nuôi	3	7	8	
6	KD chợ, cho thuê cửa hàng	8	9	10	
7	Chế biến	14	14	8	
8	Cung ứng VT, TTSP	6	4	7	
9	DV ngành nghề thủ công	12	12	16	

Nguồn: Cục HTX và thị trường nông thôn - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2.1. Những thành tựu

Kinh tế HTX nói chung, HTXTM nói riêng vẫn tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta. Trên địa bàn nông thôn hiện nay, các HTX đã hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình ở cả hai lĩnh vực sản xuất - dịch vụ và kinh doanh thương mại. Kinh nghiệm trên thế giới cũng cho thấy vai trò không thể thiếu của HTX trong quá trình đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất hàng hoá lớn, đặc biệt trong ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước nói chung và thị trường nông thôn nói riêng. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó kinh tế hợp tác xã là một bộ phận quan trọng. Tuy vậy, điều có thể khẳng định là HTXTM chỉ có thể tồn tại và phát triển khi cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương cùng các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và Liên minh HTX các cấp thực sự quan tâm, giúp đỡ và tạo điều kiện.

- Từ kết quả triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã trong quá trình chuyển đổi và thành lập mới HTX đã tạo ra sự chuyển biến bước đầu nhưng rất rõ nét trong nhận thức của cán bộ, xã viên và nhân dân về những mô hình HTXTM kiểu mới. Thông qua các HTXTM điển hình trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản và làm dịch vụ, niềm tin của nhân dân về mô hình HTX kiểu mới ngày càng tăng. Từ đó, xã viên thấy rõ hơn quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong xây dựng và phát triển HTXTM. Có thể nói quyền lợi chung của HTX gắn rất chặt với quyền lợi thiết thực của mỗi xã viên nên sự quan tâm, ý thức trách nhiệm của họ đối với HTX cũng vì thế được nâng cao hơn. Thực tế đã cho thấy, mô hình HTX đa chức năng là mô hình thích hợp trong giai đoạn hiện nay, có thể áp dụng ở rất nhiều địa bàn, khu vực.

- Kinh tế hợp tác xã nói chung và các hợp tác xã thương mại nói riêng đã và đang phát triển trong quá trình đổi mới toàn diện về nội dung hoạt động, về mô hình tổ chức, về cơ chế quản lý để thích ứng từng bước với cơ chế kinh tế thị trường. Luật Hợp tác xã và các văn bản pháp luật về HTX ra đời trong những năm đổi mới đã hoàn chỉnh hệ thống pháp lý cho kinh tế HTX phát triển trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, các HTXTM chuyển đổi và thành lập mới đã thể hiện đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của HTX, được giải phóng khỏi những ràng buộc của cơ chế quản lý cũ, bình đẳng và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất-kinh doanh như các thành phần kinh tế khác. Quá trình chuyển đổi và phát triển mới các HTXTM theo Luật đã diễn ra hết sức phong phú, đa dạng về hình thức, trình độ và ở nhiều quy mô khác

nhau. Có thể nói, với cơ chế chính sách hiện nay, HTXTM có khả năng phát triển và cạnh tranh được với các thành phần kinh tế khác ở khu vực thành thị. Đối với khu vực nông thôn, miền núi, HTXTM cần có sự hỗ trợ nhiều hơn từ phía Nhà nước thì mới có thể hình thành và phát triển được. Đối với những vấn đề nổi cộm như tiêu thụ nông sản cho kinh tế hộ và kinh tế trang trại, Nhà nước cần phải có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ đặc biệt, thích hợp với từng vùng kinh tế, từng thời điểm và từng mặt hàng mới có thể phát huy những lợi thế của HTXTM.

2.2. Nguyên nhân của những mặt được

- Nhà nước ban hành Luật HTX và các văn bản pháp luật có liên quan đã tạo ra môi trường pháp lý cũng như cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho việc chuyển đổi và thành lập mới các HTXTM.

- Sự nỗ lực chủ quan của từng HTXTM giữ vai trò quyết định, trong đó, nổi lên vai trò của chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và đội ngũ cán bộ chủ chốt của HTX. Họ là những người năng động, tháo vát, thực sự tâm huyết, nhiệt tình với phong trào; biết dựa vào một số xã viên nòng cốt có kinh nghiệm trong sản xuất-kinh doanh; biết tập trung và phát huy được trí tuệ, vốn góp và công sức của xã viên, đặc biệt trong việc xác định mô hình tổ chức, phương hướng và nội dung hoạt động kinh doanh của HTX. Thành công của các HTX cũng gắn liền với việc bảo đảm lợi ích của xã viên và người lao động, bảo đảm dân chủ trong quản lý HTX, đặc biệt là quản lý tài chính.

- HTXTM tồn tại và có bước phát triển một phần quan trọng nhờ cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương cùng các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và đặc biệt là tổ chức Liên minh HTX các cấp đã quan tâm, giúp đỡ và tạo điều kiện. Các nguyên tắc trong xây dựng và phát triển HTXTM về cơ bản đã được tôn trọng.

2.3. Những yếu kém, tồn tại và nguyên nhân

2.3.1 Những yếu kém, tồn tại

- Phát triển các HTXTM ở khu vực nông thôn, miền núi còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt ở các tỉnh như Bắc Cạn, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Quảng Trị, Bình Định, Ninh Thuận, Quảng Ngãi v.v... Số HTXTM hoạt động khá trên địa bàn nông thôn, tham gia thị trường như một chủ thể mạnh còn rất ít. Một số Tỉnh đông dân cư song số HTXTM rất ít, Thanh hoá: 6 HTXTM; Nghệ An: 8 HTXTM (ở cả hai khu vực thành thị và nông thôn).

Từ Bảng 1 & bảng 2 nêu trên ta thấy:

+ Theo thống kê các HTXTM đăng ký kinh doanh theo điều lệ mẫu về HTXTM thì số lượng các HTXTM còn rất nhỏ bé: 410 HTX (bao gồm cả thành thị và nông thôn) trên tổng số: 14.288 HTX chiếm tỷ lệ: 2, 88% (số liệu năm 2002)

+ Phần lớn HTXTM vẫn thuộc loại hình qui mô nhỏ vốn ít (bình quân vốn của 1 HTXTM khoảng 400 - 500 triệu đồng), cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, kinh nghiệm kinh doanh trong cơ chế thị trường còn rất mỏng (xem phụ lục 1 và 2). Hầu hết các HTXTM vẫn chưa xác định phương án, kế hoạch kinh doanh dài hạn, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn trong HTX còn yếu gần 50% chưa qua đào tạo, trong số chủ nhiệm được đào tạo, chỉ có 12,79% có trình độ đại học (Xem phụ lục 10) . Số xã viên danh nghĩa trong một số HTXTM đã chuyển đổi còn quá đông. Nhìn chung, hiệu quả kinh doanh của các HTXTM còn thấp, một số HTX không có tích lũy để tái đầu tư, mở rộng kinh doanh. Hiện tại, tỷ lệ HTX thuộc diện trung bình khá cao (50,88 %) và còn 16,28% được xếp vào diện yếu kém; 13,28% số HTX kinh doanh chỉ đủ bù đắp chi phí và số thua lỗ chiếm 16,41%. Do có một số hạn chế, nên tổ chức kinh tế HTX khó thu hút được những người có trình độ, kinh nghiệm hoặc đã qua đào tạo tham gia HTXTM.

+ Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội còn chiếm tỷ trọng thấp (từ 1996 đến 2000 chưa năm nào vượt qua mức 1%). Một số HTXTM tuy thực hiện được một số loại dịch vụ phục vụ kinh tế hộ nhưng phần lớn mới chỉ thực hiện được dịch vụ đầu vào, số HTX tiêu thụ được nông sản cho nông dân chưa nhiều. Vai trò của HTXTM ở vùng nông thôn còn mờ nhạt, quan hệ giữa các HTXTM với thương nghiệp nhà nước và giữa các HTX với nhau còn lỏng lẻo, kém hiệu quả.

+ Nhiều HTXTM hầu như chưa được hưởng gì từ chính sách khuyến khích phát triển của Nhà nước (xem phụ lục 6 và 7).

+ Trước thực tiễn nêu trên, hầu hết các HTXTM không chỉ kinh doanh các lĩnh vực đã đăng ký mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác, xuất hiện xu hướng liên doanh, liên kết với các loại hình HTX khác, và với các doanh nghiệp. Ngược lại, hầu hết các loại hình HTX khác (HTX nông nghiệp, HTX công nghiệp, HTX vận tải v.v...) đều kinh doanh thương mại và dịch vụ.

+ Tuy nhiên, nếu chỉ tính các hoạt động thương mại và dịch vụ của HTXTM và HTX dịch vụ vận tải, HTX tín dụng thì ta có số liệu là: 16,27% trên tổng số các HTX (HTXTM: 2,28%; HTX dịch vụ vận tải: 7,50%; HTX tín dụng: 6,49%). Chưa kể hầu hết các HTX nông nghiệp đều có hoạt động thương mại dịch vụ và các hoạt động này chiếm vị trí quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của HTXNN trong thời gian qua(xem bảng 3). Như vậy, trên thực tế các hoạt động thương mại dịch vụ chiếm tỷ lệ khá lớn.

Từ thực tiễn nêu trên cho thấy:

+ Việc thực hiện đăng ký kinh doanh đối với HTX theo 6 điều lệ mẫu (HTXTM, HTXNN, HTXCN,...) không còn phù hợp.(từ 1997 đến trước khi có luật HTX năm 2003)

+ Cần chỉnh lý và bổ xung luật HTX 1996.

Vì vậy: Luật HTX tháng 11 năm 2003 đã được ban hành và có hiệu lực từ 1/7/2004.

2.3.2 Nguyên nhân tồn tại, yếu kém và chậm phát triển của HTXTM

- Trong nền kinh tế thị trường, nhiều thành phần kinh tế tham gia khi hệ thống HTX mua bán tan dã ,kinh doanh thương mại-dịch vụ, kinh tế tập thể nói chung và HTXTM nói riêng còn nhỏ bé so với thương nghiệp tư nhân với hàng chục ngàn công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần và trên 1,5 triệu cá nhân, hộ kinh doanh, chiếm trên 70% thị phần bán lẻ. Các HTXTM vốn đã yếu, chưa đủ tiềm lực kinh tế để phát triển, do đó vai trò là một chủ thể quan trọng trong nền kinh tế nhiều thành phần còn quá mờ nhạt.

- HTXTM thành lập và hoạt động theo các nguyên tắc qui định trong Luật HTX, trong đó, quan trọng nhất là nguyên tắc tự nguyện, không gò ép, khác với thời kỳ bao cấp là thành lập theo phong trào, bằng mệnh lệnh hành chính. HTXTM phải tự thân vận động, không còn nguồn bao cấp như HTXMB trước đây. Từ chỗ là cầu nối giữa thương nghiệp nhà nước với người sản xuất và tiêu dùng trong thời kỳ bao cấp, đến chỗ bị cắt rời hai đầu, hầu như mất sự hỗ trợ của thương nghiệp nhà nước và cũng gần như mất đối tượng phục vụ, đặc biệt là địa bàn nông thôn. Trong cơ chế bao cấp, Nhà nước quản lý trực tiếp các HTXMB theo kiểu "đẻ" và "nuôi". Trong cơ chế thị trường, Nhà nước quản lý gián tiếp các HTXTM qua công cụ pháp luật, cơ chế, chính sách và các đòn bẩy kinh tế.

- So với thương nghiệp tư nhân, HTXTM có không ít hạn chế như bộ máy quản lý vẫn công kênh (mặc dù đã có sự cải tiến), tổ chức lao động chưa hợp lý, năng suất lao động chưa cao, kém linh hoạt trong việc đề ra phương án kinh doanh và quyết định giá mua, giá bán v.v...nên hiệu quả hoạt động thấp và rất khó giành thắng lợi khi cạnh tranh trên thương trường. Đa số các HTXTM đã chuyển đổi và thành lập mới đều hạn chế về vốn, cơ sở vật chất, trình độ cán bộ... (xem phụ lục 3 và 5).

- Từ khi có Luật HTX, tuy nhận thức về kinh tế hợp tác, HTX nói chung, và HTXTM nói riêng đã có bước chuyển biến tích cực, nhưng chưa đủ để biến chủ trương, chính sách thành kế hoạch, thành hành động thực tiễn nhằm hỗ trợ các HTX phát triển; vẫn còn những tư tưởng sai lệch và cả quan điểm chưa thống nhất trong không ít cán bộ ở các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương về sự tồn tại, vai trò, vị trí, ý nghĩa đích thực và tính chất của HTXTM.

- Quản lý nhà nước về thương mại chưa thực sự được đổi mới. Việc triển khai thực hiện các chính sách phát triển thương nghiệp ở nông thôn và miền núi chậm và thiếu đồng bộ.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN NƯỚC TA

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN NƯỚC TA

1.1. Bối cảnh hoạt động của các HTXTM đến năm 2010

Trong giai đoạn từ nay đến 2010, cùng với sự phát triển của nền kinh tế đất nước, nông thôn nước ta sẽ có nhiều chuyển biến cơ bản. Hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, kinh tế trang trại phát triển, nhiều nguồn lực ở nông thôn được phát huy theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hàng loạt công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn thành trong giai đoạn trước sẽ tạo nên diện mạo mới cho nông thôn Việt Nam. Tất cả những đổi thay này sẽ là nhân tố quan trọng để “kích cầu” cả hai lĩnh vực đầu tư và tiêu dùng ở khu vực nông thôn. Chủ trương phát triển ngành nghề ở nông thôn được xem là một động lực làm chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn từ nay đến 2010. Việc khôi phục các làng nghề truyền thống và phát triển các nghề mới vừa giải quyết việc làm, thu hút lao động nông nhàn và tạo điều kiện tăng thu nhập của hộ nông dân.

Giai đoạn từ nay đến 2010, cũng sẽ có những tín hiệu đáng mừng trong sản xuất công nghiệp. Công nghiệp nước ta phát triển theo hướng đa dạng mặt hàng, nâng cao chất lượng và hạ thấp giá thành, tạo tiền đề cho thị trường hàng tiêu dùng phong phú, đa dạng. Thông qua đó, kích thích nhu cầu tiêu dùng trong nước, đặc biệt là thị trường nông thôn.

Trong thập niên tới, sản xuất nông nghiệp và địa bàn nông thôn vẫn đóng vai trò quan trọng trên một số mặt sau:

- Tạo nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến trong nước phát triển.

- Là nguồn thực phẩm cho thị trường đô thị, góp phần nâng cao mức sống của nhân dân trong cả nước. Tạo nguồn nông sản hàng hoá phục vụ xuất khẩu.

- Là thị trường tiêu thụ lớn, quan trọng và nhiều tiềm năng cho các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp cơ khí, công nghiệp hoá chất...

Tuy nhiên, trong giai đoạn từ nay đến 2010, Việt Nam vẫn là nước nghèo và kém phát triển. Điểm xuất phát so với các nước trong khu vực còn rất thấp.

Thách thức về sự tụt hậu, về khoảng cách giữa nền kinh tế Việt Nam với nền kinh tế các nước trong khu vực sẽ là thách thức không nhỏ trong quá trình hội nhập. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp nước ta, giai đoạn từ nay đến 2010, chưa có đột biến lớn: trồng trọt, trong đó lương thực vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, cây công nghiệp và cây ăn quả chiếm tỷ trọng nhỏ; ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp cũng ở trong tình trạng tương tự; tỷ trọng lao động nông nghiệp còn cao (trên 65%), bình quân 1 năm chỉ giảm chưa được 1%. Lao động nông nghiệp khi đó đã tăng lên gần 30 triệu, làm cho diện tích đất nông nghiệp bình quân 1 lao động sẽ rất thấp, số lao động nông nghiệp thiếu việc làm tăng lên đáng kể. Bộ phận nông dân có thu nhập cao, cũng như số hộ giàu ở nông thôn sẽ tăng, nhưng bên cạnh đó, đến năm 2010, mục tiêu phấn đấu của chúng ta ở nông thôn vẫn ở mức khiêm tốn "Cơ bản xoá hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005 và đến 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo"⁴.

- Thị trường nông thôn tuy là thị trường tiềm năng, có dung lượng lớn (chiếm gần 80% dân số) và hiện tại mọi nhu cầu tiêu dùng của nông dân đều thấp so với khu vực thành thị, nhưng sức mua và cơ cấu thu nhập của dân cư nông thôn về cơ bản chưa có chuyển biến lớn. Quỹ mua của khu vực nông thôn tuy có tăng, nhưng tốc độ tăng chậm, quy mô quỹ mua còn nhỏ vì thu nhập bình quân tính theo đầu người của dân cư nông thôn thấp, không đồng đều giữa các vùng, miền, bên cạnh đó khoảng cách đang doãng ra giữa thu nhập của dân cư thành thị và nông thôn là những tồn tại không phải khắc phục ngay được trong một vài năm trước mắt. Cơ cấu quỹ mua ở khu vực nông thôn đang chuyển dịch theo xu hướng: Phần chi phí vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp đã trở thành bộ phận quỹ mua hết sức quan trọng của hộ gia đình nói riêng và khu vực nông thôn nói chung. Phần quỹ mua này khá lớn, tương đương với phần quỹ mua dành cho các nhu cầu đời sống và sinh hoạt của nông dân. Phần quỹ mua hàng công nghiệp tiêu dùng, trong những năm tới sẽ được tiếp tục phát triển cả về lượng và chất. Bộ phận dân cư nông thôn có mức sống khá giả đã và đang hình thành quỹ mua hàng tiêu dùng giá trị cao ở khu vực này. Tuy nhiên, do tỷ lệ hộ giàu thấp, sự vượt trội so với mức đủ ăn chưa cao nên tỷ trọng trong quỹ mua còn nhỏ bé.

Với mức thu nhập thấp, quỹ mua của khu vực nông thôn chưa đủ đạt mức về lượng để tạo nên sự thay đổi về chất, làm đà cho thị trường nông thôn phát triển sôi động hoặc gây đột biến lớn.

⁴ Văn kiện Đại hội IX của Đảng, Trang 265- 212. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội.2001

- Tốc độ lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên thị trường tăng khoảng 11-14%/năm⁵, ở khu vực nông thôn, tốc độ lưu chuyển hàng hoá bán lẻ cũng sẽ tăng trưởng đáng kể, theo tính toán khoảng 7-12%/năm. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ nay đến 2010, nhu cầu tiêu dùng ở khu vực nông thôn vẫn nổi lên những đặc điểm sau:

+ Nói chung, nhu cầu tiêu dùng của hộ nông dân, trừ những mặt hàng chính sách và ở những địa bàn nhất định, sẽ được thoả mãn thông qua hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường của các thành phần kinh tế

+ Cơ sở để đáp ứng nhu cầu của hộ nông dân là những nguồn thu còn hạn hẹp, chủ yếu vẫn dựa vào kết quả sản xuất - tiêu thụ nông sản. Vì vậy, nhu cầu tiêu dùng thiếu tính ổn định, việc mở rộng nhu cầu bị hạn chế, nhất là đối với những loại hàng hoá giá trị cao, sử dụng dài ngày.

+ Trong cơ cấu tiêu dùng, nhu cầu về vật tư và các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp ngày càng được chú trọng. Ngoài ra, nhu cầu tiêu dùng chủ yếu của hộ nông dân vẫn là những khoản chi về ăn, mặc, nhu cầu học tập và chữa bệnh.

Từ kết quả phân tích dự báo trên, có thể rút ra những nhận xét sau đây:

- Trong giai đoạn từ nay đến 2010, sự tăng trưởng về sản xuất công - nông nghiệp sẽ tạo điều kiện tiên đề để mở rộng thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường nông thôn.

- Kinh tế HTX trong Thương mại giữ vị trí quan trọng trong tổ chức thị trường, đặc biệt ở địa bàn nông thôn. Vì vậy, bộ phận kinh tế này cần nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng non yếu hiện nay, để có thể phát huy được vai trò của mình trong nền kinh tế nhiều thành phần tham gia kinh doanh thương mại.

- Đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần, đặc biệt là Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về "tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể" và Luật HTX năm 2003 đã tạo đà cho các HTXTM có thêm những điều kiện mới, thời cơ mới để phát huy năng lực nội tại. Bên cạnh đó, những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng và phát triển, trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế cũng không phải là nhỏ.

⁵ Văn kiện Đại hội IX. Trang 287. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2001

1.2. Quan điểm tổ chức phát triển HTXTM đến năm 2010

Quá trình củng cố và phát triển các HTXTM trong thời gian tới, một phần quan trọng phụ thuộc vào nhận thức đúng về vị trí, vai trò và định hướng phát triển HTXTM trong nền kinh tế. Vì vậy, cần thống nhất một số quan điểm sau:

Thứ nhất, HTXTM là tổ chức kinh tế, tồn tại khách quan trong cơ chế thị trường với nhiều thành phần tham gia thương mại, có vai trò thực sự cần thiết, đặc biệt trong tổ chức lưu thông hàng hoá và cung cấp dịch vụ trên thị trường nội địa (nhất là vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa...). Hiện nay, do yếu cả lượng và chất nên HTXTM chưa phát huy được vai trò đó. Thương nghiệp tư nhân tuy phát triển mạnh nhưng vì mục tiêu lợi nhuận tối đa, nên đã nảy sinh không ít tiêu cực, gây thiệt hại cho sản xuất và tiêu dùng.

Thứ hai, HTXTM là một tổ chức kinh tế độc lập, tự chủ, đa dạng về hình thức sở hữu và loại hình tổ chức; có quyền lợi, nghĩa vụ như những thương nhân khác. Vấn đề then chốt là tổ chức kinh tế này phải được xây dựng theo các nguyên tắc của HTX. Tính độc lập tự chủ về kinh tế còn được thể hiện ở khả năng không bị lệ thuộc vào các thành phần kinh tế khác, kể cả kinh tế Nhà nước. Phát triển kinh tế HTX trong thương mại trước hết là nhằm hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động của xã viên và cải thiện địa vị kinh tế xã hội của họ, giáo dục tinh thần hợp tác, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi. Trong giai đoạn mới thành lập và chuyển đổi, năng lực nội tại còn yếu, vì vậy HTXTM cần sự quan tâm của Đảng và Nhà nước với những chính sách khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ đủ mức cần thiết.

Thứ ba, về hiệu quả kinh tế của HTXTM, theo Luật Thương mại, HTXTM là thương nhân. Vì vậy, phải thực hiện đầy đủ nguyên tắc hạch toán kinh doanh, bảo đảm tự trang trải mọi chi phí, bảo đảm kinh doanh có lãi để tích lũy và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, kết hợp chặt chẽ giữa kinh doanh với phục vụ lợi ích xã viên và người lao động thông qua các hoạt động dịch vụ (đặc biệt là các dịch vụ phục vụ sản xuất của hộ gia đình). Kinh doanh có hiệu quả sẽ tạo điều kiện để HTXTM phục vụ tốt xã viên và cư dân trên địa bàn.

Thứ tư, phát triển các HTXTM phải tính đến khả năng hội nhập theo xu thế chung của thế giới. Nước ta đang trong quá trình chuẩn bị các điều kiện để từng bước hội nhập khu vực và thế giới. Là một thành viên của Liên minh HTX quốc tế, Liên minh HTX Việt Nam, trong đó có HTXTM không nằm ngoài quá trình đó. Do vậy, trong quá trình phát triển, HTXTM phải tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết, nâng cao khả năng cạnh tranh để phù hợp với tiến trình hội nhập.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN MÔ HÌNH TỔ CHỨC, CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA HTXTM Ở NÔNG THÔN

2.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức HTXTM ở nông thôn.

Căn cứ những qui định trong Luật HTX và các văn bản hướng dẫn, trên cơ sở theo dõi, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn hoạt động của các HTXTM trong những năm qua và kết quả khảo sát trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, chúng tôi đề xuất một số mô hình hoạt động của các HTX trong lĩnh vực thương mại ở khu vực nông thôn như sau:

2.1.1 Các mô hình ở địa bàn nông thôn đồng bằng:

Đặc điểm nổi bật có liên quan đến sự phát triển của kinh tế HTX của khu vực này là: nằm giữa các thị trường tiểu vùng (nông thôn, ven đô, đô thị) có sự chồng lấn, giao thoa. Đây cũng là khu vực có mật độ dân cư cao, gần 80% số hộ làm nông nghiệp; Lao động cơ bản vẫn là thủ công, nên năng suất thấp; Sản xuất công nghiệp mới chỉ chiếm 12,4%, dịch vụ chiếm 13,6%, nên cơ bản cơ cấu kinh tế nông thôn vẫn là nông nghiệp; Tỷ lệ lao động chưa có việc làm cao (24,7%), trên 90% số lao động nông thôn chưa qua đào tạo nghề. Từ đặc điểm trên, chúng ta nhận thấy rõ hơn vai trò và vị trí của kinh tế tập thể và HTXTM trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực này. Đây cũng nét đặc thù và là điểm xuất phát khi lựa chọn mô hình tổ chức HTXTM. Ở khu vực nông thôn đồng bằng, có thể áp dụng cho cả địa bàn xã, thị trấn, thị tứ những mô hình HTXTM sau:

2.1.1.1. Mô hình HTX đa chức năng:

Do thị trường vùng nông thôn đồng bằng tiếp nối với các đô thị, gần các trục giao thông và những hạn chế hiện tại của kinh tế tập thể ở xã, các xã và cụm xã đồng bằng, nếu tổ chức các HTXMB hàng hoá thuần tuý với môi trường kinh doanh hiện nay thì rất khó cạnh tranh với thương nghiệp tư nhân. Vì vậy, có thể thành lập các HTX đa chức năng (trong đó có thương mại); thành phần tham gia là những người nông dân, thợ thủ công và các hộ gia đình ở nông thôn hoạt động chủ yếu là dịch vụ phục vụ sản xuất (những dịch vụ HTX thực hiện có hiệu quả hơn từng cá nhân, từng hộ gia đình) như cung ứng các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất của kinh tế hộ, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống, hỗ trợ xã viên tìm kiếm thị trường, bạn hàng, nguồn hàng, trực tiếp tổ chức hoặc liên doanh, liên kết với DN NN, các HTX NN, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể nhằm tiêu thụ sản phẩm hàng hoá cho xã viên HTX và các đối tượng khác trên địa bàn.

Ngoài ra, tùy theo điều kiện cụ thể, HTX có thể thực hiện các hoạt động kinh doanh khác như giúp nông dân tiêu thụ nông sản, thực phẩm; tổ chức sản xuất, chế biến (chủ yếu là sơ chế) hoặc bán lẻ hàng tiêu dùng và vật tư nông nghiệp.

Hình thức HTX đa chức năng có thể phù hợp với đặc điểm và điều kiện kinh tế - xã hội của vùng nông thôn đồng bằng. Do đó, không nhất thiết trong một xã phải có đủ các HTX của các ngành, vì như vậy sẽ dẫn đến tình trạng phân tán lực lượng, chồng chéo trong hoạt động và khó khăn trong quản lý.

2.1.1.2. Mô hình kinh doanh tổng hợp

Mô hình kinh doanh tổng hợp là mô hình khá phổ biến hiện nay của các HTXTM. Đây là mô hình kết hợp giữa kinh doanh thương mại với tổ chức chế biến và hoạt động dịch vụ (cung ứng vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng thiết yếu, đại lý bán các mặt hàng chính sách...).

2.1.1.3. Mô hình HTX chuyên làm dịch vụ:

Mô hình HTX chuyên làm dịch vụ là hình thức tổ chức HTX cơ sở có thể áp dụng ở các vùng kinh tế khác nhau, trong đó vùng nông thôn đồng bằng có điều kiện phát triển mạnh hơn cả. Nội dung hoạt động của mô hình này là chuyên làm dịch vụ hỗ trợ cho các hộ gia đình trong việc cung ứng vật tư thiết bị sản xuất hoặc tiêu thụ sản phẩm và các điều kiện sản xuất khác. Đây là mô hình xuất hiện trong những năm thực hiện đổi mới và đã có chỗ đứng trong đời sống sản xuất ở nông thôn nước ta. Người nông dân không những đã nhận thấy hiệu quả kinh tế mà HTX hoạt động dịch vụ đem lại, mà quan trọng hơn là sự tồn tại của mô hình này đánh dấu sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của họ về vai trò của kinh tế tập thể và HTX trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nước ta. Nếu xét về cơ cấu kinh tế, sự xuất hiện hàng loạt các HTX chuyên làm dịch vụ trên địa bàn nông thôn có tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch một bộ phận lao động nông nghiệp sang khu vực dịch vụ và giải quyết việc làm ở nông thôn.

Với gần 80% dân số sống ở nông thôn, thị trường nông thôn giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của cả nước. Tổ chức thị trường nông thôn trước hết phải giải quyết có kết quả việc tiêu thụ nông sản hàng hoá và cung ứng vật tư ổn định cho nông dân để thúc đẩy phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp. Thực tế đã chứng minh vị trí và vai trò của các HTX và hệ thống chợ ở thị trường nông thôn. Trong quá trình tổ chức cần tập trung ở hai địa bàn chính:

**** Mô hình có thể phù hợp với địa bàn huyện lỵ, thị trấn, thị tứ, đầu mối giao thông trên địa bàn huyện***

- *Mô hình HTX kinh doanh thương mại tổng hợp:*

Ở các thị trấn, thị tứ hoặc vùng gần khu công nghiệp, vùng ven đô hoặc gần các trục lộ lớn... có thể thành lập các HTX kinh doanh thương mại tổng hợp với hoạt động chính là đại lý cho các DNNN và Liên hiệp HTXTM kiêm bán lẻ vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp như giống, phân bón, xăng, dầu, thuốc trừ sâu, đại lý hoặc trực tiếp bán lẻ một số hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ cư dân trong vùng, tự tổ chức hoặc phối hợp với thương lái, chủ vựa thu mua nông sản hàng hoá và xây dựng các cơ sở chế biến với qui mô nhỏ (chủ yếu là sơ chế) nhằm bảo quản và nâng cao giá trị hàng hoá. Đối tượng tham gia các HTX theo hình thức trên bao gồm thương nhân thuộc các thành phần kinh tế. Bên cạnh thể nhân như cá nhân, đại diện hộ gia đình có cả đại diện tổ hợp tác, đại diện các doanh nghiệp (có thể có đại diện của doanh nghiệp nhà nước).

+ *Mô hình HTXTM chủ yếu làm đại lý mua - bán* cho các doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh các mặt hàng: xăng dầu, xi măng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, mặt hàng chính sách...

+ *Mô hình HTXTM được doanh nghiệp nhà nước đổ đầu về vốn*, đầu tư trang thiết bị như xây kho sẩy, cơ sở chế biến - bảo quản. Đây là mô hình đang được một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long áp dụng. Với mô hình này, HTXTM sẽ có điều kiện làm tốt việc thu mua nông sản hàng hoá (như lúa gạo, cà phê) cho các hộ nông dân Nam Bộ và Tây Nguyên. Mô hình chứng tỏ một thực tế: Doanh nghiệp nhà nước có vai trò quan trọng đối với sự ra đời và phát triển của HTXTM và góp phần tích cực bảo vệ trực tiếp quyền lợi của người nông dân thông qua các hợp đồng kinh tế về cung cấp giống, vốn, vật tư và đặc biệt tiêu thụ nông sản. Trong báo cáo chính trị tại đại hội Đảng lần thứ IX về chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2001-2010) đã đề cập: "*Mở rộng các hình thức kinh tế hỗn hợp, liên kết, liên doanh giữa HTX với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế*", chắc chắn sẽ là tiền đề tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển mạnh trong giai đoạn tới.

*** *Mô hình áp dụng ở địa bàn xã***

- Chú trọng mô hình HTX nông - thương - tín (nông nghiệp - thương mại - tín dụng) vừa hoạt động sản xuất vừa kinh doanh thương mại, tín dụng và hệ thống chợ.

Thực tế khảo sát cho thấy: các HTX kinh doanh thương mại thuần túy trên địa bàn xã không có đủ điều kiện phát triển, vì sức mua của nông dân còn thấp, chi phí cao, nhiều mặt hàng thương nghiệp tư nhân kinh doanh hiệu quả hơn... Vì vậy, ở địa bàn nông thôn nói chung và thôn, xã nói riêng, mô hình các HTX vừa làm dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (cung ứng vật tư nông

nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, tưới tiêu, xay xát lúa gạo, sấy lúa...), vừa tổ chức kinh doanh thương mại (tiêu thụ nông sản, làm đại lý mua, bán hàng hoá cho các loại hình doanh nghiệp khác...) và hoạt động tín dụng (huy động vốn của xã viên và các đối tượng khác như cán bộ công chức, giáo viên...cho vay vốn phục vụ xã viên và dân cư) là hợp lý. Có thể nói, đây là mô hình tổ chức phù hợp với kinh tế HTX ở nông thôn trong thời kỳ từ nay đến 2010.

Mô hình HTX nông - thương - tín có những đặc trưng sau:

+ Có sự kết hợp giữa kinh tế hộ và kinh tế tập thể trong sản xuất nông nghiệp và kinh doanh thương mại: HTX có thể tổ chức dịch vụ tưới tiêu, làm đất hoặc cơ sở sản xuất giống cây trồng để cung cấp cho xã viên và cư dân trên địa bàn; Xã viên hoàn toàn chủ động trong hoạt động sản xuất và được HTX hỗ trợ những dịch vụ trên để có điều kiện nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

+ Có sự kết hợp giữa kinh doanh dịch vụ, kinh doanh thương mại thuận tuý và kinh doanh tiền tệ - tín dụng, nhận tiền của xã viên theo kỳ hạn và không kỳ hạn, cho các xã viên có nhu cầu vay với lãi suất thấp.

+ Gắn kết giữa nhiệm vụ sản xuất với phục vụ sản xuất; giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; giữa mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội.

+ Đối tượng tham gia HTX Nông - Thương chủ yếu là nông dân, nhưng lực lượng lao động nòng cốt là những xã viên có kinh nghiệm, tay nghề, có vốn hoặc có thể hợp tác với hộ kinh doanh và các đối tượng khác có nguyện vọng tham gia.

+ Phương thức hoạt động linh hoạt: HTX thu phí ở một số dịch vụ như tưới tiêu, làm đất...nhưng không thu phí ở khâu hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và bảo vệ thực vật. Giá bán vật tư phục vụ sản xuất và giá thu mua nông sản có khác nhau giữa xã viên HTX và người không phải là xã viên HTX. Xã viên HTX được mua vật tư rẻ hơn và giá thu mua sản phẩm cao hơn.

- Bên cạnh mô hình có tính phổ biến trên, ở địa bàn xã cũng cần khuyến khích thành lập và nhân rộng tổ chức HTXTM của các trang trại và trong các làng nghề truyền thống nhằm gắn sản xuất với lưu thông hàng hoá, tạo điều kiện cho kinh tế trang trại và các nghề thủ công ở địa phương phát triển.

- Tổ chức địa điểm giao dịch mua bán như chợ: Sự phồn thịnh của chợ phản ánh sự phát triển sinh động kinh tế nông thôn. Những loại hình chợ chuyên doanh, chợ bán buôn phát luông đã góp phần quan trọng vào việc định hướng cho sản xuất hàng hoá tập trung, tác động tích cực đến cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp, gắn sản xuất với thị trường. Sự phát triển của chợ cũng kéo theo các ngành nghề sản xuất, ngành nghề truyền thống phát triển. Chính vì vậy, Nhà nước cần đầu tư xây dựng một số chợ mới có quy mô thích hợp gắn với các làng nghề truyền thống nhằm cung ứng nguyên liệu, phục vụ nhu cầu hàng ngày của

nông dân và là nơi tiêu thụ sản phẩm cho người sản xuất. Đây là tiền đề để từng bước hình thành các trung tâm thương mại, các thị trấn, thị tứ tương lai ở khu vực nông thôn. Và đây cũng là điều kiện vật chất để các HTXTM ra đời và phát triển. Do đó, hướng phát triển các HTXTM phải trở thành một bộ phận trong qui hoạch chợ, trung tâm thương mại, trung tâm cụm xã... ở địa phương.

Ở địa bàn thôn, xã, các chợ được tổ chức để nông dân trực tiếp hoặc thông qua HTXTM bán nông sản và mua vật tư, hàng tiêu dùng trên thị trường. Thương nghiệp Nhà nước hỗ trợ các HTXTM mở các điểm kinh doanh trong phạm vi chợ, tổ chức các điểm mua gom nông sản và cung ứng vật tư, hàng tiêu dùng cho nông dân, qua đó hạn chế sự chèn ép của tư thương.

Do hàng loạt yếu tố khác nhau và không đồng nhất như: điều kiện địa lý, đặc điểm kinh tế - xã hội, tập quán và thói quen tiêu dùng, sức mua và khả năng thanh toán, trình độ văn hoá... sẽ tác động đến mô hình tổ chức HTXTM ở từng khu vực trên địa bàn nông thôn.

2.1.2. Ở địa bàn nông thôn miền núi

Ở miền núi, những khó khăn, trở ngại trong tổ chức và phát triển kinh tế nói chung và thị trường nói riêng đều tăng lên gấp bội so với các địa bàn khác. Đây là khu vực mà ngay cả tư nhân cũng không muốn bỏ vốn kinh doanh, vì một lẽ đơn giản là thu được rất ít lợi nhuận. Trong điều kiện khó khăn đó, cần căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội, tình hình thị trường của từng vùng dân cư và phù hợp với khả năng quản lý để tổ chức các HTXTM cơ sở theo phương châm từ thấp đến cao, chú ý xây dựng qui mô nhỏ và vừa theo hướng này, có thể tổ chức HTX theo mô hình HTX Nông nghiệp - Thương mại hoặc HTX kinh doanh tổng hợp. Hình thức tổ chức thích hợp là các HTX liên thôn, liên bản, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, với chức năng kinh doanh tổng hợp đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc. HTXTM có thể giúp thương nghiệp quốc doanh cung cấp, phân phối những mặt hàng thuộc diện chính sách đi đôi với việc tổ chức mạng lưới bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu, hợp thị hiếu tới tận các bản làng, cung ứng công cụ, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp của kinh tế hộ và kinh tế trang trại. Đồng thời, tổ chức thu mua nông lâm sản, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tạo điều kiện phát triển kinh tế miền núi, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc, góp phần thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Các HTXTM có thể mở các điểm kinh doanh ở trung tâm cụm xã, ở các chợ khu vực biên giới, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch v.v... Ở những nơi chưa có điều kiện thành lập HTX, có thể tổ chức các tổ hợp tác mua chung, bán chung hoặc với tên gọi khác gắn với nội dung hoạt động. Sau một thời gian, các cơ quan chức năng có kế hoạch giúp đỡ để các tổ hợp tác đủ điều kiện trở thành HTXTM.

Hiện nay, qua khảo sát cho thấy, ở khu vực nông thôn miền núi, trước mắt, các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương cần có biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ cần thiết để khôi phục những HTXMB do quá khó khăn phải tạm ngừng hoạt động. Đồng thời, tập trung củng cố, phát triển các HTXMB trước đây còn trụ lại được trong cơ chế thị trường.

Trong việc thành lập mới các HTXTM, cần tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện để các cá nhân, hộ gia đình có khả năng về nguồn lực kinh tế và kinh nghiệm kinh doanh thương mại trở thành xã viên, sáng lập viên của các HTXTM mới.

2.2. Hoàn thiện cơ chế quản lý, nội dung và phương thức hoạt động của các HTXTM

2.2.1. Đổi mới phương thức huy động vốn

Để có vốn hoạt động, việc qui định mức vốn cổ phần đóng góp ban đầu khi xã viên gia nhập HTX cần căn cứ vào nội dung kinh doanh cụ thể, khả năng kinh tế của xã viên và qui mô của HTX. Ở địa bàn nông thôn, miền núi, nhìn chung khả năng tài chính của nông dân là nhỏ bé. Nếu qui định vốn góp tối thiểu của mỗi xã viên quá cao thì những người nghèo không có khả năng tham gia HTXTM. Tuy vậy, cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, số hộ giàu ngày càng tăng lên. Huy động số tiền "nhàn dỗi" của xã viên và các đối tượng khác sống trên địa bàn bằng hình thức vay và trả lãi suất theo thoả thuận, hoặc cùng hợp tác kinh doanh một thời gian nhất định hoặc trong từng hợp đồng cụ thể. Thu hút các doanh nghiệp, cán bộ, công chức tham gia HTX; Mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để tranh thủ các nguồn vốn. Các HTXTM cần chú trọng hình thức đại lý, ký gửi hoặc trả chậm trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, nhất là đối với doanh nghiệp nhà nước.

2.2.2. Đa dạng hình thức sở hữu:

Đa dạng hình thức sở hữu là đặc trưng cơ bản của HTXTM trong giai đoạn mới. Trong mô hình HTX kiểu cũ, nói đến HTX tức là đề cập đến sở hữu tập thể, sở hữu cá nhân không được đề cập đến (mặc dù nó tồn tại). Trong mô hình HTX mới, vốn cổ phần của xã viên là sở hữu cá nhân. Sở hữu tập thể được thể hiện ở các quỹ, ở cơ sở vật chất - kỹ thuật được tạo nên bởi lợi nhuận trong quá trình kinh doanh, tích lũy. Ngoài ra, có thể có sở hữu của Nhà nước thể hiện ở vốn hỗ trợ. Trong điều kiện pháp nhân đã được Luật cho phép tham gia HTX thì sẽ có thêm những hình thức sở hữu khác. Thực tế cho thấy, chỉ có đa dạng hình thức sở hữu mới có thể giải quyết được căn bệnh kinh niên của nhiều HTXTM là "luôn thiếu vốn". Hơn thế nữa, biện pháp trên sẽ tạo điều kiện phát huy khả năng, tính tích cực, chủ động của từng xã viên (bao gồm cả thể nhân và

pháp nhân) trong kinh doanh, trong tổ chức, quản lý HTX. Khả năng, thế mạnh của các thành phần kinh tế khác cũng sẽ được phát huy khi tham gia kinh doanh trong tổ chức HTXTM. Như vậy, sở hữu trong HTXTM bao gồm sở hữu cá nhân, sở hữu tập thể, sở hữu nhà nước... cùng tồn tại, hỗ trợ, bổ sung cho nhau, không phủ định nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho HTXTM. Điều này hoàn toàn đúng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

2.2.3. Hoàn thiện quan hệ phân phối thu nhập trong HTX

- Muốn phát huy khả năng của các thành viên trong các HTX, cần tiếp tục hoàn thiện chế độ phân phối trong HTX, khắc phục triệt để tình trạng phân phối theo kiểu bình quân hiện vẫn còn áp dụng trong một số HTX. Bình quân chủ nghĩa sẽ triệt tiêu sự sáng tạo, tính tích cực, chủ động của mỗi xã viên trong tổ chức và hoạt động kinh doanh của HTX. Các HTXTM cần thực hiện phân phối theo vốn góp, công sức đóng góp và mức độ sử dụng dịch vụ của xã viên trong HTX; đồng thời thực hiện sự công bằng, dân chủ, công khai trong quản lý tài chính. Bên cạnh biện pháp tuyên truyền, giáo dục, động viên tinh thần, cần chú ý biện pháp thưởng bằng vật chất theo qui định của Điều lệ HTX nhằm khuyến khích mọi khả năng của xã viên trong xây dựng, củng cố và phát triển HTX. Cán bộ, xã viên gây thiệt hại cho HTX, nếu do nguyên nhân chủ quan, phải bồi thường theo nghị quyết của Đại hội xã viên và qui định của pháp luật.

- Về trích lập quỹ của HTX: (Trích Nghị định của chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật HTX năm 2003; số: 177/2004/NĐ-CP)

+ Lợi nhuận sau thuế của HTX được sử dụng bù các khoản lỗ năm trước chuyển sang (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan. Phần còn lại HTX được dùng một phần để trích lập các quỹ bắt buộc: quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng. Tỷ lệ trích lập hai quỹ này do Đại hội xã viên quyết định, nhưng mức trích lập tối thiểu trên lợi nhuận sau thuế không được thấp hơn 20% đối với quỹ phát triển sản xuất và 5% đối với quỹ dự phòng.

+ Việc trích lập hay không trích lập các quỹ khác do Đại hội xã viên quyết định tùy thuộc vào điều kiện của HTX.

+ Mục đích, phương thức quản lý và sử dụng các quỹ của HTX phải được xác định rõ trong Điều lệ hoặc Nội quy, Quy chế về quản lý tài chính của HTX và các quy định của pháp luật có liên quan.

2.2.4. Hoàn thiện quan hệ quản lý trong HTXTM

- Trong thời kỳ bao cấp, việc quản lý trong các HTXMB về cơ bản áp dụng cách quản lý như đối với thương nghiệp quốc doanh. Hiện tại, một số HTXTM vẫn chưa hoàn toàn khắc phục được thói quen theo kiểu quản lý cũ.

Việc quản lý trong các HTXTM trong giai đoạn mới phải chú ý đến những nét đặc thù của kinh tế HTX (khác hẳn so với TNQD về quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý, quan hệ phân phối). Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của HTX như tự nguyện, bình đẳng, quản lý dân chủ, cùng có lợi v.v... sẽ tạo điều kiện để quản lý HTXTM có hiệu quả.

- Tiếp tục phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về thương mại, nhất là ở địa bàn quận, huyện, xã, phường. Trên cơ sở đó, có sự phân biệt rạch ròi chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của các cơ quan nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, HTXTM nói riêng. Khắc phục triệt để tình trạng một số cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương vẫn có hành vi can thiệp vào quá trình sản xuất kinh doanh có tính chất tác nghiệp của HTXTM.

- Các cơ quan chức năng cần giúp các HTX trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức kinh doanh và quản lý sao cho gọn nhẹ, thiết lập được các mối quan hệ quản lý hợp lý giữa các bộ phận với xã viên và người lao động, bảo đảm được sự phân công trách nhiệm rõ ràng và sự hợp tác chặt chẽ, tạo điều kiện cho việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh nhanh, nhạy, phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường, quản lý được lao động, nâng cao được chất lượng và hiệu quả công tác.

- Thực hiện cơ chế khoán thích hợp, có sự quản lý, gắn được quyền lợi, trách nhiệm với lợi ích của từng bộ phận, từng xã viên và từng người lao động trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng bộ phận, gắn thu nhập với mức độ hoàn thành công việc và kết quả sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích những tiềm năng trong hoạt động kinh doanh.

2.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động của HTX

Các chỉ tiêu sau đây sẽ được sử dụng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX hay nhóm các HTX. Kết quả kinh doanh gồm doanh thu, lãi, thực hiện trích các quỹ HTX, phân phối lợi nhuận,...

2.2.5.1 Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu này giúp đánh giá kết quả hoạt động và phân loại các HTXTM theo các nhóm sau:

- Doanh thu hàng năm
- Nhóm HTX có lãi (lãi gộp, lãi ròng)
- Nhóm HTX thua lỗ

- Nhóm các HTX có tất cả các dạng dịch vụ có lãi (đối với các HTX DVNN)

- Nhóm các HTX một số dịch vụ có lãi

2.2.5.2. Chỉ tiêu đánh giá tình hình phân phối lãi của HTXTM

- Phân phối lãi theo vốn góp, mức độ đóng góp, công sức đóng góp.

- Phân phối lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ của HTX,...

- Trích lập các quỹ của HTX: quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng, quỹ phúc lợi,...

- Các HTX chưa thực hiện đúng quy định của Luật HTX về hình thành các quỹ của HTX .

2.2.5.3. Tổng nguồn vốn và các nguồn hình thành

- Tổng nguồn vốn.

- Trong đó:

+ Vốn tự có (số lượng, tỷ lệ)

+ Vốn góp (cổ phần).

+ Vốn vay(số lượng, tỷ lệ)

2.2.5.4. Giá trị tài sản và các loại tài sản

- Cơ sở vật chất kỹ thuật:

+ Diện tích mặt bằng, trụ sở.

+ Kho tàng, xưởng chế biến...

- Công cụ lao động: Máy móc, thiết bị

- Phương tiện vận tải...

- Tỷ lệ đầu tư mới

2.2.6. Các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển của HTXTM

Đánh giá sự phát triển của HTXTM phải dựa vào hiệu quả hoạt động của mô hình HTX trên hai phương diện:

- Hiệu quả về mặt kinh tế .

Đối với HTX, trước hết hoạt động dịch vụ - sản xuất kinh doanh phải có lãi ngày càng cao, xem đó là mục tiêu quan trọng để phát triển HTX, nhưng

không phải từ hoạt động dịch vụ nội bộ, mà phải trên cơ sở mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh ra ngoài HTX thông qua liên doanh, liên kết, cạnh tranh trên thị trường. HTX phải bảo toàn được vốn, tăng qui mô qui, đảm bảo cổ tức. Không những vậy, HTX phải đảm bảo các thành viên đóng góp cổ tức phải có mức lãi tức ít nhất cũng bằng mức lãi tiền gửi ngân hàng. Đối với xã viên, hoạt động của HTX phải có sự tác động tích cực: sản xuất và thu nhập của hộ nông dân xã viên phải tăng so với điều kiện không tham gia HTX.

- Hiệu quả về mặt xã hội :

Hiệu quả xã hội trong hoạt động của mô hình HTX ở nông thôn được xem xét ở sự tác động của nó đến các mặt như xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, thực hiện xóa đói giảm nghèo, qua việc tác động của nó đến phát triển kinh tế địa phương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế... Đối với Nhà nước, điều đó được thể hiện thông qua các khoản đóng góp theo qui định và luật định.

Một số chỉ tiêu cụ thể:

- + Số lượng HTX ; + Số lượng xã viên tham gia HTXTM
- + Chất lượng cán bộ quản lý (trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, Đảng viên ,...)
- + Số vốn bình quân/ HTX
- + Thị phần hàng hoá, dịch vụ cung cấp trên thị trường:
(Số lượng chủng loại hàng hoá; Loại hình dịch vụ)
- + Mật độ HTX phân bố theo vùng địa lý.
- + Phạm vi tiếp cận: tỷ lệ (%) khách hàng tiếp cận và sử dụng hàng hoá dịch vụ do HTXTM cung cấp.

2.3. Tăng cường mối quan hệ kinh tế giữa HTXTM với doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác

2.3.1. Với doanh nghiệp nhà nước

+ Để hỗ trợ kinh tế hợp tác xã, trong đó có các HTXTM, đặc biệt trên địa bàn nông thôn, doanh nghiệp nhà nước cần tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động để phát huy vai trò chủ đạo nhằm hỗ trợ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp, nhất là trong lĩnh vực cung ứng vật tư, giống, công nghệ chế biến và tiêu thụ nông sản. Doanh nghiệp nhà nước có thể trực tiếp tham gia HTX (cử đại diện, góp vốn), hỗ trợ cơ sở vật chất (xây dựng kho tàng, cửa hàng, cơ sở chế biến), phổ biến kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh v.v... Qua đó, góp phần tăng thêm nguồn lực cho HTX.

+ Các HTXTM cần gắn liền với hệ thống tổ chức kinh tế nhà nước như là mạng lưới chân rết, cơ sở đại lý. Các DNNN có thể chuyển giao công nghệ, khoa học kỹ thuật tiên tiến về sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm, cung cấp thông tin và tìm kiếm thị trường (đặc biệt là thị trường ngoài nước), cung ứng hàng hoá, tạo điều kiện để các HTXTM làm đại lý mua và bán, phối hợp cung ứng các mặt hàng chính sách cho đồng bào dân tộc, miền núi, phối hợp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, bán hàng trả góp, trả chậm cho doanh nghiệp nhà nước...

+ Với đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản trong các cơ sở đào tạo của Nhà nước và qua kinh nghiệm kinh doanh, quản lý nhiều năm, các DNNN có đầy đủ điều kiện giúp các HTX trong xây dựng kế hoạch và phương thức kinh doanh thích hợp, nâng cao nghiệp vụ về đại lý, về mua bán, kỹ thuật bảo quản, chế biến, kiến thức và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp cho cán bộ HTX...

+ Tạo điều kiện để xã viên HTXTM có thể mua cổ phần trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước đã được cổ phần hoá.

2.3.2. Với các hộ nông dân, chủ trang trại, hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp

- Nếu được tổ chức hợp lý, huy động và phát huy được nội lực và điều quan trọng là có chính sách hỗ trợ thoả đáng của Nhà nước, HTX có thể đảm nhận vai trò trợ thủ đắc lực trong cung ứng vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, một phần vật tư cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp và hàng tiêu dùng thiết yếu, đồng thời có khả năng tiêu thụ ngày càng nhiều sản phẩm hàng hoá của các cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn nông thôn.

- Tăng cường phương thức trao đổi vật tư, hàng hoá tiêu dùng của HTX lấy hàng nông sản và sản phẩm hàng hoá khác của nông dân, hộ gia đình.

- Sử dụng các thương lái, chủ vừa làm đại lý cho các HTX trong việc mua gom hàng nông sản hoặc tranh thủ cơ sở gia công, chế biến của họ.

- Sử dụng cá nhân và hộ kinh doanh ở thị trấn, thị tứ ở các chợ trên địa bàn nông thôn làm đại lý phân phối vật tư, hàng tiêu dùng thiết yếu nhằm mở rộng mạng lưới kinh doanh.

III. HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH VÀ KHUYẾN KHÍCH BIỆN PHÁP HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC NHẪM PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN

Các HTX nói chung, HTXTM nói riêng muốn phát triển được cần có những hỗ trợ ban đầu từ phía Nhà nước. Nếu để các HTX tự xoay sở trong khi sức lực còn quá yếu thì rất khó đứng vững và phát triển. Trước mắt, cần đổi mới quan điểm và phương thức hỗ trợ kinh tế HTX và HTXTM cho thích ứng với vị trí, vai trò của nó.

3.1. Những vấn đề chung

3.1.1. Quan điểm hỗ trợ:

Trước hết, cần phải nhận thức đúng vai trò quan trọng của các HTX trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Đồng thời, cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường. Trong thực tế, vị trí kinh tế HTX hiện nay còn rất mờ nhạt. Nếu chúng ta khẳng định kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể dần trở thành nền tảng của nền kinh tế đất nước thì chính sách hỗ trợ, trong đó có hỗ trợ vốn và đầu tư của Nhà nước đối với HTX cũng phải được coi trọng tương xứng với vị trí và vai trò của nó.

Hiện tại, các HTX đang có xu hướng kinh doanh tổng hợp gồm nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau. Vì vậy, cần xác định rõ, cụ thể, chính xác những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn cần hỗ trợ, không hỗ trợ theo tên gọi của HTX. Trước hết, cần hỗ trợ địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó, có dịch vụ đầu ra tiêu thụ được nhiều nông sản, sản phẩm cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại và những làng nghề ở nông thôn. Cần có sự nhất quán trong quan điểm về hỗ trợ theo hiệu quả kinh doanh để khuyến khích các HTX yếu kém vươn lên.

Ngoài ra, trong xu thế toàn cầu hoá và tự do thương mại, cần đặc biệt chú trọng hỗ trợ HTX trong các khâu quan trọng như công nghệ, cung cấp thông tin thị trường và dự báo xu hướng phát triển trong nước và thế giới...để các HTX kinh doanh hiệu quả, đúng luật, ngày càng văn minh, hiện đại.

3.1.2 Mục tiêu của chính sách hỗ trợ HTX nhằm:

+ Hình thành môi trường kinh doanh ổn định cho các HTX (bao gồm thể chế, luật pháp, cơ sở hạ tầng, thị trường).

+ Tạo điều kiện ban đầu cho hoạt động của HTX

+ Tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển bình đẳng với các thành phần kinh tế khác

3.1.3. Về phương thức hỗ trợ:

Với những mục tiêu trên, hiện nay, chúng ta thường thực hiện hỗ trợ HTX thông qua một hoặc cả ba phương thức sau:

+ Hỗ trợ trực tiếp: Về vốn, mặt bằng, đào tạo công nhân và chủ doanh nghiệp...) và một số ưu đãi trong giai đoạn đầu mới thành lập.

+ Hỗ trợ gián tiếp: giảm thuế, cho vay với lãi suất ưu đãi, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX phát triển.

+ Hỗ trợ thông qua các tổ chức trung gian như ngân hàng, tài chính, Liên minh HTX Việt Nam để tiến hành hỗ trợ một mặt nào đó (ví dụ: hỗ trợ xuất khẩu, hỗ trợ đầu tư công nghệ).

3.1.4. Đối tượng hỗ trợ:

3.1.4.1. Đối tượng được áp dụng hỗ trợ:

a) Hợp tác xã đang hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 1996 và chấp hành bổ sung, thực hiện các quy định mới của Luật hợp tác xã 2003;

b) Hợp tác xã sẽ thành lập và đăng ký hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2003.

3.1.4.2. Đối tượng không áp dụng hỗ trợ:

a) Hợp tác xã cũ chưa làm thủ tục chuyển đổi và đăng ký hoạt động theo Luật HTX năm 1996;

b) Hợp tác xã không thực hiện các quy định mới của Luật hợp tác xã 2003.

c) Hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể tự nguyện; giải thể bắt buộc; tuyên bố phá sản.

3.1.4.3. Cơ quan cấp đăng ký kinh doanh hợp tác xã ở cấp tỉnh và huyện có trách nhiệm xác nhận cho hợp tác xã thuộc đối tượng được áp dụng theo điểm a và b (mục 3.1.4.1)

Dưới đây là những đề nghị cụ thể về việc sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đối với kinh tế HTX nói chung, HTXTM nói riêng.

3.2. Một số chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với HTXTM

3.2.1. Chính sách bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành đối với các chức danh chủ chốt; đào tạo xã viên làm chuyên môn, kỹ thuật

3.2.1.1 Đối tượng áp dụng.

a) Bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành hợp tác xã.

a.1 Là những xã viên đang đảm nhận các chức danh: Trưởng ban quản trị; Chủ nhiệm; Trưởng ban kiểm soát; Kế toán trưởng hoặc kế toán viên nếu hợp tác xã chỉ có Kế toán viên (sau đây gọi chung là Kế toán trưởng).

a.2. Là những xã viên sẽ kế cận các chức danh Chủ nhiệm, Trưởng ban kiểm soát và kế toán trưởng hợp tác xã.

b) Đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ.

Là những xã viên đang và sẽ được hợp tác xã giao đảm nhận công tác quản lý, điều hành những hoạt động đòi hỏi phải có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ.

3.2.1.2. Chế độ ưu đãi .

a). Những xã viên thuộc đối tượng quy định tại điểm a.1 mục 3.2.1.1 khi tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành hợp tác xã được miễn toàn bộ các chi phí về: tiền ăn tại cơ sở đào tạo theo chi phí thực tế của khóa học ở từng trường lớp, tiền tàu xe đi lại

Mỗi xã viên đảm nhận chức danh theo quy định tại điểm a.1 (mục 3.2.1.1) được hưởng ưu đãi miễn phí một lần theo chế độ nêu trên. Nếu muốn được bồi dưỡng lại thì phải tự bỏ kinh phí.

b). Đối với đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật:

Các xã viên theo điểm a.2 mục (3.2.1.1) nếu được hợp tác xã cử đi đào tạo tại các trường Đại học, Trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề sẽ được:

b.1. Ưu tiên điểm xét tuyển: Đối với xã viên ở thành phố cộng thêm 1 điểm; đối với xã viên ở nông thôn cộng thêm 2 điểm

b.2. Được giảm 50% tiền học phí theo mức thu quy định của trường, nơi xã viên hợp tác xã theo học. Cá nhân người đi trả 50% tiền học phí cho Nhà trường và tự túc các khoản chi phí khác trong thời gian đào tạo.

3.2.1.3 Điều kiện ưu đãi:

Đối với xã viên theo quy định tại điểm a.1,a.2 (mục 3.2.1.1) phải đáp ứng các điều kiện:

- a. Có sức khỏe tốt; yêu cầu về tuổi theo từng khoá học.
- b. Cam kết bằng văn bản về đóng góp xây dựng hợp tác xã lâu dài;
- c. Có văn bằng tốt nghiệp theo yêu cầu từng khoá học.
- d. Có quyết định của Ban Quản trị HTX cử đi bồi dưỡng.

3.2.2. Chính sách ưu đãi về giao đất.

3.2.2.1 Ưu đãi về giao đất không thu tiền sử dụng để làm trụ sở, nhà kho, sân phơi, cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

a). Đối tượng áp dụng:

a.1. Là các hợp tác xã đăng ký thực hiện cung ứng vật tư, tư liệu sản xuất cho sản xuất: nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối của xã viên.

a.2. Là các hợp tác xã đăng ký thực hiện tiêu thụ sản phẩm hàng hóa: nông, lâm, thủy sản và muối do xã viên làm ra.

b). Chế độ ưu đãi:

b.1. Về mức giao đất không thu tiền sử dụng: Tùy theo quỹ đất công ích ở từng xã, hiện trạng đất của hợp tác xã theo quy định tại mục 3.2.2.1 (hoàn toàn chưa có đất hoặc đã có nhưng chưa đủ để xây dựng theo nhu cầu) ủy ban nhân huyện, quận, nơi hợp tác xã đăng ký trụ sở xem xét quyết định mức giao đất cho hợp tác xã, tối đa không quá 500m²/ hợp tác xã.

Những nơi không còn quỹ đất công ích để giao cho hợp tác xã theo quy định tại điểm này thì Nhà nước hỗ trợ hợp tác xã kinh phí để hợp tác xã nhận chuyển nhượng đất từ xã viên, từ các tổ chức tại địa phương đang có đất hoặc từ đất thu hồi từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật đất đai. Ủy ban nhân dân huyện và ủy ban nhân xã giúp đỡ hợp tác xã trong việc tìm đất để nhận chuyển nhượng trên cơ sở thống kê, kiểm kê đất đai tại địa phương hàng năm theo Luật đất đai. Kinh phí hỗ trợ hợp tác xã nhận chuyển nhượng đất được lấy từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

b.2 Hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên số diện tích đã giao.

b.3 Đối với hợp tác xã theo điểm a. (mục 3.2.1.1). hiện đang có đất sử dụng thì được hưởng giao đất không thu tiền sử dụng theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 181 ngày 29/10/2004 về hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

c). Điều kiện áp dụng:

Hợp tác xã theo quy định tại điểm a.(mục 3.2.1.1) phải đáp ứng các điều kiện sau:

c.1. Chưa có mặt bằng (hoặc đã có, nhưng chưa đủ theo mức quy định tại điểm a (mục 3.2.2.1) để làm trụ sở giao dịch; nhà kho; sân phơi; cơ sở dịch vụ trực tiếp cho xã viên sản xuất nông, lâm, thủy sản, muối;

c.2. Tối đa là 3 năm tính từ thời điểm được giao đất Hợp tác xã phải:

- Có số lượng xã viên được hưởng lợi từ một trong các hoạt động dịch vụ của hợp tác xã theo quy định tại điểm a (mục 3.2.2.1) không thấp hơn 50.

- Thống kê và được cơ quan đăng ký kinh doanh xác nhận về: số lượng xã viên hưởng dịch vụ theo quy định trên và tổng giá trị dịch vụ mà hợp tác xã đã thực hiện cho xã viên hàng năm.

c.3. Các hoạt động cung ứng vật tư, tư liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm do xã viên làm ra do chính các xã viên của hợp tác xã thực hiện.

3.2.2.2. Ưu đãi về thuê đất.

a). Đối tượng hưởng lợi:

Là các hợp tác xã đăng ký thực hiện cung ứng vốn, hàng hóa tiêu dùng cho xã viên.

b). Chế độ hưởng lợi:

b.1. Được Nhà nước cho hợp tác xã thuê đất dài hạn theo điểm e khoản 1 Điều 35 Luật đất đai năm 2003.

b.2. Được giảm 50% tiền thuê đất trong 10 năm theo giá do giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.(áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 60 Luật đất đai)

b.3. Diện tích đất thuê dài hạn được xác định theo Dự án của hợp tác xã về xây dựng cơ sở cung ứng vốn tín dụng, hàng hóa tiêu dùng cho xã viên.

b.4. Hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên số diện tích đã thuê dài hạn.

c). Điều kiện áp dụng:

Hợp tác xã được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm b (mục 3.2.2.2). phải đáp ứng các điều kiện:

c.1.. Chưa có mặt bằng để thực hiện cung ứng vốn hoặc hàng hóa tiêu dùng cho xã viên;

c.2.. Tối đa là 3 năm kể từ khi được thuê đất hợp tác xã phải:

- Có số lượng xã viên hưởng lợi từ hoạt động cung ứng vốn, hàng hóa tiêu dùng từ hợp tác xã không thấp hơn 100 và được cơ quan đăng ký kinh doanh xác nhận;

- Giá trị vốn hoặc hàng hóa tiêu dùng mà hợp tác xã đã cung ứng cho xã viên không thấp hơn 50% tổng giá trị vốn và hàng hóa mà hợp tác xã thực hiện hàng năm.

c.3. Các hoạt động cung ứng vốn và hàng hóa tiêu dùng phải do chính các xã viên hợp tác xã thực hiện.

d). Xử lý vi phạm.

d.1. Nhà nước sẽ thu hồi lại đất đã giao có thu tiền sử dụng cho hợp tác xã nếu sau 3 năm mà hợp tác xã không đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại c.2 và c.3 (mục 3.2.2.2).

d.2. Nhà nước sẽ chấm dứt hình thức ưu đãi về giảm tiền thuê đất đối với hợp tác xã trong thời gian tiếp theo khi hợp tác xã không thực hiện các điều kiện quy định tại c.2 và c.3 (mục 3.2.2.2).

Bộ Tài nguyên và môi trường phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan hướng dẫn cụ thể để hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại điểm a (mục 3.2.2.2) được hưởng chính sách ưu đãi về thuê đất dài hạn.

3.2.3. Chính sách ưu đãi về tài chính đối với HTX.

3.2.3.1 Ưu đãi về thuế môn bài.

a). Đối tượng được hưởng ưu đãi:

Là các xã viên của hợp tác xã thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh độc lập bằng tài sản tự mua sắm, nhưng giá trị tài sản đó đã được góp vào hợp tác xã thành tài sản chung.

b). Chế độ ưu đãi:

Từng xã viên theo điểm a (mục 3.2.3.1). không phải nộp thuế môn bài riêng cho tài sản của mình đã góp vào hợp tác xã. Hợp tác xã nộp thuế môn bài chung cho tất cả số tài sản mà xã viên đã góp vào.

c). Điều kiện áp dụng.

c.1. Xã viên phải chuyển toàn bộ giá trị tài sản thuộc cá nhân đang sử dụng vào tài sản chung của hợp tác xã để thống nhất quản lý;

c.2. Xã viên thực hiện các hoạt động kinh doanh dưới danh nghĩa hợp tác xã thông qua các chứng từ, hóa đơn do hợp tác xã phát ra;

c.3. Hợp tác xã phải thống kê, quản lý được doanh thu tạo ra bằng tài sản xã viên đã chuyển thành tài sản của hợp tác xã;

c.4. Hợp tác xã phải đăng ký tổng giá trị tài sản và tỷ lệ trích khấu hao hàng năm với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế.

3.2.3.2 Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

a). Đối tượng áp dụng.

Các hợp tác xã theo quy định tại điểm a (mục 3.2.3.1). có thu nhập doanh nghiệp.

b). Chế độ ưu đãi.

Hợp tác xã nộp thuế thu nhập với mức 0 % đối với giá trị thu nhập tạo ra từ các hoạt động dịch vụ, cung ứng vật tư sản xuất, hàng hóa tiêu dùng, vốn tín dụng và hoạt động tiêu thụ sản phẩm cho xã viên.

Phần thu nhập tạo ra từ các hoạt động kinh doanh ngoài các hoạt động nói trên hợp tác xã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật về thuế thu nhập hiện hành.

c). Điều kiện áp dụng.

Để hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm b (mục 3.2.3.2). hợp tác xã phải hạch toán và được cơ quan cơ quan đăng ký kinh doanh xác nhận giá trị thu nhập tạo ra từ hoạt động dịch vụ, cung ứng cho xã viên của mình

Bộ tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể về phương pháp hạch toán và các mẫu giấy tờ cần thiết để giúp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế thực hiện chính sách ưu đãi về mức thuế thu nhập doanh nghiệp: 0% điểm b (mục 3.2.3.2).

3.2.3.3 Lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

a). Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên quy mô cả nước để tiếp nhận nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ từ các tổ chức trong, ngoài nước và tự góp của các hợp tác xã, để thực hiện các mục tiêu hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

b). Bộ Tài chính, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ liên quan, Liên minh hợp tác xã Việt Nam nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ: Quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ, Điều lệ về hình thành và sử dụng Quỹ.

3.2.4 .Chính sách ưu đãi về vay vốn tín dụng Ngân hàng

3.2.4.1 Đối tượng áp dụng.

a). Các hợp tác xã có nhu cầu vay vốn tín dụng để đầu tư vào cơ sở xuất kinh doanh mới, đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu nâng cao chất lượng sản phẩm.

b). Các hợp tác xã có nhu cầu vay vốn tín dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế và đời sống xã viên.

3.2.4.2 Chế độ ưu đãi:

a). Được tạo thuận lợi vay theo Dự án đầu tư.

b) được vay theo nhu cầu thực hiện các hợp đồng, kế ước mua vật tư, hàng hóa cung ứng cho xã viên

3.2.4.3 Điều kiện áp dụng.

a). Trường hợp hợp tác xã vay vốn thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư nâng cấp thiết bị, công nghệ sản xuất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a.1. Hợp tác xã phải trình đơn xin vay và dự án đầu tư đến Quỹ hỗ trợ phát triển để thẩm định. Dự án được cơ quan điều hành Quỹ thẩm định là có tính khả thi, có khả năng thu hồi vốn;

a.2. Hợp tác xã phải có Nghị quyết Đại hội xã viên cam kết về việc sử dụng vốn theo đúng đề xuất của Dự án đã thẩm định, nếu để thất thoát thì tất cả xã viên cùng chịu trách nhiệm về số vốn đã vay;

a.3. Tài sản được hình thành từ vốn vay thuộc về sở hữu của tổ chức đã cho hợp tác xã vay vốn cho đến khi hợp tác xã trả hết số vay gốc và lãi, khi đó hợp tác xã là chủ sở hữu của tài sản đã đầu tư. Trong thời gian chưa trả hết nợ hợp tác xã phải chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức đã cho hợp tác xã vay vốn.

b). Trường hợp hợp tác xã vay vốn để mua vật tư, hàng hóa phục vụ xã viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

b.1. Hợp tác xã phải có hợp đồng hoặc kế ước đã ký với các tổ chức kinh tế về mua hàng hóa vật tư, tư liệu sản xuất hoặc hàng hóa tiêu dùng, ghi rõ tổng giá trị hàng hóa, vật tư mà hợp tác xã sẽ mua, thời gian thanh toán;

b.2. Hợp tác xã trình đơn xin vay và hợp đồng hoặc kế ước mua vật tư, hàng hóa đến tổ chức tín dụng như quy định tại Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002.

b.3. Hợp tác xã cam kết trả đủ tiền vay (cả gốc và lãi) và đúng thời hạn cho tổ chức tín dụng đã cho hợp tác xã vay vốn;

Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ khác có liên quan ban hành mẫu đơn vay vốn, mẫu hướng dẫn hợp tác xã làm Dự án đầu tư, hướng dẫn Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và các

tổ chức tín dụng triển khai chính sách ưu đãi về vay vốn tín dụng được quy định tại mục 3.2.4

3.2.5. Chính sách hỗ trợ hợp tác xã một số hoạt động xúc tiến thương mại.

3.2.5.1 Đối tượng áp dụng.

a). Các hợp tác xã sản xuất hàng hóa có nhu cầu tìm hiểu thông tin, kiến thức về xúc tiến thương mại và tham gia hoạt động xúc tiến thương mại.

b). Các hợp tác xã đã là đối tượng được hưởng hỗ trợ từ chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia không thuộc đối tượng hưởng ưu đãi về xúc tiến thương mại.

3.2.5.2 Các hình thức và chế độ hỗ trợ.

a). Hỗ trợ kinh phí hội thảo và kinh phí thuê chuyên gia về xúc tiến thương mại truyền đạt thông tin và kiến thức về tiếp thị, chào hàng và kỹ năng làm hợp đồng kinh tế theo ngành nghề, hoạt động.

b) Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước để chào hàng và tìm kiếm khách hàng.

c). Hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn hợp tác xã xây dựng, đăng ký và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

d). Hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn hợp tác xã khảo sát thị trường, tìm kiếm khách hàng.

3.2.5.3 Điều kiện áp dụng.

a). Các hợp tác xã muốn theo điểm a (mục 3.2.5.2). phải:

a.1. Chủ động xác định mục tiêu hội thảo và tập hợp những hợp tác xã cùng có nhu cầu tham gia dự hội thảo theo mục tiêu đã xác định;

a.2. Số lượng tối thiểu hợp tác xã tham gia trong mỗi lần hội thảo không dưới 20 đơn vị, có thể cùng hoặc không cùng ngành nghề hoạt động;

a.3. Chủ động đề xuất kinh phí, nội dung và yêu cầu về chuyên gia truyền đạt đến Liên minh hợp tác xã tại tỉnh, nơi các hợp tác xã đóng trụ sở.

Liên minh hợp tác xã tỉnh lên kế hoạch tổ chức hội thảo và phối hợp với Sở thương mại tỉnh để xác định nguồn kinh phí thuê chuyên gia và tổ chức hội thảo cho các hợp tác xã có nhu cầu.

b). Các hợp tác xã theo quy định tại điểm b (mục 3.2.5.2). phải:

- b.1. Sản xuất hàng hóa tương đối ổn định ít nhất 3 năm;
- b.2. Chủ động đề xuất yêu cầu tham dự hội trợ, triển lãm trong và ngoài nước đến Sở thương mại tỉnh, nơi hợp tác xã đóng trụ sở.
- b.3. Chuẩn bị đầy đủ các sản phẩm, hàng hóa và các nguồn lực tham dự hội trợ, triển lãm.
- c). Các hợp tác xã theo quy định tại điểm c (mục 3.2.5.2). phải:
 - c.1. Chuẩn bị đầy đủ các thủ tục đăng ký thương hiệu sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa theo quy định của cơ quan chuyên môn;
 - c.2. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu phải được kiểm nghiệm theo đúng quy định của Nhà nước.
- d). Các hợp tác xã theo điểm d (mục 3.2.5.2). phải:
 - d.1. Có khối lượng hàng hóa đáp ứng được yêu cầu khách hàng;
 - d.2. Chủ động tập hợp các hợp tác xã có cùng nhu cầu khảo sát thị trường;
 - d.3. Chủ động đề xuất nhu cầu khảo sát với Liên minh hợp tác xã tỉnh và Sở thương mại tỉnh, nơi hợp tác xã đóng trụ sở.

Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ khác có liên quan hướng dẫn cụ thể về chế độ hỗ trợ đối với từng hình thức quy định tại mục 3.2.5.2. và nguồn Ngân sách Nhà nước giành cho công tác xúc tiến thương mại để triển khai chính sách hỗ trợ hợp tác xã theo quy định tại phần 3.2.5.

3.2.6. Chính sách hỗ trợ hợp tác xã ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ.

3.2.6.1 Đối tượng áp dụng.

- a). Các hợp tác xã có nhu cầu đầu tư nâng cấp hoặc đầu tư đổi mới công nghệ.
- b). Các hợp tác xã có nhu cầu được chuyển giao công nghệ mới, kinh nghiệm sản xuất tốt cho xã viên.

3.2.6.2 Chế độ hỗ trợ.

- a). Đối với trường hợp hợp tác xã có nhu cầu theo điểm a (mục 3.2.6.1). thì Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí và hợp tác xã phải hoàn trả lại Nhà nước tùy theo kết quả đầu tư.

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b mục (3.2.6.1). Nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí..

3.2.6.3. Điều kiện áp dụng.

a). Các hợp tác xã theo điểm 1, A. phải:

a.1 Chủ động làm Dự án theo quy định của nhà nước và chủ động gửi đến sở khoa học và công nghệ tỉnh để thẩm định;

a.2 Chủ động gửi đến Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã để nhận hỗ trợ kinh phí.

b). Các hợp tác xã theo điểm b (mục 3.2.6.1). phải:

b.1. Chủ động tổ chức xã viên tham gia lớp tập huấn,

b.2 Một lớp tập huấn chuyển giao không ít hơn 40 xã viên, các xã viên có thể đến từ nhiều hợp tác xã khác nhau nhưng cùng hoạt động trong một lĩnh vực

b.3 Chủ động gửi kế hoạch về nhu cầu tập huấn kỹ thuật đến Sở khoa học công nghệ tỉnh và Liên minh hợp tác xã tỉnh

b.4. Chủ động gửi kế hoạch tập huấn đến Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Bộ khoa học và công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ tài chính chủ trì, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ khác liên quan hướng dẫn việc sử dụng Ngân sách được chi vào mục đích đầu tư nâng cấp hoặc đổi mới công nghệ và nguồn ngân sách giành cho công tác tập huấn chuyển giao kiến thức sản xuất mới để thực hiện chính sách hỗ trợ hợp tác xã ứng dụng khoa học công nghệ theo quy định tại phần 3.2.6.

3.2.7. Chính sách ưu tiên hợp tác xã tham gia các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội

3.2.7.1. Đối tượng áp dụng.

Các hợp tác xã đã quy định ở phần trên. (3.2.1.)

3.2.7.2. Chế độ ưu tiên.

a). Được ưu tiên tham gia làm chủ các Dự án có mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội và xóa đói giảm nghèo do Chính phủ trực tiếp triển phù hợp với khả năng của hợp tác xã.

b). Được giúp đỡ về kiến thức quản lý Dự án trong quá trình triển khai.

3.2.7.3 Điều kiện áp dụng.

a). Hàng năm hợp tác xã phải chủ động đăng ký với cơ quan cấp đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã, hoặc ủy ban nhân dân huyện nơi hợp tác xã đóng trụ sở về lĩnh vực và khả năng tham gia triển khai các Dự án có mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

b). Đại hội xã viên quyết định những công việc mà xã viên sẽ tham gia để được hưởng lợi từ Dự án theo đăng ký, nếu được triển khai.

c). Đại hội xã viên có cam kết thực hiện tốt dự án nếu được triển khai vào hợp tác xã.

3.2.7.4. Trách nhiệm của cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu.

a). Thông báo công khai tới các địa phương huyện, quận, xã, phường về phạm vi và đối tượng và điều kiện của từng chương trình

b). Nhận xem xét và phê duyệt đơn đăng ký tham gia chương trình của hợp tác xã.

c). Giúp hợp tác xã làm các thủ tục cụ thể để tham gia chương trình.

d). Kiểm tra, giám sát và giải quyết các phát sinh trong quá trình triển khai dự án giao cho hợp tác xã thực hiện.

3.2.8. Nghĩa vụ của các Hợp tác xã được hưởng chính sách ưu đãi

a). Tuyên truyền đầy đủ các quy định của Luật HTX 2003 đến từng xã viên; Không ngừng phát triển xã viên và hoàn thiện mô hình hợp tác xã theo Luật; Có thành tích tốt trong các hoạt động dịch vụ xã viên.

b). Cam kết không ngừng nâng cao tinh thần tự chủ, tinh thần hợp tác giữa các xã viên HTX, không ngừng nâng cao các giá trị tốt đẹp của hợp tác xã theo 4 nguyên tắc của Luật hợp tác xã năm 2003.

c). Không ngừng phát triển uy tín hợp tác xã đối với xã viên

3.3. Hoàn thiện tổ chức quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với HTXTM ở nông thôn

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, ghi rõ: "Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hợp tác xã và các Luật liên quan; Chính phủ có chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể đến năm 2010, phân công một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp phụ trách, có bộ phận giúp việc, chỉ đạo các Bộ, ngành, địa

phương, Liên minh HTX Việt Nam và các đoàn thể trong việc phát triển kinh tế tập thể ”

Ngày 31 tháng 3 năm 2004, Thủ tướng chính phủ đã ra chỉ thị số 13/2004/CT- TTG về việc thực hiện một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển mạnh thị trường nội địa.

Theo tinh thần đó, các cơ quan quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể nói chung, HTXTM nói riêng cần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước với những nội dung thiết thực, cụ thể, tập trung vào những công việc chủ yếu sau:

3.3.1. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước đối với kinh tế HTX trong thương mại

3.3.1.1 Đối với Bộ Thương mại:

- Nghiên cứu, xây dựng mục tiêu và định hướng phát triển các HTXTM từ nay đến 2010. Định hướng phát triển các HTXTM phải phù hợp với qui hoạch tổng thể của ngành, gắn với qui hoạch mạng lưới chợ nông thôn, chợ miền núi, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, chợ biên giới, qui hoạch trung tâm thương mại thị trấn hoặc cụm thương mại - dịch vụ thị tứ v.v... Trên cơ sở *Đề án tiếp tục tổ chức thị trường trong nước, tập trung phát triển thị trường nông thôn thời kỳ 2001- 2010* được Chính phủ thông qua, tổ chức xây dựng các đề án nhánh và các văn bản qui phạm có liên quan là những việc làm quan trọng hàng đầu nhằm phát triển thị trường và thương mại trong nước với sự tham gia của thương nhân thuộc các thành phần kinh tế, trong đó có các HTXTM.

Đề án nhánh về HTXTM cần hướng nội dung hoạt động chủ yếu của các HTXTM vào những lĩnh vực phù hợp với đặc điểm của loại hình kinh tế này và các chính sách kinh tế của Nhà nước, nhất là những lĩnh vực, địa bàn Nhà nước khuyến khích phát triển, đầu tư, nhằm bảo đảm 3 lợi ích: Nhà nước, tập thể và xã viên.

- Sau khi Luật HTX có hiệu lực, cùng các Bộ, ngành nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh chính sách đối với kinh tế tập thể và HTXTM, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thể hiện vai trò “bà đỡ” của Nhà nước thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển. Các chính sách, cơ chế quản lý phải bảo đảm tính ổn định lâu dài và tính đồng bộ thống nhất để các HTXTM yên tâm sản xuất, kinh doanh.

- Xác lập cơ chế về mối quan hệ kinh tế nhà nước và HTX, tạo điều kiện cho việc hình thành các hình thức liên doanh, liên kết giữa thương nghiệp quốc doanh và HTXTM qua các hoạt động đại lý mua, bán, giới thiệu sản phẩm, tạo điều kiện để các HTXTM tiếp cận thị trường trong và ngoài nước...

- Xây dựng nội dung chương trình, hình thức và phương thức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ các cán bộ làm công tác quản lý, nhân viên nghiệp vụ và nâng cao tay nghề cho những người lao động trong các HTX nhằm phục vụ cho yêu cầu xây dựng và phát triển HTXTM. Có thể đào tạo qua hệ thống trường lớp tập trung của ngành hoặc phối hợp với các địa phương tổ chức đào tạo tại chỗ.

- Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTXTM nắm được những thông tin chủ yếu, kịp thời về kinh tế thương mại nói chung, lĩnh vực HTX nói riêng.

- Nghiên cứu, đề xuất với các ngành hữu quan để hỗ trợ phát triển HTXTM thông qua các chương trình, dự án đầu tư quốc gia; các chương trình, dự án do các nước, các tổ chức quốc tế tài trợ; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án đó.

- Phối hợp với Liên minh HTXVN phổ biến và nhân rộng các mô hình HTX điển hình, tiên tiến trong phạm vi cả nước; tranh thủ ý kiến tham gia của các tổ chức trên trong quá trình nghiên cứu xây dựng mục tiêu, chiến lược và định hướng phát triển HTXTM trong từng thời kỳ.

- Tiếp tục cải cách hành chính, giảm bớt những thủ tục không cần thiết, tạo điều kiện cho các HTXTM mở rộng kinh doanh, đặc biệt là những thủ tục liên quan đến những mặt hàng kinh doanh có điều kiện, hạn chế kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu v.v.. đồng thời có chế độ kiểm tra, việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng

- Bộ Thương mại cần phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam và Sở Thương mại và Du lịch địa phương (dưới đây gọi tắt là sở Thương mại) có HTXTM hoạt động tốt tiến hành tổng kết thực tiễn xây dựng các HTX điển hình để phổ biến rộng rãi và hướng dẫn, chỉ đạo việc áp dụng các mô hình đó trong phạm vi cả nước. Về mặt lý luận, các Viện nghiên cứu thuộc Bộ và Liên minh HTX Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện mô hình tổ chức HTXTM trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội từng vùng, nhu cầu của thị trường, khả năng của xã viên và trình độ quản lý của cán bộ.

- Đối với hoạt động quản lý nhà nước của các Sở Thương mại, Bộ cần có kế hoạch hướng dẫn, chỉ đạo các Sở Thương mại phối hợp với các cơ quan hữu quan giải quyết dứt điểm những vướng mắc để giúp đỡ các HTX chưa chuyển đổi được; Kịp thời uốn nắn những lệch lạc, ngăn chặn tiêu cực trong việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với các HTXTM. Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, nhằm tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng cho các HTX.

3.3.1.2 Đối với các Sở Thương mại:

Với chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thương mại và thị trường ở địa phương, Sở Thương mại, Phòng Thương mại hoặc Phòng Tài chính-Thương mại giúp UBND tỉnh, quận, huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với HTX trong lĩnh vực thương mại, bao gồm:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển HTXTM trên địa bàn tỉnh, thành phố trong giai đoạn 2005 - 2010.

- Đề xuất các phương án trình UBND tỉnh, thành phố, kiến nghị giải quyết dứt điểm những vướng mắc, tồn tại của các HTXTM chưa chuyển đổi để các HTX hoàn thành thủ tục và đăng ký kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật, làm tốt công tác hướng dẫn, giải thích để mọi người hiểu đúng về HTX kiểu mới, tạo điều kiện cho việc hình thành, phát triển HTXTM trên địa bàn, nhất là địa bàn nông thôn, miền núi.

- Tiếp tục phát hiện, đề xuất những ý kiến sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ của nhà nước về phát triển HTXTM; tăng cường kiểm tra việc thực hiện Luật HTX, Luật Thương mại, Nghị định của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác

- Tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho việc hình thành, phát triển HTXTM ở địa phương; tổ chức, hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ của Nhà nước về phát triển HTXTM.

- Căn cứ vào Luật Thương mại, Luật HTX, giúp đỡ các HTXTM xây dựng điều lệ cụ thể; hướng dẫn các HTXTM chuyển đổi và đăng ký kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật; Xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho các HTXTM.

- Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, thành phố để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho những người lao động trong các HTX, giúp các HTX xây dựng phương án kinh doanh, xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ triển lãm.

3.3.2. Kiện toàn hệ thống tổ chức, nâng cao chất lượng cán bộ quản lý nhà nước đối với kinh tế HTX trong thương mại:

Theo xu hướng cải cách hành chính, tiếp tục củng cố và hoàn thiện tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý HTX nói chung, HTXTM nói riêng trong hệ thống của các cơ quan hành pháp. Tổ chức bộ máy vừa là sản phẩm của cơ chế vừa là công cụ để thực hiện cơ chế. Do vậy, nó cần được tổ chức hợp lý, khoa học và hoạt động một cách đồng bộ, nhịp nhàng, có hiệu quả nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế HTX trong tình hình hiện nay.

Công tác quản lý của nhà nước đối với HTXTM hiện nay thuộc nhiều Bộ, ngành khác nhau. Do đó, cơ quan theo dõi, chỉ đạo kinh tế HTX thuộc Văn phòng Chính phủ cần phát huy tốt vai trò đầu mối phối hợp hoạt động của các Bộ, ngành nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước đối với các HTX. Trước mắt, cơ quan này tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Chủ trì sự phối hợp của các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu hoạch định chiến lược phát triển kinh tế HTX.

- Cùng các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan tham mưu cho Chính phủ về những chính sách hỗ trợ đối với các HTX và chỉ đạo hoạch định các chính sách đó với nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan hữu quan.

- Tham gia các chương trình xây dựng pháp luật, tạo hành lang pháp lý để các HTX có thể hoạt động thuận lợi và an toàn.

Thực hiện được điều đó, chắc chắn công tác xây dựng pháp luật, đề ra chính sách đối với các HTX sẽ được làm tốt hơn, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng chồng chéo, lấn sân nhau do chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan quản lý nhà nước đối với HTX không được phân định rõ ràng; khắc phục được tình trạng chấp vá, không đồng bộ hoặc mâu thuẫn nhau trong việc xây dựng và ban hành các văn bản qui phạm pháp luật.

Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý cho tổ chức và hoạt động của các HTXTM. Chính phủ sớm ban hành nghị định hướng dẫn các HTX xây dựng điều lệ và nghị định về chính sách khuyến khích phát triển các HTX cho phù hợp với luật HTX năm 2003. Trên cơ sở đó, các bộ ngành và các địa phương ban hành các chính sách, thông tư hướng dẫn cụ thể cho phù hợp với lĩnh vực của mình.

Do HTXTM cũng là đối tượng điều chỉnh của Luật Thương mại, vì vậy, Chính phủ cần khẩn trương ban hành Nghị định về tổ chức quản lý Nhà nước đối với hoạt động thương mại từ Trung ương đến địa phương. Có như vậy, các nội dung quản lý nhà nước đối với chủ thể kinh doanh và hành vi thương mại, đặc biệt là việc tổ chức thực hiện pháp luật chính sách mới có điều kiện để thực thi. Bởi lẽ, nếu chính sách ban hành đầy đủ, đồng bộ nhưng không có tổ chức và cán bộ (đặc biệt ở cấp quận, huyện) để triển khai kịp thời thì nhiều tác dụng của chính sách không được phát huy hoặc phát huy ở mức thấp. Ban hành Nghị định trên, một mặt đáp ứng được đòi hỏi bức xúc hiện nay là qui định rõ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, vai trò chủ trì, phối hợp, của các Bộ, ngành và các cơ quan chức năng khác trong công tác quản lý Nhà nước đối với các chủ thể kinh doanh thương mại, khắc phục được tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nội dung; Mặt khác, giải quyết được mối quan hệ giữa Bộ Thương mại, Sở Thương mại đối với các cơ quan hữu

quan trọng nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại, do đó, khắc phục được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, đổ lỗi cho nhau khi thực thi công vụ.

Hiện tại, Thông tư 36/2000/TTLB-BTM-BTCCBCP ngày 27/1/2000 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Bộ Thương mại có quy định về quản lý nhà nước của Sở Thương mại đối với HTXTM, nhưng còn chung chung, không rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước khác và cơ quan đại diện, tư vấn. Do đó, cùng với những hạn chế của nhận thức, hoạt động của các Sở Thương mại trong thời gian qua vẫn nặng về hình thức, hiệu lực và hiệu quả quản lý ở mức thấp. Vì vậy, đề nghị sửa đổi Thông tư trên theo hướng làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thương mại nói chung, nội dung quản lý thương nhân, trong đó có HTXTM nói riêng. Mối quan hệ giữa Sở Thương mại với các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, đặc biệt là các Sở chuyên ngành trong hoạt động quản lý liên quan đến HTXTM cũng cần được UBND các tỉnh, thành phố qui định cụ thể. Trong đó chú ý vai trò của các Sở Thương mại trong việc tham gia ý kiến xây dựng các đề án, qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương có liên quan đến HTXTM. Sớm cụ thể hoá nội dung quản lý nhà nước đối với các HTXTM để các tỉnh, thành phố dễ thực hiện và tạo thuận lợi cho hoạt động kiểm tra của các cơ quan chức năng.

Theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (Khoá IX), để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần phải có bộ máy quản lý chuyên trách thích hợp (các Bộ có Vụ, Sở có Phòng Quản lý kinh tế tập thể).

Tuy nhiên, các cơ quan quản lý đối với kinh tế tập thể không nên tổ chức hoàn toàn giống nhau do tình hình thương nhân, môi trường kinh doanh, dân số, khả năng huy động tài chính, điều kiện địa lý, điều kiện đầu tư ở thành thị khác nông thôn và miền núi. Vì thế, áp dụng một mô hình quản lý với cơ cấu tổ chức, chức vụ, thẩm quyền, quyền lợi, trách nhiệm của cán bộ quản lý giống nhau là bất hợp lý và không khoa học. Ở địa bàn quận, huyện, nơi nào HTXTM phát triển mạnh thì có thể thành lập các tổ chuyên trách nằm trong phòng Quản lý thương nhân hoặc phòng Quản lý hành chính thương nghiệp. Trong trường hợp số HTXTM quá ít thì chỉ cần một cán bộ theo dõi kiêm nhiệm, chịu sự quản lý trực tiếp của Trưởng phòng Quản lý hành chính Thương nghiệp hoặc Trưởng phòng Quản lý thương nhân.

Đi đôi với việc kiện toàn tổ chức bộ máy nhằm làm tốt công tác quản lý Nhà nước đối với các HTXTM, cần khẩn trương nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý cả ở trung ương và địa phương.

Ở các cơ quan trung ương (bộ, cơ quan ngang bộ...) cần có những chuyên gia giỏi, với kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế HTX, có khả năng vạch ra chiến lược, qui hoạch, kế hoạch phát triển và hoạch định chính sách đối với kinh tế HTX nói chung, HTXTM nói riêng.

Ở các tỉnh, thành phố đòi hỏi phải có những cán bộ quản lý có khả năng phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách đối với các HTX.

Để nâng cao chất lượng của công tác quản lý, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ đã được phân định rõ, các Bộ, ngành chức năng và các địa phương tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là số cán bộ trực tiếp hoạch định và tổ chức thực thi chính sách đối với kinh tế HTX, trong đó có HTXTM; có chế độ đãi ngộ thoả đáng để họ yên tâm công tác; chấn chỉnh lề lối và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường phối hợp trong xử lý công việc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.

3.3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, tổng kết, giúp đỡ các địa phương, HTX về thi hành Luật HTX và các quy định khác của pháp luật:

Thực hiện tốt các nội dung trên, hệ thống tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước phải được củng cố và tăng cường từ Bộ tới tỉnh, huyện, xã đủ mạnh (bao gồm lực lượng cán bộ, kinh phí, phương tiện hoạt động). Về lâu dài Bộ Nông nghiệp và PTNT; Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố, UBND các huyện thị có tổ chức chuyên trách quản lý HTXNN. Đề nghị UBND tỉnh, UBND huyện tăng cường lực lượng cán bộ làm công tác này. Ở Sở Thương mại mỗi tỉnh có từ 6 - 10 cán bộ; ở Phòng nông nghiệp mỗi huyện có từ 3 - 5 cán bộ chuyên trách làm công tác này; Nhà nước trang bị đủ phương tiện, kinh phí cho bộ máy này hoạt động. Đồng thời giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Thương mại thường xuyên phối hợp để hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương giúp đỡ các HTXNN tổ chức các hoạt động dịch vụ, thương mại; Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản cho Nông dân, tạo môi trường và hành lang pháp lý thuận lợi để các HTXNN tổ chức kinh doanh các dịch vụ thương mại có hiệu quả, vừa nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX vừa phục vụ kinh tế hộ phát triển; góp phần đẩy nhanh sự nghiệp CNH, HĐH Nông nghiệp, nông thôn.

Quá trình đổi mới HTX, với ngày càng nhiều HTX làm ăn có hiệu quả, trong đó hình thức tổ chức và hoạt động dịch vụ, thương mại; Hợp tác xã sản xuất - kinh doanh tổng hợp là hình thức HTX có nhiều triển vọng đã thể hiện được vị trí, vai trò của HTX đối với kinh tế hộ nông dân và phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở. Tuy nhiên, quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động kinh doanh dịch vụ của HTX còn có những tồn tại, hạn chế nhất là quy mô và hiệu quả dịch

vụ chưa cao, vai trò của HTX so với thành phần kinh tế khác còn hạn chế. Vì vậy cần phải xây dựng mô hình và tổng kết các mô hình để rút kinh nghiệm chỉ đạo nhân ra diện rộng.

Trong những năm tới từ trung ương tới các địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về HTX. Công tác tuyên truyền HTX mới phải trên cơ sở tổng kết xây dựng mô hình phát triển kinh tế hợp tác và HTX làm cơ sở thực tiễn để thảo luận, tranh luận trong sinh hoạt chính trị trong tổ chức Đảng, chính quyền và các Đoàn thể trong nông thôn, nông nghiệp; làm cho mọi cán bộ trong Đảng, cơ quan quản lý Nhà nước, thống nhất nhận thức về sự cần thiết và vị trí, vai trò của kinh tế hợp tác và HTX đối với phát triển kinh tế hộ trong kinh tế thị trường, đối với quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới XHCN; làm cho nông dân hiểu HTX mới, lợi ích tham gia HTX, vị trí và vai trò của tổ hợp tác và HTX trong việc phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và của đất nước. Vì vậy, cấp Trung ương, tỉnh, huyện nhất là các xã phải có kế hoạch cụ thể, các hình thức tuyên truyền, vận động đa dạng để dân dễ tiếp nhận; đặc biệt tuyên truyền qua tham quan, học tập HTX điển hình để dân biết, dân làm.

IV. NÂNG CAO VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA LIÊN MINH CÁC HTX

Trong quá trình hình thành và phát triển, HTXTM cũng như HTX thuộc các ngành khác gặp không ít khó khăn, đặc biệt là những khó khăn về kinh tế. Trong quan hệ kinh tế giữa HTX với các thành phần kinh tế khác không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Cơ chế, chính sách cũng như các văn bản pháp luật khi đi vào thực tế cuộc sống, tất yếu nảy sinh những hạn chế nhất định. Trong quá trình hoạt động và thực thi công vụ, có thể một số cơ quan Nhà nước hoặc công chức, viên chức gây phiền hà, thậm chí có hành động sai trái gây thiệt hại cho các HTX. Những hạn chế đó gây khó khăn cho các HTXTM, và từng HTX riêng lẻ không có khả năng giải quyết được. Họ cần đến một tổ chức đại diện cho quyền lợi của họ. Tổ chức đó có thể phản ánh những khó khăn, vướng mắc, nói tiếng nói chung của các HTX. Do vậy, sự ra đời của Liên minh HTXVN là cần thiết và khách quan. Theo qui định của Luật HTX, Liên minh HTXVN là tổ chức phi Chính phủ được tổ chức trên cơ sở tự nguyện của các thành viên, hoạt động theo pháp luật và điều lệ Liên minh, không phân biệt ngành hoặc vùng trên phạm vi toàn quốc vì lợi ích chung của các HTX.

Vai trò của Liên minh các HTX cần được phát huy trong việc thực hiện chức năng đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các HTX, tuyên truyền vận động, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, tư vấn đối với các chế độ, chính sách...

Vai trò của Liên minh các HTXVN còn được thể hiện trong việc mở rộng quan hệ đối ngoại, để tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế và tổ chức HTX của các nước về vốn đầu tư, thị trường xuất khẩu, quảng cáo và giới thiệu sản phẩm, đào tạo bồi dưỡng cán bộ và kinh nghiệm kinh doanh...

Để có thể phát huy được vai trò nêu trên, tổ chức Liên minh HTX ở các cấp phải được củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động, cụ thể là:

- Trước mắt, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Liên minh HTX cần được làm rõ hơn, đặc biệt là làm rõ mối quan hệ giữa tổ chức này với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến kinh tế HTX, trong đó có Bộ Thương mại và các Sở Thương mại. Cần xây dựng được cơ chế phối hợp trong việc xây dựng chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, chính sách, chế độ đối với kinh tế HTX. Từ đó, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ phận và cho từng chức danh trong tổ chức bộ máy, làm cơ sở cho việc bố trí cán bộ, lao động.

- Tổ chức Liên minh HTX ở các tỉnh, thành phố cần dựa trên đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội và sự phát triển của phong trào HTX trong từng khu vực, địa bàn. Tránh tình trạng áp dụng máy móc cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên minh HTX Trung ương gây lãng phí kinh phí và cán bộ.

- Tăng cường mối quan hệ giữa Liên minh HTX Trung ương với Liên minh HTX ở các tỉnh, thành phố và các cơ sở thành viên. Xây dựng và thực hiện tốt chế độ cung cấp và xử lý thông tin hai chiều, đặc biệt chú ý những thông tin phản hồi từ cơ sở về chế độ chính sách liên quan đến kinh tế HTX, từng bước nâng cao chất lượng thông tin, tiến tới nối mạng giữa tổ chức Liên minh HTX Trung ương với Liên minh các tỉnh, thành phố, giúp cho công tác chỉ đạo và hoạt động quản lý đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới.

- Các tổ chức Đảng, Nhà nước, đặc biệt là các Bộ, ngành và UBND các cấp cần giúp đỡ, tạo điều kiện cho Liên minh HTX từ Trung ương đến địa phương nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động; Chú trọng việc tạo ra các công cụ hỗ trợ như thành lập các trung tâm tư vấn và các dịch vụ tư vấn về thị trường (cả trong nước và ngoài nước) về khoa học công nghệ; Xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ bảo lãnh tín dụng v.v...Chỉ với những hành động và kết quả cụ thể, Liên minh HTXVN mới thực sự thể hiện vai trò đại diện và hỗ trợ kinh tế HTX, góp phần thực hiện thành công các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước.

KẾT LUẬN

Kinh tế hợp tác là sản phẩm tất yếu của sản xuất hàng hoá. Sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường yêu cầu những người lao động riêng lẻ phải liên kết, hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển. Phát triển kinh tế tập thể nói chung, phát triển HTX nói riêng, là con đường giải quyết mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ, manh mún và sản xuất hàng hoá lớn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước. Kinh tế tập thể cùng với các thành phần kinh tế khác hình thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Với sự cố gắng, nỗ lực của ban chủ nhiệm, đề tài “Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta” đã được hoàn thành với những kết quả chủ yếu:

1. Đề tài đã làm rõ một số vấn đề lý luận về tổ chức và phát triển hợp tác xã thương mại ở nông thôn như: Sự tồn tại tất yếu khách quan của HTXTM; Những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của HTXTM; Nội dung tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn; Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển HTXTM...

2. Đề tài đã đánh giá thực trạng tổ chức và tác động của khung khổ pháp lý đến sự phát triển của HTXTM ở nông thôn trong thời gian vừa qua; Đánh giá quá trình chuyển đổi và thành lập mới HTXTM (sau khi có Luật Hợp tác xã 1996) ...

HTXTM vẫn tiếp tục khẳng định vị trí vai trò của nó trong nền kinh tế quốc dân. Trên địa bàn nông thôn hiện nay, các HTX đã hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình ở hai lĩnh vực sản xuất - dịch vụ và kinh doanh thương mại. Tuy nhiên trước yêu cầu của thực tiễn, sự phát triển của các HTXTM ở nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, yếu kém cần phải tháo gỡ, khắc phục.

3. Đề tài đã đưa ra được hệ thống giải pháp về tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta trong thời gian tới như: Hoàn thiện mô hình tổ chức HTXTM; hoàn thiện nội dung, phương thức hoạt động của các HTXTM; hoàn thiện mô hình pháp lý; hoàn thiện chính sách và biện pháp hỗ trợ của Nhà nước nhằm phát triển HTXTM ở nông thôn, trong điều kiện triển khai thực hiện Luật HTX năm 2003.

Cùng với Nghị quyết về “đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2001-2010”. Nghị quyết “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” do Hội nghị trung ương 5 khoá IX thông qua thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng ta đến sự phát triển toàn diện nông nghiệp, nông thôn. Với sự phối hợp của các bộ ngành, Liên minh các hợp tác xã thực hiện tốt cương lĩnh hành động của chính phủ về *thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 BCH trung ương Đảng khoá IX và thực hiện tốt Luật HTX năm 2003* chúng ta sẽ đưa nông thôn Việt Nam tiến nhanh theo con đường xã hội chủ nghĩa.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Tình hình vốn hoạt động của các hợp tác xã (năm 2002)

Lĩnh vực	Vốn bình quân/hợp tác xã, (tr.đồng)	Vốn cố định (tr.đồng)	Vốn bình quân/tổng vốn, (%)
Hợp tác xã nông nghiệp	554,7	401	72,4
Hợp tác xã thủy sản	689,3	609,9	88,5
Hợp tác xã công nghiệp	501	217	52,4
Hợp tác xã xây dựng	667,3	266,3	39,9
Quĩ tín dụng nhân dân	2684,5	94,3	3,51
HTX giao thông vận tải	2096,1	1715,8	81,86
Hợp tác xã thương mại	438,7	302,4	68,92
HTX trong các lĩnh vực khác	1016	703	69,2

Phụ lục 2: Mức vốn hiện tại phân theo loại hình cơ sở

Đơn vị: %

	DNTT và Công ty TNHH	Hợp tác xã và tổ hợp tác	Hộ gia đình	Hộ 66	Tổng
Dưới 1 triệu đồng	0,0	0,0	29,7	0,0	14,7
1 đến 10 triệu đồng	0,0	0,0	10,8	0,0	5,3
10 đến 100 triệu đồng	0,0	13,3	31,1	34,1	26,7
100 triệu đến 1 tỷ đồng	47,1	80,0	27,0	63,6	45,3
1 tỷ đến 5 tỷ đồng	41,2	6,7	1,4	2,3	6,7
Trên 5 tỷ đồng	11,8	0,0	0,0	0,0	1,3
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Phụ lục 3: những khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm

Đơn vị: %

	DN tư nhân	Hợp tác xã	Hộ gia đình	Hộ 66	Chung
Giá thành cao	31,6	37,5	32,4	33,3	33,2
Chất lượng kém	2,6	3,1	0,0	0,0	0,8
Thủ tục hải quan	0,0	0,0	0,0	1,5	0,4
Áp mã thuế và giá tính thuế	5,3	3,1	0,0	7,6	1,7
Mẫu mã đơn điệu	7,9	0,0	34,3	45,5	18,9
Thiếu thông tin thị trường	36,8	37,5	23,8	0,0	33,6
Kiểm định chất lượng hàng hoá	2,6	3,1	1,0	0,0	1,2
Xin Quota	0,0	3,1	0,0	1,5	0,4
Dịch vụ kho cảng	2,6	0,0	1,9	1,5	1,7
Chí phí giao dịch	2,6	3,1	0,0	7,6	1,2
Những khó khăn khác	7,9	9,4	6,7		7,5
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Phụ lục 4 : Phương thức xuất khẩu theo loại hình doanh nghiệp

Đơn vị: %

	Doanh nghiệp tư nhân	Hợp tác xã	Hộ gia đình	Hộ 66	Chung
Trực tiếp	66,7	66,7	0,0	3,3	20,0
Ủy thác	33,3	0,0	30,0	46,7	36,4
Qua trung gian	0,0	33,3	70,0	50,0	43,6
	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Phụ lục 5: Những khó khăn trong việc sử dụng lao động của các cơ sở

Đơn vị: %

	Doanh nghiệp tư nhân	Hợp tác xã	Hộ gia đình	Hộ 66	Chung
Thiếu lao động có tay nghề	57,7	53,3	88,5	68,6	68,6
Khó khăn trong mua bảo hiểm	26,9	33,3	11,5	27,5	24,6
Mặc cảm nghề nghiệp	15,4	13,3	0,0	3,9	6,8
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Phụ lục 6: Đánh giá mức độ khó khăn về mặt bằng kinh doanh

		Mức độ khó khăn từ thấp đến cao					Tổng
		1	2	3	4	5	
Thủ tục phiên hà	Số ý kiến	8,0	1,0	3,0	1,0	3,0	16,0
	%	50,0	6,3	18,8	6,3	18,8	100,0
Giá thuê đất cao	Số ý kiến	13,0	5,0	3,0	1,0	2,0	24,0
	%	54,2	20,8	12,5	4,2	8,3	100,0
Không có đất để thuê	Số ý kiến	10,0	6,0	7,0	5,0	14,0	42,0
	%	23,8	14,3	16,7	11,9	33,3	100,0
Lí do khác	Số ý kiến	2,0	2,0	3,0	1,0	3,0	11,0
	%	18,2	18,2	27,3	9,1	27,3	100,0

Phụ lục 7 : Đánh giá tác động của các văn bản luật pháp hiện hành

Đơn vị: %

	Không thúc đẩy	Có nhưng rất ít	Vừa phải	Mạnh mẽ	Rất mạnh mẽ
Luật doanh nghiệp	19,2	26,9	42,3	-	11,5
Luật khuyến khích đầu tư trong nước	16,1	22,6	32,3	29,0	-
Luật Hợp tác xã	18,8	12,5	21,9	34,4	12,5
Luật Đầu tư nước ngoài	48,1	22,2	22,2	7,4	-

Phụ lục 8: Cơ cấu doanh nghiệp, HTX theo năm thành lập

Đơn vị: %

		Hợp tác xã và tổ hợp tác	Hộ gia đình	Hộ 66	Tổng
Trước 1990	5,9	35,7	9,1	18,0	14,4
Từ 1990-1996	58,5	14,3	56,4	56,4	52,0
Từ 1997 đến 2002	35,3	50,0	34,6	25,6	33,6
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

*Ghi chú: Phụ lục: 1,2,3,4,5,6,7,8. - Nguồn: Môi trường kinh doanh ở nông
thôn Việt nam - NXB Chính trị quốc gia. HN-2003*

Phụ lục 11: Tác động hỗ trợ của HTX Mông Thuận (Ninh thuận) đối với công tác phúc lợi cộng đồng.

- 1- Trợ cấp hàng tháng cho các cụ già neo đơn mỗi tháng 50.000đ/ 1 cụ (16 cụ)
- 2- Quan tâm giúp đỡ các gia đình chính sách, có công và tặng sổ tiết kiệm, mỗi sổ 100.000 đ, hỗ trợ ngày thương binh liệt sĩ hàng năm.
- 3- Hộ xã viên có người qua đời được hỗ trợ 1 triệu đồng và phương tiện xe tang.
- 4- Công tác giáo dục : Hỗ trợ 50 % tiền đóng học phí cho các cháu mẫu giáo; khuyến học, khuyến tài cho các em có học lực giỏi, cấp 1 : 50.000đ/em; cấp 2: 100.000đ/em; cấp 3 : 150.000 đ/em; Đổ vào đại học 250.000đ/em và thi học sinh giỏi cấp huyện trở lên là 100.000đ/em.
- 5- Hỗ trợ tiền thuốc men cho hộ xã viên gặp rủi ro, bệnh nặng từ 100.000 đến 200.000 đ/người. Ngoài ra còn hỗ trợ cho các đoàn thể, trường học, công tác nghĩa vụ quân sự, thể dục thể thao ở địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Hợp tác xã năm 1996 và năm 2003.
2. Lý luận về hợp tác xã quá trình phát triển hợp tác xã nông nghiệp (Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn - Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản(JICA) - Hà nội, 2003.
3. Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế HTX trong thương mại 1996 - 2000, định hướng và giải pháp phát triển đến 2005 - Bộ Thương mại, Hà nội 2001.
4. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu tình hình thực hiện Luật HTX (1997-2001) - Viện Quản lý Kinh tế Trung ương
5. Tổng kết kinh tế hợp tác và hợp tác xã 1996 - 2000 phương hướng nhiệm vụ đến 2010 (Báo cáo của Bộ Chính trị tại hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX) Số: 47/TLHN.
6. Báo cáo tình hình kinh tế tập thể và hoạt động của Liên minh HTXVN năm 2002. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2003 (Liên minh HTX Việt Nam)
7. Báo cáo triển khai và thực hiện nghị quyết 13 hội nghị ban chấp hành TW Đảng lần thứ V về kinh tế tập thể (Liên minh HTX Việt Nam)
8. Báo cáo tổng kết HTX điển hình tiên tiến (Liên minh HTX Việt Nam) - Tháng 10/2003.
9. Tổng hợp kết quả khảo sát hoạt động của các HTXTM 2000-2003 (Vụ Chính sách TNTN-Bộ Thương mại)
10. Báo cáo sơ kết một năm thực hiện quyết định 80/2002/QĐ-TTG của Thủ tướng chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng(Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn - 2003)
11. Hợp tác xã chuyên ngành vùng đồng bằng sông Hồng, chính sách hỗ trợ và triển vọng phát triển, Dự án DIALOG - MISPA (Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam - Bộ nông nghiệp & PTNT; 2004)
12. Nghị định của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật hợp tác xã năm 2003.(Số: 177/ 2004/ NĐ-CP.)

Nguồn TL tham khảo:

- Phong trào hợp tác xã quốc tế: Nxb CTQG- 2002, Nguyễn Ty (chủ biên)
- Khuôn khổ pháp lý và kinh nghiệm hợp tác xã của một số nước –Viện quản lý kinh tế TW, 1996.
- Matshusita, chuyên gia JICA tại bộ NN&PTNT, Hà Nội 2- 2005

- Kie-Yup Shin Viện nghiên cứu NACF (Liên minh hợp tác xã nông nghiệp Hàn Quốc), Hà Nội 2-2004

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật HTX 1997 và 2003, Luật Thương mại 1997.
2. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu tình hình thực hiện Luật HTX (1997-2001) - Viện Quản lý Kinh tế Trung ương
3. Báo cáo tình hình kinh tế tập thể và hoạt động của Liên minh HTXVN năm 2002, 2003,
4. Báo cáo triển khai và thực hiện Nghị quyết 13 (Hội nghị Ban Chấp hành TW Đảng lần thứ 5, Khoá IX) của Bộ TM và Liên minh HTX Việt Nam.
5. Báo cáo tổng kết HTX điển hình tiên tiến (Liên minh HTX Việt Nam)
6. Tổng hợp kết quả khảo sát hoạt động của các HTXTM 2000-2003 (Vụ Chính sách TNTN-Bộ Thương mại)
7. Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể trong thương mại giai đoạn 2006-2010 của các Sở Thương mại.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI Ở NÔNG THÔN	4
I. Cơ sở lý luận về tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn	4
1.1. Khái niệm thương mại, HTXTM	4
1.2. Sự tồn tại tất yếu khách quan và vai trò HTXTM trong nền kinh tế nước ta	11
1.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể nói chung và HTX nói riêng trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay	16

1.4. Đặc điểm về môi trường kinh doanh, những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển HTXTM nông thôn.....	19
1.5. Nội dung tổ chức và phát triển HTXTM	22
II. Kinh nghiệm của nước ngoài về tổ chức và phát triển HTX ở nông thôn	31
2.1. Mô hình tổ chức và quản lý các HTX ở Thái Lan.....	31
2.2. Mô hình tổ chức quản lý HTX ở Nhật Bản.	33
2.3. Mô hình tổ chức và quản lý HTX ở Hàn Quốc	36
2.4. Mô hình tổ chức và quản lý HTX ở Indonesia:	41
2.5. Bài học kinh nghiệm từ các mô hình tổ chức, quản lý và phát triển HTX của các nước trên thế giới có thể áp dụng cho Việt Nam.	42
CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM TỪ NĂM 1997 ĐẾN NAY.....	45
I. Hoạt động của các HTXTM.	45
1.1 Đặc điểm tổ chức và phát triển HTXTM	45
1.2. Các mô hình tổ chức HTXTM hiện nay	49
1.3. Thực trạng hoạt động kinh doanh thương mại trong các HTXNN.....	57
1.4. Vai trò quản lý Nhà nước đối với tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn	69
II. Đánh giá thực trạng tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn	71
2.1. Những thành tựu.....	73
2.2. Nguyên nhân của những mặt được.....	74
2.3. Những yếu kém, tồn tại và nguyên nhân.....	74
CHƯƠNG III : MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN NƯỚC TA.....	77
I. Định hướng phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta.....	77
1.1. Bối cảnh hoạt động của các HTXTM đến năm 2010	77
1.2. Quan điểm tổ chức phát triển HTXTM đến năm 2010	80
II. Những giải pháp hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế quản lý của HTXTM ở nông thôn.....	81
2.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức HTXTM ở nông thôn.....	81
2.2. Hoàn thiện cơ chế quản lý, nội dung và phương thức hoạt động của các HTXTM.....	86
2.3. Tăng cường mối quan hệ kinh tế giữa HTXTM với doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác	90
III. Hoàn thiện các chính sách và khuyến khích biện pháp hỗ trợ của nhà nước nhằm phát triển HTXTM ở nông thôn	91
3.1. Những vấn đề chung.....	92
3.2. Một số chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với HTXTM	93
3.3. Hoàn thiện tổ chức quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với HTXTM ở nông thôn.....	103
IV. Nâng cao và phát huy vai trò của Liên minh các HTX.....	110
KẾT LUẬN	112
PHỤ LỤC	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO	125

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Số TT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1	HTX	Hợp tác xã
2	HTXTM	Hợp tác xã Thương mại
3	HTXNN	Hợp tác xã nông nghiệp

4	HTXMB	Hợp tác xã mua bán
5	WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
6	BTA	Hiệp định thương mại Việt nam - Hoa kỳ
7	ILO	Tổ chức lao động quốc tế
8	XHCN	Xã hội chủ nghĩa
9	CNH, HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
10	CNXH	Chủ nghĩa xã hội
11	TNQD	Thương nghiệp quốc doanh
12	DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
13	UBND	Ủy ban nhân dân
14	PTNT	Phát triển nông thôn
15	SXKD	Sản xuất kinh doanh

BỘ THƯƠNG MẠI
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC MÃ SỐ: 2003 - 78 - 011

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI:

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC
VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI
Ở NÔNG THÔN NƯỚC TA HIỆN NAY**

HÀ NỘI - 2004

MỞ ĐẦU

Phát triển Hợp tác xã thương mại (HTXTM) ở nông thôn đáp ứng với yêu cầu xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm chỉ đạo. Quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và các chính sách khuyến khích phát triển HTXTM ở nước ta đã có tác động mạnh đến sự đổi mới nội dung hoạt động, mô hình tổ chức của các HTX. Sau khi có luật Hợp tác xã năm 1996, nhiều HTXTM được chuyển đổi và thành lập mới, bước đầu đã có những chuyển biến phù hợp với cơ chế thị trường, hoạt động của chúng đã góp phần hỗ trợ sự phát triển của kinh tế hộ và kinh tế trang trại ở nông thôn.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, trước sức ép cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ và yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hoá lớn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế hộ nông dân với qui mô còn nhỏ bé, trình độ sản xuất còn lạc hậu, năng lực kinh doanh và tiếp cận thị trường thấp đang bộc lộ nhiều hạn chế trước những thách thức mới. Đặc biệt, trước yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất ở nông thôn theo nhu cầu thị trường đang đặt ra những đòi hỏi mới cho sự phát triển của các HTXTM để chúng thực sự trở thành những cầu nối dẫn dắt các hộ sản xuất nông nghiệp, tiếp cận và thâm nhập vững chắc vào thị trường, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao thu nhập của dân cư ở nông thôn nước ta.

Từ thực tiễn chuyển đổi HTX kiểu cũ (Trước khi có luật HTX, năm 1996.) sang HTX kiểu mới, trong quá trình hoạt động và phát triển của HTXTM đang đặt ra những vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. Hầu hết các HTX không chỉ kinh doanh các lĩnh vực đã đăng ký theo điều lệ mẫu mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác (ví dụ: các HTX nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đều kinh doanh thương mại.) và xuất hiện xu hướng liên doanh liên kết các loại hình HTX. Thực tiễn cũng đang đặt ra nhiều vấn đề mà luật HTX năm 1996 cần phải sửa đổi và bổ sung. Trước đây, do quan niệm tách sản xuất khỏi kinh doanh thương mại nên có 2 HTX: sản xuất và mua bán. Ngày nay hoạt động của HTX thương mại bao hàm cả các dịch vụ sản xuất và tiêu dùng, kinh doanh cả hàng hoá và dịch vụ. Vì vậy, cần phải định hướng hoạt động cho HTXTM về phạm vi, rộng và đầy đủ hơn để chúng có thể phát triển.

Trước những yêu cầu nêu trên, việc nghiên cứu đề tài: "***Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức và phát triển hợp tác xã thương mại ở nông thôn nước ta hiện nay***" là cần thiết, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn quản lý thương mại ở Việt Nam, góp phần hỗ trợ nâng cao hiệu quả kinh doanh và nâng cao đời sống của nông dân, thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở nước ta.

Sau 6 tháng triển khai nghiên cứu đề tài (từ tháng 5/2003) trước yêu cầu đòi hỏi cấp bách của thực tiễn, tháng 11/2003 luật HTX đã được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua (trên cơ sở chính lý và bổ xung luật

HTX năm 1996). Như vậy, việc triển khai nghiên cứu đề tài được đặt trong điều kiện mới - đáp ứng những yêu cầu của luật HTX năm 2003.

*** Mục tiêu nghiên cứu của đề tài :**

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn.
- Đánh giá hiện trạng tổ chức và tác động của khung khổ pháp lý đến sự phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta thời gian qua .
- Đề xuất một số giải pháp về tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta trong thời gian tới.

*** Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: tổ chức quá trình hình thành và phát triển HTXTM ở nông thôn (vĩ mô) và mô hình tổ chức quản lý hoạt động của các HTXTM ở nông thôn (vi mô) .

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Các HTXTM (thành lập theo điều lệ mẫu HTXTM) ở nông thôn và các hoạt động kinh doanh thương mại (bao gồm cả dịch vụ thương mại) của các loại hình HTX khác ở nông thôn (*chủ yếu là HTXNN vì nó chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các HTX*)

+ Nội dung nghiên cứu tập trung vào mô hình tổ chức quản lý, cơ chế huy động vốn, góp vốn, sử dụng lao động, phân phối của HTXTM và các giải pháp chủ yếu từ phía Nhà nước nhằm phát triển các HTXTM ở nông thôn.

+ Địa bàn nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu chọn mẫu địa bàn nông thôn (đồng bằng và miền núi) của một số tỉnh đại diện miền Bắc và miền Nam

+ Thời gian nghiên cứu: Phân tích thực trạng từ năm 1997 đến nay. Các đề xuất về giải pháp phát triển cho trước mắt và đến năm 2010

*** Phương pháp nghiên cứu:**

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

1. Khảo sát điển hình
2. Sử dụng chuyên gia
3. Tổng hợp và phân tích

*** Nội dung nghiên cứu của đề tài được trình bày trong 3 chương:**

- **Chương 1:** Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức và phát triển hợp tác xã thương mại ở nông thôn

- **Chương II :** Thực trạng tổ chức và phát triển HTX thương mại ở nông thôn Việt Nam từ năm 1997 đến nay.

- **Chương III:** Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn nước ta.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI Ở NÔNG THÔN

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN

1.1. Khái niệm thương mại, hợp tác xã thương mại.

1.1.1. Khái niệm thương mại

Sự ra đời và phát triển thương mại gắn liền với sự ra đời của sản xuất hàng hoá, của kinh tế thị trường. Thực chất của hoạt động trao đổi mua bán là sự so sánh lao động giữa người sản xuất với những người sản xuất. Quan hệ giữa người với người không còn là quan hệ thuần tuý nữa mà nó được thay thế bằng quan hệ giữa vật với vật.

Nghiên cứu quá trình phát triển của trao đổi hàng hoá, của sự ra đời của tiền tệ, ta thấy rằng qua lưu thông không những giá trị của hàng hoá được thực hiện mà qua lưu thông người ta còn tìm kiếm giá trị tăng thêm (T-H-T').

** Trên thế giới, khái niệm thương mại được hiểu theo nhiều cách:*

- Trong luật la mã cổ đại, khái niệm thương mại được hiểu theo nghĩa rộng, đó là các quan hệ pháp lý liên quan đến việc sử dụng các tài sản trong sản xuất phân phối và lưu thông hàng hoá.
- Trong hệ thống pháp luật của một số nước trên thế giới khái niệm thương mại là một khái niệm để chỉ hoạt động phân phối lưu thông hàng hoá.
- Ở một số nước có truyền thống kinh tế thị trường, hiểu thương mại thông qua luật thương mại :

Luật Thương mại Việt nam, không đưa ra định nghĩa hoàn chỉnh về Thương mại mà chỉ đưa ra 14 hành vi Thương mại (theo điều 45) với định nghĩa khái quát: hành vi thương mại là hành vi của thương nhân trong hoạt động thương mại làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các thương nhân hoặc giữa thương nhân và các bên liên quan.

Từ khi hình thành cho đến tận giữa thế kỷ XX, quan niệm thương mại chỉ hạn hẹp trong phạm vi những quan hệ mua bán hàng hoá và các dịch vụ có liên quan đến hoạt động này. Theo nghĩa sơ khai nhất (cũng có thể gọi là nghĩa hẹp) thì hoạt động thương mại là hoạt động mua bán hàng hoá và cung cấp các dịch vụ liên quan đến hàng hoá. Từ đó, khái niệm Luật Thương mại cũng được hiểu là luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh mua bán hàng hoá và dịch vụ mua bán hàng hoá. Cho đến nay một số bộ luật thương mại của một số nước vẫn chỉ có phạm vi điều chỉnh là quan hệ thương mại hàng hoá.

Ngày nay, với sự phát triển của các loại hình dịch vụ và hoạt động cung cấp dịch vụ vì mục tiêu sinh lời, hoạt động đầu tư, mua bán ly xăng và chuyển giao công nghệ, người ta quan niệm rằng tất cả các hoạt động và giao dịch được thực hiện trên thị trường vì mục tiêu sinh lời đều được coi là hoạt động thương mại, thuộc nội hàm của khái niệm thương mại, từ đó, quan niệm Luật Thương mại truyền thống đã trở nên chật hẹp, không bao quát hết được các quan hệ thương mại theo quan điểm hiện đại. Từ quan niệm mới về thương mại người ta đã xây dựng một khái niệm Luật Thương mại mới có phạm vi điều chỉnh rộng hơn rất nhiều so với quan niệm Luật Thương mại truyền thống.

Theo Luật về Trọng tài Thương mại quốc tế (ModelLaw on Internationnal Commercial Arbitration) do uỷ ban luật thương mại quốc tế của liên hợp quốc thông qua ngày 21/6/1985: “Thuật ngữ **thương mại** phải được giải thích theo nghĩa rộng để bao phủ hết các vấn đề phát sinh từ tất cả các quan hệ có bản chất thương mại dù có hợp đồng hay không. Các quan hệ có bản chất thương mại bao gồm những giao dịch sau (nhưng chưa phải là hết): Các giao dịch thương mại để cung cấp hay trao đổi hàng hoá hoặc dịch vụ, hợp đồng phân phối, chi nhánh hoặc đại diện thương mại, đại lý, cho thuê, gia công sản phẩm, tư vấn, công nghệ, sáng chế, đầu tư, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, hợp đồng khai thác hay nhượng đất, liên doanh và các hình thức khác của hợp tác công nghiệp hoặc kinh doanh, chuyên chở hàng hoá hay hành khách bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt hoặc đường bộ”.

Theo quan niệm hiện đại thì phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại bao gồm bốn lĩnh vực, đó là:

- Thương mại hàng hoá; Thương mại dịch vụ; Thương mại trong đầu tư; Và thương mại trong sở hữu trí tuệ

Mặc dù Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa kỳ không quy định cụ thể về các hành vi thương mại nhưng khái niệm thương mại trong Hiệp định được hiểu khá rộng và bao trùm nhiều lĩnh vực như thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư.

Trong WTO không có quy định cụ thể về các hành vi thương mại nhưng các hành vi được coi là thương mại trong WTO được hiểu rất rộng, tuy nhiên, nó không rộng như trong BTA nhưng cũng bao trùm thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ và các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại.

Từ những phân tích trên chúng ta thấy rằng:

Thương mại là hoạt động kinh doanh của con người trong lĩnh vực mua bán hàng hoá, dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ và đầu tư nhằm mục đích lợi nhuận.

1.1.2. Khái niệm HTXTM:

1.1.2.1 Khái niệm HTX:

Trên thế giới đã có những cách hiểu khác nhau về khái niệm hợp tác xã nhưng trong hầu hết Luật Hợp tác xã của các nước, chương đầu tiên đưa ra khái niệm hợp tác xã và khẳng định nó là một tổ chức kinh tế có đặc thù riêng.

- Liên minh HTX quốc tế đã định nghĩa về hợp tác xã như sau:

+ “Hợp tác xã là một tổ chức tự trị của những người tự nguyện liên hiệp lại để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung của họ về kinh tế, xã hội và văn hoá thông qua một xí nghiệp cùng sở hữu và quản lý dân chủ”.

+ Định nghĩa này được hoàn thiện vào năm 1995 thông qua tuyên bố sau: “Hợp tác xã dựa trên ý nghĩa tự cứu giúp mình, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng, công bằng và đoàn kết. Theo truyền thống của những người sáng lập ra Hợp tác xã, các xã viên hợp tác xã tin tưởng vào ý nghĩa đạo đức về tính trung thực, cởi mở, trách nhiệm xã hội và quan tâm chăm sóc người khác”.

- Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) định nghĩa Hợp tác xã là sự liên kết của những người đang gặp phải những khó khăn kinh tế giống nhau, tự nguyện liên kết lại trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, sử dụng tài sản mà họ đã chuyển giao vào Hợp tác xã phù hợp với nhu cầu chung và giải quyết những khó khăn đó chủ yếu bằng sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bằng cách sử dụng các chức năng kinh doanh trong tổ chức hợp tác phục vụ cho lợi ích vật chất và tinh thần chung.

- Ở nước ta, Luật Hợp tác xã năm 1996 ghi rõ: “*Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo qui định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên, nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước*”.

Điều 1, Chương I của Luật HTX năm 2003 khẳng định: Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân (sau đây gọi chung là xã viên) có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của Luật này để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

1.1.2.2 Khái niệm HTXTM

a) Sau khi có Luật Hợp tác xã 1996, Điều lệ mẫu HTXTM ban hành theo Nghị định 41 CP của Chính phủ ngày 29/4/1997 đã định nghĩa HTXTM như sau: “*HTXTM là tổ chức kinh tế của những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung,*

tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo Luật Hợp tác xã và Điều lệ mẫu HTXTM để kinh doanh thương mại dịch vụ nhằm phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên, phát triển mạng lưới kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần cải thiện điều kiện kinh tế-xã hội của xã viên và của cộng đồng”.

b) Điều 6, Luật HTX (2003) quy định HTX có quyền kinh doanh ở tất cả các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mà luật pháp không cấm. Thực tế phát triển HTX trong những năm qua cho thấy lĩnh vực kinh doanh của các HTX rất đa dạng. Bên cạnh những ngành nghề, lĩnh vực truyền thống như nông nghiệp, công nghiệp, GTVT, thương mại, tín dụng,...nhiều ngành nghề, lĩnh vực mới như: vệ sinh môi trường, trường học, tang lễ, nhà ở, bệnh viện, điện, nước sinh hoạt,...cũng đã được mở ra.

Tuy nhiên trong tổ chức, quản lý, đánh giá hoạt động của các HTX có thể phân loại theo "lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh" như sau:

+ Nhóm HTX nông - lâm, thuỷ sản, muối,

+ Nhóm HTX tiểu thủ công nghiệp.

+ Nhóm HTX thương mại dịch vụ,...

c) Như vậy HTXTM có đặc điểm sau:

- Từ khái niệm thương mại nêu trên, khái niệm HTXTM ngày nay cũng bao trùm các lĩnh vực:

+ Thương mại hàng hoá;

+ Thương mại dịch vụ;

+ Thương mại trong đầu tư;

+ Và thương mại trong sở hữu trí tuệ.

- Là HTXTM ngành nghề kinh doanh thương mại phải chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các ngành nghề đăng ký kinh doanh.

- HTXTM dựa trên nền tảng tiêu dùng cá nhân, mục tiêu ban đầu của HTX là chủ yếu phục vụ xã viên nói đến HTX là nói đến xã viên trên cơ sở đó mới nói đến phát triển kinh doanh. Vì vậy quy mô xã viên HTX cũng là một tiêu thức đánh giá của HTXTM.

1.2. Sự tồn tại tất yếu khách quan và vai trò HTXTM trong nền kinh tế nước ta.

1.2.1. Sự tồn tại tất yếu khách quan HTXTM trong nền kinh tế:

Phát triển kinh tế tập thể ở nước ta hiện nay là một yêu cầu khách quan.

- Kinh tế hợp tác là sản phẩm tất yếu của sản xuất hàng hoá. Nền kinh tế nước ta đã chuyển sang sản xuất hàng hoá, tính chất hàng hoá ngày càng tăng. Nông nghiệp nước ta cơ bản đã là nền kinh tế hàng hoá. Sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường yêu cầu những người lao động riêng lẻ phải liên kết, hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển.

- Phát triển kinh tế tập thể là con đường giải quyết mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ, manh mún và sản xuất hàng hoá lớn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Kinh tế tập thể là hình thức tổ chức kinh tế mang tính xã hội hoá cao hơn kinh tế cá thể, hộ gia đình, là nhân tố quan trọng để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, giáo dục ý thức tập thể và đoàn kết cộng đồng

- Hợp tác xã là hình thức tổ chức kinh tế quan trọng để người lao động, hộ xã viên tiếp nhận sự hỗ trợ của Nhà nước, liên kết với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, thực hiện liên minh công nông.

- Phát triển kinh tế tập thể là yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, để kinh tế tập thể cùng với kinh tế Nhà nước hình thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Việc xác định rõ quan điểm, chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế tập thể, tạo ra sự thống nhất về nhận thức trong toàn Đảng, trong nhân dân trong lúc này là sự cần thiết khách quan .

1.2.2 vai trò HTXTM

I.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể nói chung và HTX nói riêng trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay

Trong giai đoạn đổi mới, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế HTX đã được đề cập trong nhiều văn kiện, chính sách, chỉ thị,...

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII. VIII. IX, Hiến pháp 1992. Chỉ thị 68-CT/TU ngày 24/5/1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khoá IX) và đặc biệt là Luật Hợp tác xã đã được ban hành ngày 20/3/1996 Trong nông nghiệp, sau chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Riêng lĩnh vực thương mại có quyết định 194/HĐBT ngày 23/12/1988 của HĐBT ban hành qui định về tổ chức và hoạt động của HTXMB. Nghị quyết 12/NQ-TU ngày 3/1/1996 của Bộ Chính trị về “*tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp phát triển thị trường theo định hướng XHCN*”, Nghị định 41/NĐ-CP ban hành Điều lệ Mẫu HTXTM. và gần đây được cụ thể hoá bằng Luật HTX năm 2003 với các Nghị định hướng dẫn.

Ngày nay, quan điểm phát triển HTXTM của Đảng và Nhà nước ta là:

- Tiếp tục quán triệt đường lối đổi mới của Đảng về phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTXTM và các doanh nghiệp Nhà nước là nền tảng quan trọng của nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa như đã được nêu trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần IX. Phát triển tổ hợp tác và HTXTM phải tôn trọng và tạo điều kiện, chăm lo kinh tế hộ phát triển.

- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã phải gắn với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, và gắn giữa vùng sản xuất với công nghiệp chế biến; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng phù hợp với tiến trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực và là điểm tựa để xây dựng các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước.

- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã thương mại trong mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp Nhà nước và quan hệ với các thành phần kinh tế khác. HTXTM phải được làm rõ chức năng, nhiệm vụ về kinh tế-xã hội, được tạo mọi điều kiện đầy đủ về cơ chế chính sách để có điều kiện vươn lên làm ăn có hiệu quả.

- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã thương mại phải đảm bảo các nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi; phải tiến hành từng bước, linh hoạt với những mô hình, tổ chức hoạt động phong phú, đa dạng phù hợp với điều kiện, tập quán cụ thể từng vùng, từng địa phương.

- Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã thương mại phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất, hỗ trợ tích cực của Nhà nước và tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hợp tác xã thương mại .

I.4. Đặc điểm về môi trường kinh doanh, những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển HTXTM nông thôn

1.4.1.Đặc điểm về môi trường kinh doanh ở nông thôn

Môi trường kinh doanh ở nông thôn được hiểu là toàn bộ các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội có tác động trực tiếp hay gián tiếp đến sự hình thành và phát triển kinh doanh ở nông thôn. Có nhiều cách tiếp cận phân tích môi trường kinh doanh như môi trường trong nước và môi trường quốc tế, môi trường tổ chức và môi trường thể chế, chính sách, v.v.

“Môi trường kinh doanh ở nông thôn” chỉ đề cập trong phạm vi nghiên cứu dưới góc độ kinh tế, pháp lý, văn hoá và xã hội. Bởi vì, trong một thực thể xã hội tuy rất đa dạng và phức tạp nhưng các yếu tố này đóng vai trò quyết định vào việc hình thành và phát triển các thị trường cho HTX hoạt động, đó là thị trường vốn, thị trường sức lao động, thị trường mua (các yếu tố đầu vào của sản xuất - kinh doanh) và thị trường bán (hàng hoá, dịch vụ do các HTX, doanh nghiệp sản xuất ra).

1.4.2.Những nhân tố tác động đến sự hình thành & phát triển HTXTM ở nông thôn.

1.4.2.1. Nhân tố tự nhiên

1.4.2.2 Nhân tố kinh tế.

1.4.2.3 Nhân tố khoa học- kỹ thuật

1.4.2.4 Nhân tố văn hoá truyền thống

1.5. Nội dung tổ chức và phát triển HTXTM

1.5.1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HTX:¹

Đề tài đã nêu lên 4 nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HTX như sau:

1.5.1.1. Tự nguyện:

1.5.1.2 Dân chủ, bình đẳng và công khai:

1.5.1.3 Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi:

1.5.1.4 Hợp tác xã và phát triển cộng đồng:

1.5.2. Thành lập bộ máy quản lý và bộ máy điều hành HTX:

1.5.2.1 Đối với hợp tác xã thành lập một bộ máy vừa quản lý, vừa điều hành:

Đại hội xã viên trực tiếp bầu ban quản trị, ban kiểm soát. Trưởng ban quản trị đồng thời là chủ nhiệm HTX

1.5.2.2 Đối với hợp tác xã thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành:

Đại hội xã viên trực tiếp bầu ban quản trị, ban kiểm soát. Ban quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm hợp tác xã. Chủ nhiệm hợp tác xã là xã viên hợp tác xã hoặc thuê.

1.5.3. Mối quan hệ giữa tổ chức và hoạt động:

Đề tài đã phân tích mối quan hệ giữa tổ chức và hoạt động

Tổ chức ở đây không chỉ là tổ chức bộ máy quản lý hành chính mà còn hiểu rộng hơn là tổ chức các hoạt động, là quá trình hình thành và phát triển các phương thức hoạt động phù hợp với mỗi loại hình tổ chức kinh tế. Tổ chức bộ máy quản lý điều hành nằm trong cấu trúc của hệ thống tổ chức được hình thành trên cơ sở mục tiêu, nhưng còn phụ thuộc vào nội dung hoạt động. Nội dung hoạt động thế nào thì tổ chức điều hành bộ máy như thế.

1.5.4 Các yếu tố thúc đẩy tổ chức phát triển HTX:

- Áp lực kinh tế: Hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, áp lực cạnh tranh, giá cả hàng hoá, nông sản, giá nguyên liệu, chi phí lao động
- Sự trợ giúp về luật pháp và tài chính của Nhà nước.
- Sự xuất hiện các tổ chức tiền HTX (nhóm, tổ, hiệp hội) và các nông dân là hạt nhân.
- Quy mô của nông hội.
- Loại sản phẩm kinh doanh
- Đào tạo xã viên và mức độ cung cấp thông tin.
- Hội nhập kinh tế quốc tế.

1.5.5. Phân loại hình thức tổ chức và hoạt động của HTX

¹ Nghị định của Chính phủ (Số: 177/2004/NĐ-CP) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HTX năm 2003

1.5.5.1. Phân loại HTX theo các nước trên thế giới

- Phân loại theo người sáng lập

Dựa vào tiêu chí người sáng lập, có thể chia HTX thành 2 loại là HTX của người sản xuất và HTX của người tiêu dùng.

- Phân loại theo công việc của HTX: HTX sản xuất; HTX lưu thông
- Phân loại dựa vào việc cho vay vốn: HTX đầu tư; HTX phi đầu tư.

- Ngoài ra còn các cách phân loại khác: Theo phạm vi trách nhiệm của xã viên (HTX trách nhiệm vô hạn; HTX trách nhiệm hữu hạn)...

1.5.5.2 Phân loại HTX ở Việt Nam

Ở Việt Nam, luật HTX 1996 chưa có điều khoản nào nói rõ phân loại HTX, song theo tinh thần nội dung của luật HTX và thực tế quá trình hình thành và phát triển HTX ở nước ta có thể phân loại theo các tiêu thức sau đây.

a) Trước đây, nếu phân theo ngành có các hình thức sau:

- HTX tiểu thủ công nghiệp, đó là các HTX chuyên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp như : cơ khí, điện, hóa chất, thủ công mỹ nghệ, may mặc, chế biến nông sản v.v...

- HTX nông nghiệp : Đó là các HTX hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp, ngư nghiệp ở các vùng nông thôn.

- HTX thương mại dịch vụ : Đó là các HTX chuyên kinh doanh, dịch vụ trong các lĩnh vực mua bán hàng hóa các loại phục vụ cho các nhu cầu về kinh tế - xã hội của xã viên và dân cư trên địa bàn.

- HTX tín dụng : Đó là các HTX kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực tiền tệ theo phương thức huy động và cho vay vốn phục vụ xã viên và dân cư.

- Ngoài ra còn có các HTX đánh bắt thủy sản, HTX xây dựng chuyên làm nghề xây dựng các công trình kiến trúc, nhà cửa và sản xuất vật liệu xây dựng, HTX giao thông vận tải chuyên hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải bằng các phương tiện thô sơ hay bằng các phương tiện cơ giới lớn.

b) Hiện nay thường chia HTX thành 3 nhóm:

+ Nhóm HTX nông - lâm, thủy sản, muối,

+ Nhóm HTX tiểu thủ công nghiệp.

+ Nhóm HTX thương mại dịch vụ,...

1.5.5.3 Các hình thức HTXFM

- HTXFM dịch vụ chuyên ngành:

Gắn kết với doanh nghiệp chế biến, thay mặt hộ xã viên làm người đại diện ký kết hợp đồng đầu tư và tiêu thụ sản phẩm nguyên liệu, tổ chức thực hiện tất cả các dịch vụ “đầu vào” và “đầu ra” cho hộ xã viên theo đúng qui trình sản xuất, cây trồng, vật nuôi ghi trong hợp đồng.

- *HTXTM kinh doanh tổng hợp:*

Là những HTX vừa trực tiếp tổ chức sản xuất kinh doanh tập trung vừa hoạt động dịch vụ cho hộ xã viên về những khâu, những việc mà từng hộ xã viên không có điều kiện hoặc làm nhưng kém hiệu quả. HTX tổ chức các cơ sở chế biến chung để đảm bảo tiêu thụ sản phẩm đầu ra của hộ xã viên và chế biến thức ăn gia súc, sản xuất cây giống theo phương pháp công nghiệp, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, hoặc tổ chức phát triển các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp để tạo việc làm,

2. KINH NGHIỆM CỦA NƯỚC NGOÀI VỀ TỔ CHỨC & PHÁT TRIỂN HTX Ở NÔNG THÔN

Trong mục này đề tài đã phân tích hoạt động của các mô hình HTX của các nước:

2.1 Mô hình tổ chức và quản lý các HTX ở Thái Lan

2.2. Mô hình tổ chức quản lý HTX ở Nhật Bản.

2.3. Mô hình tổ chức và quản lý HTX ở Hàn Quốc

2.4. Mô hình tổ chức và quản lý HTX ở Indonesia

2.5. Bài học kinh nghiệm từ các mô hình tổ chức, quản lý và phát triển HTX của các nước trên thế giới có thể áp dụng cho Việt Nam.

2.5.1 . Mục đích kinh doanh:

Mục đích kinh doanh của HTX chủ yếu là phục vụ sản xuất. Lợi ích chủ yếu mà khi xã viên tham gia vào HTX là được hưởng dịch vụ giá rẻ, lợi nhuận cũng được quan tâm nhưng chỉ là thứ yếu. Tính tự nguyện của xã viên cao.

2.5.2 Phát triển đa dạng các hình thức HTX: từ HTX từng khâu, từng việc đến HTX đa chức năng.

2.5.3 Về tổ chức bộ máy:

Đại hội xã viên HTX bầu ta Hội đồng Quản trị hoặc Ban Quản trị HTX để quản lý HTX. Hội đồng Quản trị hoặc Ban Quản trị HTX có thể thuê chủ nhiệm (hoặc giám đốc điều hành) .

2.5.4 Vai trò định hướng và hỗ trợ của Nhà nước

Mối quan hệ giữa Chính phủ với các HTX trong thời gian qua là mối quan hệ phối hợp thuận lợi. Chính phủ muốn các HTX như là các tổ chức kinh tế nông thôn để thông qua các HTX thực hiện các chính sách và chương trình phát triển của mình. Các HTX cần sự giúp đỡ và hỗ trợ từ phía chính phủ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt trong giai đoạn đầu mới thành lập.

2.5.5 Các yếu tố dẫn đến tổ chức và quản lý thành công HTX.

- Hợp tác xã được coi là một doanh nghiệp. Nhà nước quản lý thông qua cơ chế, chính sách, có cơ quan chức năng do Nhà nước lập ra để quản lý HTX.

- Phải nâng cao nhận thức và hiểu biết của nông dân về HTX
- Trình độ quản lý và sự năng động của đội ngũ cán bộ quản lý.
- phát hiện mở rộng nhu cầu dịch vụ mới, giành phần lãi thích đáng phân phối theo khối lượng dịch vụ của từng xã viên để lôi kéo xã viên sử dụng nhiều dịch vụ của HTX
- Chính phủ của các nước đã hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho HTX thông qua việc mở rộng công tác đối ngoại, tạo môi trường chính trị thuận lợi, đồng thời có chính sách đầu tư sản xuất, chính sách ưu đãi về thuế và chính sách trợ giá đối với HTX.

Chương II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM TỪ NĂM 1997 ĐẾN NAY.

1. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI.

1.1 Đặc điểm tổ chức và phát triển HTXTM .

Luật Hợp tác xã được Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ IX thông qua ngày 20/3/1996 và có hiệu lực từ ngày 1/1/1997 gồm 10 chương với 56 điều. Luật Hợp tác xã ra đời đánh dấu sự đổi mới về nhận thức vai trò của hợp tác xã. Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó kinh tế hợp tác xã là một bộ phận quan trọng.

Dưới đây là tình hình hoạt động của các HTXTM trên địa bàn nông thôn sau khi Luật HTX có hiệu lực.

1.1.1. Chuyển đổi và thành lập mới các HTXTM theo luật HTX

Tại thời điểm cuối năm 1996, cả nước có 225 HTXMB thuộc diện chuyển đổi và có nguyện vọng chuyển đổi theo Luật. Đến 31/12/2000, có 202 HTX đã được chuyển đổi và cấp đăng ký kinh doanh, chiếm tỷ lệ gần 90%.

Từ năm 1997 đến 2001, cả nước có 139 HTX thành lập mới theo Luật HTX và Điều lệ mẫu HTX Thương mại Tính đến cuối năm 2003, không kể hàng trăm ngàn các cơ sở kinh tế hợp tác giản đơn, cả nước đã có 550 HTXTM (bao gồm: các HTX ở thành thị và nông thôn)

1.1.2. Đổi mới mô hình tổ chức và nâng cao trình độ quản lý HTX.

Các HTXTM được chuyển đổi và thành lập mới theo qui định của Luật HTX và Điều lệ mẫu HTXTM, áp dụng những mô hình khác hẳn về chất so với HTXMB kiểu cũ. Về tổ chức, các HTX thuộc diện chuyển đổi, về cơ bản đã khắc phục được những hạn chế của mô hình tổ chức trong cơ chế cũ.

Bộ máy quản lý HTX gọn nhẹ, thực hiện chế độ kiêm nhiệm trong một số chức danh. Trách nhiệm của chủ nhiệm, kế toán trưởng được quy định cụ thể, gắn với thưởng phạt về vật chất. Theo báo cáo của 210 HTXTM, đội ngũ chủ nhiệm có 51,42%, kế toán trưởng có 60,19%, trưởng ban kiểm soát có 40,75 % đã qua đào tạo từ sơ cấp đến đại học.

1.1.3. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các HTX.

Khác với trước đây, các HTXTM đã xây dựng được phương án, kế hoạch kinh doanh và đề ra những biện pháp thực hiện cụ thể, thích hợp. Hoạt động kinh doanh mang tính tổng hợp, hàng hoá đa dạng về chủng loại, mẫu mã nhưng sát với nhu cầu của thị trường, giá cả phù hợp nhu cầu và khả năng tài chính của đối tượng phục vụ. Chất lượng hoạt động của các HTX được nâng cao, số lượng HTX kinh doanh có lãi tăng đáng kể, nhiều HTX đã có điều kiện tích lũy, mở mang ngành nghề, tạo công ăn việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động,

Nhiều HTXTM đã tự tổ chức hoặc liên doanh liên kết với HTX Nông nghiệp trong việc giải quyết đầu vào, đầu ra cho nông dân biểu hiện ở lĩnh vực cung ứng vật tư, công cụ sản xuất và các điều kiện sản xuất khác, tiêu thụ nông sản, thực phẩm cho các hộ.

Về phương thức phục vụ, do vốn có hạn nên nhiều HTX đã áp dụng phương thức làm đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá cho TNQD và các thành phần kinh tế khác. Ngoài hoạt động mua, bán hàng hoá, không ít HTX đã tiến hành mở rộng kinh doanh sang những lĩnh vực khác như gia công, chế biến, dịch vụ thương mại. Cơ cấu ngành nghề đã có nhiều thay đổi.

Phương thức thanh toán cũng rất linh hoạt: mua trả chậm, nợ gối đầu, bán trả góp, ứng trước hoặc đổi vật tư lấy sản phẩm nông nghiệp.

1.1.4. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho xã viên và người lao động trong HTX.

Năm 1996, thu nhập bình quân của 1 lao động là 315.000 đ/tháng, đến 2000 tăng lên 533.000 đ/tháng. Ngoài ra, các xã viên còn được hưởng lợi tức theo cổ phần đóng góp và lãi suất tiền cho HTX vay (thường cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng khoảng 0,2%) và một số lợi ích vật chất trong các dịp Lễ, Tết v.v... Nộp ngân sách, năm 2000 gấp 1,2 lần năm 1996.

I.2. Các mô hình tổ chức HTXTM hiện nay

- Xây dựng nên những mô hình HTX kiểu mới, rất đa dạng như:

Mô hình HTXTM Đan Phượng, HTX Mông Nhuận (Ninh Thuận), HTX mua bán và cung ứng hàng chính sách Chiêm Hoá Tuyên Quang, HTX Nghĩa Thái, Tân Kỳ, Nghệ An. HTX hoạt động đa năng như HTX Bình Tây - Tiền Giang, HTX Quỳnh Lưu, Nghệ An, An Giang.

- Phát triển mô hình liên kết giữa HTX với doanh nghiệp Nhà nước ở một số nơi như: Các hợp tác xã sản xuất mía liên kết với nhà máy đường Lam Sơn (Thanh Hóa), HTXNN liên kết với công ty lương thực như ở Long An, An Giang... các hợp tác xã nông nghiệp liên kết với nông trường Sông Hậu (Cần Thơ)...

1.2.1. Một số mô hình HTX điển hình tiên tiến

1.2.1.1 HTXTM Đan Phượng

HTXTM Đan Phượng được thành lập tháng 6/1998, trên cơ sở Công ty xuất nhập khẩu huyện Đan Phượng đã giải thể

Khi mới thành lập, HTXTM Đan Phượng có 15 cổ đông, với 3 nguồn vốn cơ bản là : vốn cổ phần 115 triệu đồng, vốn vay ngân hàng 200 triệu đồng; huy động vốn nhân rồi, vay của khách hàng; trong hoàn cảnh kinh doanh đặc biệt Ban Quản lý có thể ứng vốn.

Ban quản lý của HTXTM Đan Phượng có 04 người, ứng với các vị trí chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, kế toán, kiểm soát, kế hoạch - kinh doanh. Doanh số kinh doanh của HTXTM Đan Phượng năm 2000 so với năm 1998 tăng rõ rệt, tương ứng là 7,35 tỷ đồng và 1,5 tỷ đồng, do đó thu nhập và nộp ngân sách của HTX đều tăng

- Tổng diện tích : 288 m²
- Vốn góp bq/xv : 7.666.700 đ/n
- Tổng vốn điều lệ : 200.000.000 đ
- Tổng vốn kinh doanh : 500.000.000 đ
- Thuê lao động hàng năm (2002-2003) : 15 người
- Thu nhập bq : 350.000 đ/ tháng
- Ban quản trị : 4 (Trình độ văn hoá : 10/10)
- Mặt hàng kinh doanh của HTXTM Đan Phượng là những mặt hàng có nguồn gốc từ nông thôn như: gỗ, ngô, đỗ sắn, lạc và những nông, lâm sản khác phục vụ xuất khẩu

• Doanh thu:

Năm 2001: 1.181.100.000 đ

Năm 2002: 2.791.500.000 đ

Năm 2003: ước 6 tháng đầu năm tương đương 1.100.000 đ

• Thu nhập của XV:

Năm 2001: 390.000 đ

Năm 2002: 400.000 đ

Năm 2003: (dự kiến) 410.000 đ

• Đã thực hiện đóng góp:

Năm 2001: 13.790.000 đ

Năm 2002: 4.500.000 đ

Năm 2003: (dự kiến) 10.000.000 đ

1.2.1.2 HTX Mông Nhuận (Ninh thuận)

- HTX Mông Nhuận chính thức chuyển đổi và cấp ĐKKD theo luật HTX ngày 12 tháng 10 năm 1997
- Vốn đăng ký kinh doanh (năm 2002) : 1.722.000.000 đồng
- Vốn cố định: 768.000.000 đồng
- Vốn lưu động: 954.000.000 đồng
- HTX kinh doanh tổng hợp đa ngành nghề cụ thể như sau:

+ Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: dịch vụ làm đất; nhân giống và cung ứng giống; vật tư phân bón, thuốc sâu rầy; tín dụng nội bộ; dịch vụ thuỷ lợi tưới tiêu; tuốt lúa, bao tiêu nông sản.

+ Trong lĩnh vực dịch vụ thương mại: Xăng dầu, điện năng

+ Trong lĩnh vực xây dựng dân dụng: kênh mương, đường bê tông nông thôn, đường nội đồng, nhà ở...

+ Trong lĩnh vực khác: Phối hợp với doanh nghiệp Nhà nước bóc vỏ hạt điều, dịch vụ tang lễ ...

Toàn thôn có 586 hộ với 3.104 khẩu, 1297 lao động chuyên thuần tuý về nghề nông, trong đó có 452 hộ xã viên (chiếm 75%), hộ có vốn góp cao nhất 1.200.000 đ (400 hộ), hộ có vốn góp thấp nhất 500.000 đ (52 hộ), bình quân đất canh tác 1.200 m² /người.

+ Công tác xây dựng cơ bản: Thực hiện chủ trương kiên cố hoá kênh mương cấp 3, trong 2 năm qua, HTX đứng ra xây 4.600 m kênh mương với tổng giá trị là 1.233.265.400 đồng.

trong đó:

Nhà nước hỗ trợ: 874.902.891 đồng

Nhân dân góp: 358.362.509 đồng

Vốn xây dựng từ nguồn vốn của HTX: 759.077.000 đồng

- Tác động hỗ trợ của kinh tế HTX đối với công tác phúc lợi cộng đồng

Hàng năm HTX trích từ quỹ phúc lợi, các khoản hoa hồng và từ lãi chia cổ phần của xã viên để giải quyết công tác phúc lợi và tu sửa đường giao thông nông thôn, điện, và ánh sáng điện đường gần 100 triệu đồng.

1.2.2 Một số mô hình rút ra từ thực tiễn

1.2.2.1. Mô hình liên doanh, liên kết

Đây là mô hình kết hợp giữa các HTXTM với nhau hoặc giữa HTXTM với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác (công ty tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, công ty có vốn nước ngoài...)

1.2.2.2. Mô hình kinh doanh tổng hợp

Mô hình kinh doanh tổng hợp là mô hình khá phổ biến hiện nay đối với các HTXTM. Đây là mô hình kết hợp giữa kinh doanh thương mại với tổ chức chế biến và hoạt động dịch vụ (cung ứng vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng thiết yếu, đại lý bán các mặt hàng chính sách...).

1.2.2.3 Các HTX thuộc các ngành nghề khác: cũng kinh doanh Thương mại dịch vụ

I.3 Thực trạng hoạt động kinh doanh thương mại trong các HTX nông nghiệp

1.3.1. Hoạt động thương mại dịch vụ trong các HTX nông nghiệp

Qua điều tra và báo cáo của các địa phương nhiều HTX nông nghiệp đã tổ chức tốt các hoạt động thương mại, dịch vụ, hiệu quả dịch vụ cao và thu được nhiều lãi tạo tích lũy cho HTX. Các hoạt động thương mại, dịch vụ hiện nay là: Dịch vụ cung ứng vật tư phân bón, dịch vụ giống cây trồng con nuôi, dịch vụ tiêu thụ lúa gạo, tiêu thụ rau quả, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, kinh doanh chợ, dịch vụ tín dụng nội bộ, dịch vụ ngành nghề nông thôn.v.v...

1.3.2. Hình thức tổ chức và hoạt động dịch vụ của HTX nông nghiệp và một số mô hình thương mại dịch vụ.

1.3.2.1 Hình thức tổ chức và hoạt động dịch vụ của HTX nông nghiệp

Có thể khái quát các dạng tổ chức và hoạt động của các HTX nông nghiệp như sau:

- *HTX dịch vụ tổng hợp:* tưới tiêu, khuyến nông, cung ứng vật tư, tiêu thụ nông sản, hoạt động tín dụng nội bộ.

- *HTX chuyên ngành:* loại hình HTX này có rất ít như HTX chuyên ngành rau quả, bò sữa, chăn nuôi lợn, sản xuất giống lúa và thường ở các ven đô gắn với nhu cầu của thị trường. Hoạt động chính của HTX là cung ứng vật tư, kỹ thuật và thu gom, tiêu thụ sản phẩm

- *HTX dịch vụ - chế biến tiêu thụ nông sản*

Nội dung hoạt động của HTX ngoài việc tổ chức dịch vụ cho kinh tế hộ, HTX tổ chức nông dân sản xuất sản phẩm hàng hoá, thu gom, bảo quản, chế biến (sơ chế) và tiêu thụ thông qua ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp

1.3.2.2 Một số mô hình tổ chức hoạt động thương mại dịch vụ.

*** Mô hình HTX dịch vụ - chế biến tiêu thụ sản phẩm Đông Dư - Gia Lâm - Hà Nội**

HTX được thành lập mới trên cơ sở đình chỉ hoạt động HTX nông nghiệp cũ và đăng ký kinh doanh theo Luật năm 1998, với số xã viên ban đầu thành lập 35 người, định giá cổ phần 50.000đ,

Hoạt động của HTX bao gồm: dịch vụ thuỷ lợi, bảo vệ thực vật, khuyến nông, dịch vụ làm đất, kinh doanh chế biến, tiêu thụ sản phẩm, vật tư nông nghiệp và các mặt hàng khác phục vụ sản xuất, đời sống nông dân.

Bình quân từ 1999 - 2003, tổng doanh thu của hợp tác xã đạt 1,2 tỉ đồng. Riêng năm 2002 là 1,3 tỉ đồng, lãi 115 triệu đồng. Lãi sau khi trừ thuế HTX dành 40% chia theo vốn góp.

* HTX nông nghiệp sản xuất kinh doanh tổng hợp

Điển hình là HTX Yên Bắc - Duy Tiên - Hà Nam

* HTX chuyên ngành

Tiêu biểu là HTX bò sữa Phù Đổng - Gia Lâm - Hà Nội

Hoạt động của HTX gồm:

- Tư vấn cho các hộ xã viên về kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và khai thác, bảo quản sữa bò tươi

- Dịch vụ thú y và cung ứng thức ăn hỗn hợp cho bò sữa

- Dịch vụ chọn, phối giống

- Thu gom, bảo quản và tiêu thụ sữa bò tươi

1.3.3. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động thương mại trong các HTX NN

Đề tài đã phân tích những kết quả đã đạt được; Những hạn chế, yếu kém; Nguyên nhân tồn tại, yếu kém

I.4. Vai trò quản lý Nhà nước đối với tổ chức và phát triển hợp tác xã thương mại ở nông thôn

1.4.1. Một số thành tựu.

- Nhà nước ban hành luật HTX năm 1996 và các văn bản pháp luật có liên quan, đã tạo ra môi trường pháp lý, cơ chế chính sách thuận lợi tạo điều kiện cho việc chuyển đổi và thành lập mới các HTXTM.

- Luật HTX năm 2003 (Trên cơ sở sửa đổi và bổ xung luật HTX năm 1996) đã được ban hành và có hiệu lực từ 1/7/2004.

- Cơ chế chính sách về thương mại đã có tác động và tạo nên sự chuyển biến của các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại từ trung ương xuống địa phương. quá trình cải cách hành chính đã giảm được một số thủ tục hành chính gây phiền hà, tốn kém cho các HTX như cơ bản bãi bỏ giấy phép xuất nhập khẩu, giảm đến mức tối đa các mặt hàng quản lý bằng hạn ngạch... Một số địa phương đã giúp đỡ các HTX cung ứng nguồn hàng, sử dụng các HTX làm đại lý và phối hợp cung ứng các mặt hàng chính sách phục vụ đồng bào dân tộc miền núi.

1.4.2 Những vấn đề tồn tại

- Được sự quan tâm của Đảng và nhà nước phong trào HTX đã có nhiều thay đổi và phát triển, tuy nhiên, hoạt động quản lý nhà nước đối với HTXTM ở nông thôn còn nhiều tồn tại và chưa đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và phát động. Việc triển khai thực hiện các chính sách phát triển thương nghiệp ở nông thôn và miền núi chậm và thiếu đồng bộ. Chúng ta chưa

tạo lập được cơ chế, chính sách hợp lý để thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động thị trường ở nông thôn, tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, gây bất lợi cho các HTXTM.

- Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ các HTX còn hạn chế, hoặc không được các cơ quan hữu quan thực hiện. Cấp uỷ, chính quyền ở một số quận, huyện, xã phường thiếu quan tâm theo dõi, giúp đỡ, củng cố, xây dựng HTXTM; có nơi, sự quan tâm của các cơ quan quản lý nhà nước còn mang tính hình thức, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, ngại khó trong chỉ đạo chuyển đổi nên chỉ muốn giải thể hết HTXMB cũ.

- Một số điều khoản sau một thời gian thực hiện chưa sát tình hình thực tế hoạt động của HTX, cần được bổ sung cho phù hợp.

+ Về thành lập và đăng ký kinh doanh:

+ Về giấy phép hành nghề:

+ Về trụ sở, địa điểm kinh doanh.

2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN

Bảng 1: Tỷ trọng hợp tác xã Thương mại trong tổng số hợp tác xã ở một số địa phương tính đến tháng 6/2004

(chỉ tính các địa phương có số lượng HTXTM từ 2 con số trở lên)

STT (1)	Địa phương (2)	HTXTM (3)	HTX (4)	Tỉ trọng(%) (3)/(4) = (5)	Ghi chú (6)
1	TP Hà Nội	23	682	3,37	
2	Lạng Sơn	10	71	14,0	
3	Hà Giang	33	662	4,98	
4	Hải Phòng	31	569	5,44	
5	Nam Định	29	439	6,6	
6	Đắc Lắc	30	344	8,7	
7	TP Hồ Chí Minh	83	347	23,9	
8	Cần Thơ	22	238	9,2	

Bảng 2 : Phân loại các hợp tác xã tính đến tháng 6/2002
(61 tỉnh thành trên cả nước)

STT	Các loại HTX	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tổng số HTX trên toàn quốc	14.288	
2	HTX Nông nghiệp	8.730	61,35
3	HTX Thương mại	410	2,88
4	HTX Công nghiệp	1.839	12,92
5	HTX Vận tải	1.068	7,50
6	HTX Tín dụng	924	6,49
7	HTX Xây dựng	456	3,20
8	HTX Thủy sản	460	3,23
9	Các loại HTX khác	172	1,20

Nguồn: LM HTX Việt Nam (2002) (Ghi chú: về Bảng 1 & Bảng 2 xin xem phần phụ lục)

Bảng 3: Tình hình tổ chức các hoạt động thương mại, dịch vụ trong các HTXNN. (Kết quả điều tra 150 HTXNN)

Đơn vị: HTX

Số TT	Dịch vụ	Năm 2000	Năm 2001	năm 2002	Ghi chú
1	DV cung ứng VT, phân bón	93	95	96	
2	DV tín dụng nội bộ	54	54	54	
3	DV tiêu thụ lúa gạo	33	35	34	
4	DV tiêu thụ rau quả	8	10	13	
5	DV tiêu thụ SP chăn nuôi	3	7	8	
6	KD chợ, cho thuê cửa hàng	8	9	10	
7	Chế biến	14	14	8	
8	Cung ứng VT, TTSP	6	4	7	
9	DV ngành nghề thủ công	12	12	16	

Nguồn: Cục HTX và thị trường nông thôn - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2.1. Những thành tựu

Kinh tế HTX nói chung, HTX Thương mại nói riêng vẫn tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta. Trên địa bàn nông thôn hiện nay, các HTX đã hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình ở cả hai lĩnh vực sản xuất - dịch vụ và kinh doanh thương mại. (Kinh nghiệm trên thế giới cũng cho thấy vai trò không thể thiếu của HTX trong quá trình đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất hàng hoá lớn) đặc biệt trong ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước nói chung và thị trường nông thôn nói riêng. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó kinh tế hợp tác xã là một bộ phận quan trọng.

- Kinh tế hợp tác xã nói chung và các hợp tác xã thương mại nói riêng đã và đang phát triển trong quá trình đổi mới toàn diện về nội dung hoạt động, về mô hình tổ chức, về cơ chế quản lý để thích ứng từng bước với cơ chế kinh tế thị trường. Quá trình chuyển đổi và phát triển mới các HTXTM theo Luật đã diễn ra hết sức phong phú, đa dạng về hình thức, trình độ và ở nhiều quy mô khác nhau.

2.2. Nguyên nhân của những mặt được

- Nhà nước ban hành Luật HTX và các văn bản pháp luật có liên quan đã tạo ra môi trường pháp lý cũng như cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho việc chuyển đổi và thành lập mới các HTXTM.

- Sự nỗ lực chủ quan của từng HTXTM giữ vai trò quyết định, trong đó, nổi lên vai trò của Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm và đội ngũ cán bộ chủ chốt của HTX. Họ là những người năng động, tháo vát, thực sự tâm huyết, nhiệt tình với phong trào; biết dựa vào một số xã viên nòng cốt có kinh nghiệm trong sản xuất-kinh doanh; biết tập trung và phát huy được trí tuệ, vốn góp và công sức của xã viên.

- HTXTM tồn tại và có bước phát triển một phần quan trọng nhờ cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương cùng các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và đặc biệt là tổ chức Liên minh HTX các cấp

2.3. Những yếu kém, tồn tại và nguyên nhân

2.3.1. Những yếu kém, tồn tại

- Phát triển các HTXTM ở khu vực nông thôn, miền núi còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt ở các tỉnh như Bắc Cạn, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Quảng Trị, Bình Định, Ninh Thuận, Quảng Ngãi v.v... Một số Tỉnh đông dân cư song số HTXTM rất ít, Thanh hoá: 6 HTXTM; Nghệ An: 8 HTXTM (ở cả hai khu vực thành thị và nông thôn).

- Từ Bảng 1& Bảng 2 nêu trên ta thấy:

+ Theo thống kê các HTXTM đăng ký kinh doanh theo điều lệ mẫu về HTXTM thì số lượng các HTXTM rất nhỏ: 410 HTX (bao gồm cả thành thị và

nông thôn) trên tổng số: 14.288 HTX chiếm tỷ lệ: 2, 88%(số liệu năm 2002 các HTX đăng ký theo điều lệ mẫu HTXTM)

+ Phần lớn HTXTM vẫn thuộc loại hình qui mô nhỏ vốn ít (bình quân vốn của 1 HTXTM khoảng 400 - 500 triệu đồng), cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, kinh nghiệm kinh doanh trong cơ chế thị trường còn rất mỏng. Hầu hết các HTXTM vẫn chưa xác định phương án, kế hoạch kinh doanh dài hạn, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn trong HTX còn yếu (gần 50% chưa qua đào tạo, trong số chủ nhiệm được đào tạo, chỉ có 12,79% có trình độ đại học)

+ Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội còn chiếm tỷ trọng thấp (từ 1996 đến 2000 chưa năm nào vượt qua mức 1%). Một số HTXTM tuy thực hiện được một số loại dịch vụ phục vụ kinh tế hộ nhưng phần lớn mới chỉ thực hiện được dịch vụ đầu vào, số HTX tiêu thụ được nông sản cho nông dân chưa nhiều. Vai trò của HTXTM ở vùng nông thôn còn mờ nhạt, quan hệ giữa các HTXTM với thương nghiệp nhà nước và giữa các HTX với nhau còn lỏng lẻo, kém hiệu quả.

+ Nhiều HTXTM hầu như chưa được hưởng gì từ chính sách khuyến khích phát triển của Nhà nước

+ Trước thực tiễn nêu trên, hầu hết các HTXTM không chỉ kinh doanh các lĩnh vực đã đăng ký mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác, xuất hiện xu hướng liên doanh, liên kết với các loại hình HTX khác, và với các doanh nghiệp. Ngược lại, hầu hết các loại hình HTX khác (HTX nông nghiệp, HTX công nghiệp, HTX vận tải v.v...) đều kinh doanh thương mại và dịch vụ.

+ Tuy nhiên, nếu chỉ tính số HTX hoạt động thương mại và dịch vụ thì ta có số liệu là: 16,27% (HTXTM: 2,28%; HTX dịch vụ vận tải: 7,50%; HTX tín dụng: 6,49%) trên tổng số các HTX; Chưa kể các hoạt động thương mại dịch vụ trong hầu hết các HTX nông nghiệp, các hoạt động này chiếm vị trí quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của HTXNN trong thời gian qua (xem bảng 3). Như vậy, trên thực tế các hoạt động thương mại dịch vụ chiếm tỷ lệ khá lớn trên tổng số các ngành nghề ở nông thôn.

- Việc thực hiện đăng ký kinh doanh đối với HTX theo 6 điều lệ mẫu (HTXTM, HTXNN, HTXCN,...) và một số điều khoản trong luật HTX năm 1996 không còn phù hợp. (kể từ năm 1997 đến trước khi có luật HTX năm 2003)

2.3.2. Nguyên nhân tồn tại, yếu kém và chậm phát triển của HTXTM

- Trong nền kinh tế thị trường, nhiều thành phần kinh tế tham gia khi hệ thống HTX mua bán tan đã ,kinh doanh thương mại-dịch vụ, kinh tế tập thể nói chung và HTXTM nói riêng còn nhỏ bé so với thương nghiệp tư nhân với hàng chục ngàn công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần và trên 1,5 triệu cá nhân, hộ kinh doanh, chiếm trên 70% thị phần bán lẻ. HTXTM phải tự thân vận động, không còn nguồn bao cấp như HTXMB trước đây.

- So với thương nghiệp tư nhân, HTXTM có không ít hạn chế như bộ máy quản lý vẫn công kênh (mặc dù đã có sự cải tiến), tổ chức lao động chưa hợp lý, năng suất lao động chưa cao, kém linh hoạt trong việc đề ra phương án kinh doanh và quyết định giá mua, giá bán v.v...nên hiệu quả hoạt động thấp và rất khó giành thắng lợi khi cạnh tranh trên thương trường. Đa số các HTXTM đã chuyển đổi và thành lập mới đều hạn chế về vốn, cơ sở vật chất, trình độ cán bộ ...

- vẫn còn những tư tưởng sai lệch và cả quan điểm chưa thống nhất trong không ít cán bộ ở các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương về sự tồn tại, vai trò, vị trí, ý nghĩa đích thực và tính chất của HTXTM.

- Quản lý nhà nước về thương mại chưa thực sự được đổi mới. Việc triển khai thực hiện các chính sách phát triển thương nghiệp ở nông thôn và miền núi chậm và thiếu đồng bộ.

Chương III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN NƯỚC TA

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN NƯỚC TA

1.1. Bối cảnh hoạt động của các HTXTM đến năm 2010

- Trong giai đoạn từ nay đến 2010, cùng với sự phát triển của nền kinh tế đất nước, nông thôn nước ta sẽ có nhiều chuyển biến cơ bản. Hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, kinh tế trang trại phát triển, nhiều nguồn lực ở nông thôn được phát huy theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chủ trương phát triển ngành nghề ở nông thôn được xem là một động lực làm chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn từ nay đến 2010.

- Công nghiệp nước ta phát triển theo hướng đa dạng mặt hàng, nâng cao chất lượng và hạ thấp giá thành, tạo tiền đề cho thị trường hàng tiêu dùng phong phú, đa dạng. Thông qua đó, kích thích nhu cầu tiêu dùng trong nước, đặc biệt là thị trường nông thôn.

- Thách thức về sự tụt hậu, khoảng cách giữa nền kinh tế Việt Nam với nền kinh tế các nước trong khu vực sẽ là thách thức không nhỏ trong quá trình hội nhập.

- Tốc độ chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp nước ta, giai đoạn từ nay đến 2010, chưa có đột biến lớn: trồng trọt, trong đó lương thực vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, cây công nghiệp và cây ăn quả chiếm tỷ trọng nhỏ; ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp cũng ở trong tình trạng tương tự; tỷ trọng lao động nông nghiệp còn cao (trên 65%),

- Đến năm 2010, mục tiêu phấn đấu của chúng ta ở nông thôn vẫn ở mức khiêm tốn ” Cơ bản xoá hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005 và đến 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo”². Sức mua và cơ cấu thu nhập của dân cư nông thôn về cơ bản chưa có chuyển biến lớn.

- Đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần, đặc biệt là Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” và Luật HTX năm 2003 đã tạo đà cho các HTXTM có thêm những điều kiện mới, thời cơ mới để phát huy năng lực nội tại

1.2. Quan điểm tổ chức phát triển HTXTM đến năm 2010

Thứ nhất, HTXTM là tổ chức kinh tế, tồn tại khách quan trong cơ chế thị trường với nhiều thành phần tham gia thương mại, có vai trò thực sự cần thiết, đặc biệt trong tổ chức lưu thông hàng hoá và hoạt động dịch vụ trên thị trường nội địa (nhất là vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa...).

Thứ hai: Phát triển kinh tế HTX trong thương mại trước hết là nhằm hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động của xã viên và cải thiện địa vị kinh tế xã hội của họ, giáo dục tinh thần hợp tác, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi. Trong giai đoạn mới thành lập và chuyển đổi, năng lực nội tại còn yếu, vì vậy HTXTM cần sự quan tâm của Đảng và Nhà nước với những chính sách khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ đủ mức cần thiết.

Thứ ba, HTXTM là một tổ chức kinh tế độc lập, tự chủ, Vì vậy, phải thực hiện đầy đủ nguyên tắc hạch toán kinh doanh, bảo đảm tự trang trải mọi chi phí, bảo đảm kinh doanh có lãi để tích lũy và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, kết hợp chặt chẽ giữa kinh doanh với phục vụ lợi ích xã viên và người lao động thông qua các hoạt động dịch vụ (đặc biệt là các dịch vụ phục vụ sản xuất của hộ gia đình). Kinh doanh có hiệu quả sẽ tạo điều kiện để HTXTM phục vụ tốt xã viên và cư dân trên địa bàn.

Thứ tư, phát triển các HTXTM phải tính đến khả năng hội nhập theo xu thế chung của thế giới. Nước ta đang trong quá trình chuẩn bị các điều kiện để từng bước hội nhập khu vực và thế giới. Là một thành viên của Liên minh HTX quốc tế, Liên minh HTX Việt Nam, trong đó có các HTXTM không nằm ngoài quá trình đó. Do vậy, trong quá trình phát triển, các HTXTM phải tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết, nâng cao khả năng cạnh tranh để phù hợp với tiến trình hội nhập.

2. NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC, CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA HTXTM Ở NÔNG THÔN

2.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức HTXTM ở nông thôn.

² Văn kiện Đại hội IX của Đảng. Trang 265- 212. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội.2001

Đề tài đã đề xuất một số mô hình hoạt động của các HTX trong lĩnh vực thương mại ở khu vực nông thôn như sau:

2.1.1 Các mô hình ở địa bàn nông thôn đồng bằng:

Đây là khu vực mà giữa các thị trường tiểu vùng (nông thôn, ven đô, đô thị) có sự chông lán, giao thoa. Đây cũng là khu vực có mật độ dân cư cao, gần 80% số hộ làm nông nghiệp; Lao động cơ bản vẫn là thủ công, nên năng suất thấp; Sản xuất công nghiệp mới chỉ chiếm 12,4%, dịch vụ chiếm 13,6%, nên cơ bản cơ cấu kinh tế nông thôn vẫn là nông nghiệp; Tỷ lệ lao động chưa có việc làm cao (24,7%), trên 90% số lao động nông thôn chưa qua đào tạo nghề.

Vì vậy có thể áp dụng các mô hình:

2.1.1.1 Mô hình HTX đa chức năng:

Thành lập các HTX đa chức năng (trong đó có thương mại); thành phần tham gia là những người nông dân, thợ thủ công và các hộ gia đình ở nông thôn hoạt động chủ yếu là dịch vụ phục vụ sản xuất (những dịch vụ HTX thực hiện có hiệu quả hơn từng cá nhân, từng hộ gia đình) như cung ứng các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất của kinh tế hộ, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống, hỗ trợ xã viên tìm kiếm thị trường, bạn hàng, nguồn hàng, trực tiếp tổ chức hoặc liên doanh, liên kết với DNNN, các HTXNN, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể nhằm tiêu thụ sản phẩm hàng hoá cho xã viên HTX và các đối tượng khác trên địa bàn. Không nhất thiết trong một xã phải có đủ các HTX của các ngành.

2.1.1.2. Mô hình kinh doanh tổng hợp

Mô hình kinh doanh tổng hợp là mô hình khá phổ biến hiện nay đối với các HTX TM. Đây là mô hình kết hợp giữa kinh doanh thương mại với tổ chức chế biến và hoạt động dịch vụ (cung ứng vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng thiết yếu, đại lý bán các mặt hàng chính sách...).

2.1.1.3 Mô hình HTX chuyên làm dịch vụ:

Mô hình HTX chuyên làm dịch vụ là hình thức tổ chức HTX cơ sở có thể áp dụng ở các vùng kinh tế khác nhau, trong đó vùng nông thôn đồng bằng có điều kiện phát triển mạnh hơn cả. Nội dung hoạt động của mô hình này là chuyên làm dịch vụ hỗ trợ cho các hộ gia đình trong việc cung ứng vật tư sản xuất hoặc tiêu thụ sản phẩm và các điều kiện sản xuất khác. Các HTX chuyên làm dịch vụ trên địa bàn nông thôn có tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch một bộ phận lao động nông nghiệp sang khu vực dịch vụ và giải quyết việc làm ở nông thôn.

2.1.2 Mô hình có thể phù hợp với địa bàn huyện lỵ, thị trấn, thị tứ, đầu mối giao thông trên địa bàn huyện

2.1.2.1 Mô hình HTX kinh doanh thương mại tổng hợp:

Ở các thị trấn, thị tứ hoặc vùng gần khu công nghiệp, vùng ven đô hoặc gần các trục lộ lớn... có thể thành lập các HTX kinh doanh thương mại tổng hợp với hoạt động chính là đại lý cho các DNNN và Liên hiệp HTXTM kiêm bán lẻ vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp như giống, phân bón, xăng, dầu, thuốc trừ sâu, đại lý hoặc trực tiếp bán lẻ một số hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ cư dân trong vùng, tự tổ chức hoặc phối hợp với thương lái, chủ vựa thu mua nông sản hàng hoá và xây dựng các cơ sở chế biến với qui mô nhỏ (chủ yếu là sơ chế) nhằm bảo quản và nâng cao giá trị hàng hoá. Đối tượng tham gia các HTX theo hình thức trên bao gồm thương nhân thuộc các thành phần kinh tế. Bên cạnh thể nhân như cá nhân, đại diện hộ gia đình có cả đại diện tổ hợp tác, đại diện các doanh nghiệp (có thể có đại diện của doanh nghiệp nhà nước).

2.1.2.2 Mô hình HTXTM chủ yếu làm đại lý mua - bán

2.1.2.3 Mô hình HTXTM được doanh nghiệp nhà nước đổ đầu về vốn, đầu tư trang thiết bị

2.1.3 Mô hình áp dụng ở địa bàn xã

Chú trọng mô hình HTX nông - thương - tín (nông nghiệp - thương mại - tín dụng), vừa hoạt động sản xuất vừa kinh doanh thương mại tín dụng và hệ thống chợ.

- Thực tế khảo sát cho thấy: các HTX kinh doanh thương mại thuần túy trên địa bàn xã không có đủ điều kiện phát triển, vì sức mua của nông dân còn thấp, chi phí cao, nhiều mặt hàng thương nghiệp tư nhân kinh doanh hiệu quả hơn... Vì vậy, ở địa bàn nông thôn nói chung và thôn, xã nói riêng, mô hình các HTX vừa làm dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (cung ứng vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, tưới tiêu, xay xát lúa gạo, sấy lúa...), vừa tổ chức kinh doanh thương mại (tiêu thụ nông sản, làm đại lý mua, bán hàng hoá cho các loại hình doanh nghiệp khác...) nhận tiền của xã viên theo kỳ hạn và không kỳ hạn, cho các xã viên có nhu cầu vay với lãi suất thấp. là hợp lý. Có thể nói, đây là mô hình tổ chức phù hợp với kinh tế HTX ở nông thôn trong thời kỳ từ nay đến 2010.

2.1.2. Ở địa bàn nông thôn miền núi

- Ở miền núi, những khó khăn, trở ngại trong tổ chức và phát triển kinh tế nói chung và thị trường nói riêng đều tăng lên gấp bội. Đây là khu vực mà tư nhân cũng không muốn bỏ vốn kinh doanh, vì thu được ít lợi nhuận, thậm chí không có lợi nhuận. Theo phương châm từ thấp đến cao, chú ý xây dựng qui mô nhỏ và vừa theo hướng này, có thể tổ chức HTX theo mô hình HTXNN - Thương mại hoặc HTX kinh doanh tổng hợp. Hình thức tổ chức thích hợp là các HTX liên thôn, liên bản, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, với chức năng kinh doanh tổng hợp đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc.

- Ở những nơi chưa có điều kiện thành lập HTX, có thể tổ chức các tổ hợp tác mua chung, bán chung hoặc với tên gọi khác gắn với nội dung hoạt động.

Sau một thời gian, các cơ quan chức năng có kế hoạch giúp đỡ để các tổ hợp tác đủ điều kiện trở thành HTXTM.

HTXTM có thể giúp thương nghiệp quốc doanh cung cấp, phân phối những mặt hàng thuộc diện chính sách đi đôi với việc tổ chức mạng lưới bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu, hợp thị hiếu tới tận các bản làng, cung ứng công cụ, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp của kinh tế hộ và kinh tế trang trại. Đồng thời, tổ chức thu mua nông lâm sản, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Các HTXTM có thể mở các điểm kinh doanh ở trung tâm cụm xã, ở các chợ khu vực biên giới, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch v.v...

2.2. Hoàn thiện cơ chế quản lý, nội dung và phương thức hoạt động của các HTX Thương mại

2.2.1. *Đổi mới phương thức huy động vốn*

Thu hút các doanh nghiệp, cán bộ, công chức tham gia HTX; Mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để tranh thủ các nguồn vốn. Các HTXTM cần chú trọng hình thức đại lý, ký gửi hoặc trả chậm trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, nhất là đối với doanh nghiệp nhà nước.

2.2.2. *Đa dạng hình thức sở hữu:*

Sở hữu trong HTXTM có thể bao gồm: sở hữu cá nhân, sở hữu tập thể, sở hữu nhà nước... cùng tồn tại, hỗ trợ, bổ sung cho nhau, không phủ định nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho HTXTM. Điều này hoàn toàn đúng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn

2.2.3. *Hoàn thiện quan hệ phân phối thu nhập trong HTX*

- Các HTXTM cần thực hiện phân phối theo vốn góp, công sức đóng góp và mức độ sử dụng dịch vụ của xã viên trong HTX;

- Thành lập các quỹ của HTX: quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng, quỹ phúc lợi,...

- Thực hiện sự công bằng, dân chủ, công khai trong quản lý tài chính.

- Bên cạnh biện pháp tuyên truyền, giáo dục, động viên tinh thần, cần chú ý biện pháp thưởng bằng vật chất theo qui định của điều lệ HTX nhằm khuyến khích mọi khả năng của xã viên trong xây dựng, củng cố và phát triển HTX.

- Cán bộ, xã viên gây thiệt hại cho HTX, nếu do nguyên nhân chủ quan, phải bồi thường theo nghị quyết của Đại hội xã viên và qui định của pháp luật.

2.2.4. *Hoàn thiện quan hệ quản lý trong HTXTM*

- Về thành lập bộ máy quản lý và bộ máy điều hành HTX: ³

Lựa chọn hình thức:

³ Theo Điều: 6 nghị định của chính phủ số: 177/2004/NĐ-CP

+ **Đối với HTX thành lập một bộ máy vừa quản lý, vừa điều hành:** Đại hội xã viên trực tiếp bầu ban quản trị, ban kiểm soát. Trưởng ban quản trị đồng thời là chủ nhiệm HTX

+ **Đối với hợp tác xã thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành:** Đại hội xã viên trực tiếp bầu ban quản trị, ban kiểm soát. Ban quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm hợp tác xã. Chủ nhiệm hợp tác xã là xã viên hợp tác xã hoặc thuê.

- Về cơ chế quản lý:

Thực hiện cơ chế khoán thích hợp, có sự quản lý, gắn được quyền lợi, trách nhiệm với lợi ích của từng bộ phận, từng xã viên và từng người lao động trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng bộ phận, gắn thu nhập với mức độ hoàn thành công việc và kết quả sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích những tiềm năng trong hoạt động kinh doanh.

- Các cơ quan chức năng cần giúp các HTX trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức kinh doanh và quản lý sao cho gọn nhẹ, thiết lập được các mối quan hệ quản lý hợp lý giữa các bộ phận với xã viên và người lao động, bảo đảm được sự phân công trách nhiệm rõ ràng và sự hợp tác chặt chẽ,

2.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động của HTXTM

Các chỉ tiêu sau đây sẽ được sử dụng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX hay nhóm các HTX.

2.2.5.1 Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu này giúp đánh giá và phân loại các HTXTM theo các nhóm sau:

+ Doanh thu hàng năm của HTX.

+ Nhóm HTX có lãi; Nhóm HTX thua lỗ.

+ Nhóm các HTX có tất cả các dạng dịch vụ có lãi (đối với các HTX DVNN)

+ Nhóm các HTX một số dịch vụ có lãi

2.2.5.2 Chỉ tiêu đánh giá tình hình phân phối .

+ Thực hiện phân phối lãi theo vốn góp, mức độ đóng góp, mức độ sử dụng dịch vụ của HTX,...

+ Thành lập các quỹ của HTX: quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng, quỹ phúc lợi,...

+ HTX chưa thực hiện đúng quy định phân phối theo quy định của Luật để hình thành các quỹ của HTX.

2.5.2.3 Tổng nguồn vốn và các nguồn hình thành

- Tổng nguồn vốn.

- Trong đó: (Vốn tự có (số lượng, tỷ lệ); Vốn góp (cổ phần); Vốn vay(số lượng, tỷ lệ).

2.2.5.4. Giá trị tài sản và các loại tài sản

- Cơ sở vật chất kỹ thuật:
 - + Diện tích mặt bằng, trụ sở.
 - + Kho tàng, xưởng chế biến...
- Công cụ lao động: Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải...
- Tỷ lệ đầu tư mới

2.3. Tăng cường mối quan hệ kinh tế giữa HTXTM với doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác

2.3.1. Với doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước có thể trực tiếp tham gia HTX (cử đại diện, góp vốn), hỗ trợ cơ sở vật chất (xây dựng kho tàng, cửa hàng, cơ sở chế biến), phổ biến kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh v.v... Qua đó, góp phần tăng thêm nguồn lực cho HTX.

Với đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản trong các cơ sở đào tạo của Nhà nước và qua kinh nghiệm kinh doanh, quản lý nhiều năm, các DNNN có đầy đủ điều kiện giúp các HTX trong xây dựng kế hoạch và phương thức kinh doanh thích hợp, nâng cao nghiệp vụ về đại lý, về mua bán, kỹ thuật bảo quản, chế biến, kiến thức và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp cho cán bộ HTX...

2.3.2 Với các hộ nông dân, chủ trang trại, hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp

+ Tạo điều kiện để xã viên HTXTM có thể mua cổ phần trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước đã được cổ phần hoá.

+ Tăng cường phương thức trao đổi vật tư, hàng hoá tiêu dùng của HTX lấy hàng nông sản và sản phẩm hàng hoá khác của nông dân, hộ gia đình.

+ Sử dụng các thương lái, chủ vựa làm đại lý cho các HTX trong việc mua gom hàng nông sản hoặc tranh thủ cơ sở gia công, chế biến của họ.

+ Sử dụng cá nhân và hộ kinh doanh ở thị trấn, thị tứ ở các chợ trên địa bàn nông thôn làm đại lý phân phối vật tư, hàng tiêu dùng thiết yếu nhằm mở rộng mạng lưới kinh doanh.

3. HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH VÀ KHUYẾN KHÍCH BIỆN PHÁP HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC NHẪM PHÁT TRIỂN HTXTM Ở NÔNG THÔN

3.1. Những vấn đề chung

3.1.1 Về quan điểm hỗ trợ :

3.1.2 Mục tiêu của chính sách hỗ trợ HTX:

3.1.3. Về phương thức hỗ trợ:

3.1.4. Đối tượng hỗ trợ:

3.1.4.1 Các ưu đãi được áp dụng với:

- a) Hợp tác xã đang hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 1996 và chấp hành bổ sung, thực hiện các quy định mới của Luật hợp tác xã 2003;
- b). Hợp tác xã sẽ thành lập và đăng ký hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2003.

3.1.4.2 Các ưu đãi không áp dụng với:

- a). Hợp tác xã cũ chưa làm thủ tục chuyển đổi và đăng ký hoạt động theo Luật HTX năm 1996;
- b). Hợp tác xã không thực hiện các quy định mới của Luật hợp tác xã 2003
- c). Hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể tự nguyện; giải thể bắt buộc; tuyên bố phá sản

3.1.4.2 Cơ quan cấp đăng ký kinh doanh hợp tác xã ở cấp tỉnh và huyện có trách nhiệm xác nhận cho hợp tác xã thuộc đối tượng được áp dụng

3.2. Một số chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với HTXTM

3.2.1. Chính sách bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành đối với các chức danh chủ chốt; đào tạo xã viên làm chuyên môn, kỹ thuật

3.2.1.1 Đối tượng áp dụng.

a)Bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành hợp tác xã.

a.1. Là những xã viên đang đảm nhận các chức danh: Trưởng ban quản trị; Chủ nhiệm; Trưởng ban kiểm soát; Kế toán trưởng hoặc kế toán viên nếu hợp tác xã chỉ có Kế toán viên (sau đây gọi chung là Kế toán trưởng).

a.2. Là những xã viên sẽ kế cận các chức danh Chủ nhiệm, Trưởng ban kiểm soát và kế toán trưởng hợp tác xã.

b). Đào tạo chuyên môn,kỹ thuật, nghiệp vụ.

Là những xã viên đang và sẽ được hợp tác xã giao đảm nhận công tác quản lý, điều hành những hoạt động đòi hỏi phải có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ.

3.2.1.2 Chế độ ưu đãi .

a). Những xã viên thuộc đối tượng quy định tại điểm a1.(3.2.1.1) khi tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành hợp tác xã được miễn toàn bộ các chi phí về: tiền ăn tại cơ sở đào tạo theo chi phí thực tế của khóa học ở từng trường lớp, tiền tàu xe đi lại

b). Đối với đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật:

b1. Ưu tiên điểm xét tuyển. Đối với xã viên ở thành phố cộng thêm 1 điểm; đối với xã viên ở nông thôn cộng thêm 2 điểm

b.2. Được giảm 50% tiền học phí theo mức thu quy định của trường, nơi xã viên hợp tác xã theo học. Cá nhân người đi trả 50% tiền học phí cho Nhà trường và tự túc các khoản chi phí khác trong thời gian đào tạo.

c).Điều kiện ưu đãi: Yêu cầu về: sức khỏe; Độ tuổi; Trình độ tối thiểu đối với chuyên môn.

3.2.2. Chính sách ưu đãi về giao đất.

3.2.1.1 Ưu đãi về giao đất không thu tiền sử dụng để làm trụ sở, nhà kho, sân phơi, cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

a). Đối tượng áp dụng:

a1. Là các hợp tác xã đăng ký thực hiện cung ứng vật tư, tư liệu sản xuất cho sản xuất: nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối của xã viên.

a.2. Là các hợp tác xã đăng ký thực hiện tiêu thụ sản phẩm hàng hóa: nông, lâm, thủy sản và muối do xã viên làm ra.

b). Chế độ ưu đãi:

b1. Về mức giao đất không thu tiền sử dụng: Tối đa không quá 500m²/ hợp tác xã. Những nơi không còn quỹ đất công ích để giao cho hợp tác xã theo quy định tại điểm này thì Nhà nước hỗ trợ hợp tác xã kinh phí

b.2 HTX được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên số diện tích đã giao

b.3 HTX theo điểm a.(mục 3.2.1.1) hiện đang có đất sử dụng thì được hưởng giao đất không thu tiền sử dụng theo qui định tại điều 51 NĐ số 18 hướng dẫn thi hành luật đất đai.

c). điều kiện áp dụng:

c.1. Chưa có mặt bằng (hoặc đã có, nhưng chưa đủ theo mức quy định tại điểm a. (mục 3.2.1.1) để làm trụ sở giao dịch; nhà kho; sân phơi; cơ sở dịch vụ trực tiếp cho xã viên sản xuất nông, lâm, thủy sản, muối;

c.2. Tối đa là 3 năm tính từ thời điểm được giao đất Hợp tác xã phải:

+ Có số lượng xã viên được hưởng lợi từ một trong các hoạt động dịch vụ của hợp tác xã theo quy định tại điểm a.(mục 3.2.2.1.) không thấp hơn 50;

c.3 Các hoạt động cung ứng vật tư, tư liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm do xã viên làm ra

3.2.2.2 Ưu đãi về thuê đất.

a). Đối tượng hưởng lợi:

Là các hợp tác xã đăng ký thực hiện cung ứng vốn, hàng hóa tiêu dùng cho xã viên.

b). Chế độ hưởng lợi:

b.1. Được Nhà nước cho hợp tác xã thuê đất dài hạn theo điểm e khoản 1 Điều 35 Luật đất đai năm 2003.

b.2. Được giảm 50% tiền thuê đất trong 10 năm theo giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.(áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 60 Luật đất đai)

b.3. Diện tích đất thuê dài hạn được xác định theo Dự án của hợp tác xã về xây dựng cơ sở cung ứng vốn tín dụng, hàng hóa tiêu dùng cho xã viên.

c). Điều kiện áp dụng; Chưa có mặt bằng ,sau 3 năm phải có 100 xã viên, cung cấp cho xã viên 50% giá trị hàng hoá tiêu thụ.

3.2.3. Chính sách ưu đãi về tài chính đối với HTX.

3.2.3.1 Ưu đãi về thuế môn bài.

a). Đối tượng được hưởng ưu đãi:

Là các xã viên của hợp tác xã thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh độc lập bằng tài sản tự mua sắm, nhưng giá trị tài sản đó đã được góp vào hợp tác xã thành tài sản chung.

b). Chế độ ưu đãi:

Là các xã viên của hợp tác xã thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh độc lập bằng tài sản tự mua sắm, nhưng giá trị tài sản đó đã được góp vào hợp tác xã thành tài sản chung.

c). Điều kiện áp dụng.Chuyển tài sản vào tài sản chung, sử dụng chứng từ hoá đơn của HTX

3.2.3.2 Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

a). Đối tượng áp dụng.

Các hợp tác xã theo quy định tại điểm a.(mục3.2.3.1). có thu nhập doanh nghiệp.

b). Chế độ ưu đãi.

Hợp tác xã nộp thuế thu nhập với mức 0 % đối với giá trị thu nhập tạo ra từ các hoạt động dịch vụ, cung ứng vật tư sản xuất, hàng hóa tiêu dùng, vốn tín dụng và hoạt động tiêu thụ sản phẩm cho xã viên.

Phần thu nhập tạo ra từ các hoạt động kinh doanh ngoài các hoạt động nói trên hợp tác xã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật về thuế thu nhập hiện hành.

c. Điều kiện áp dụng.: Cơ quan đăng ký kinh doanh xác nhận giá trị thu nhập tạo ra khi cung ứng cho xã viên.

3.2.3.3 Lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

a). Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên quy mô cả nước để tiếp nhận nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ từ các tổ chức trong, ngoài nước và tự góp của các hợp tác xã để thực hiện các mục tiêu hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

b). Bộ Tài chính, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ liên quan, Liên minh hợp tác xã Việt Nam nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ: Quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ; Điều lệ về hình thành và sử dụng Quỹ.

3.2.4. Chính sách ưu đãi về vay vốn tín dụng Ngân hàng

3.2.4.1 Đối tượng áp dụng.

3.2.4.2 Chế độ ưu đãi:

a). Được tạo thuận lợi vay theo Dự án đầu tư.

b). được vay theo nhu cầu thực hiện các hợp đồng, kế ước mua vật tư, hàng hóa cung ứng cho xã viên

3.2.4.2 Điều kiện áp dụng.

3.2.5. Chính sách hỗ trợ hợp tác xã một số hoạt động xúc tiến thương mại.

3.2.5.1 Đối tượng áp dụng.

3.2.5.2 Các hình thức và chế độ hỗ trợ.

a). Hỗ trợ kinh phí hội thảo và kinh phí thuê chuyên gia về xúc tiến thương mại truyền đạt thông tin và kiến thức về tiếp thị, chào hàng và kỹ năng làm hợp đồng kinh tế theo ngành nghề, hoạt động.

b) Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước để chào hàng và tìm kiếm khách hàng.

c). Hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn hợp tác xã xây dựng, đăng ký và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

d). Hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn hợp tác xã khảo sát thị trường, tìm kiếm khách hàng.

3.2.5.3 Điều kiện áp dụng.

3.2.6. Chính sách hỗ trợ hợp tác xã ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ.

3.2.6.1 Đối tượng áp dụng.

3.2.6.2 Chế độ hỗ trợ.

a). Đối với trường hợp hợp tác xã có nhu cầu theo điểm a.(mục 3.2.6.1). thì Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí và hợp tác xã phải hoàn trả lại Nhà nước tùy theo kết quả đầu tư.

b). Đối với trường hợp quy định tại điểm b.(mục 3.2.6.1) Nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí..

3.2.6.3. Điều kiện áp dụng.

3.2.7. Chính sách ưu tiên hợp tác xã tham gia các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

3.2.7.1 Đối tượng áp dụng.

3.2.7.2 Chế độ ưu tiên.

a). Được ưu tiên tham gia làm chủ các Dự án có mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo do Chính phủ trực tiếp triển phù hợp với khả năng của hợp tác xã.

b). Được giúp đỡ về kiến thức quản lý Dự án trong quá trình triển khai.

3.2.7.3. Điều kiện áp dụng.

3.2.7.4 Trách nhiệm của cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu.

3.2.8. Nghĩa vụ của các HTX được hưởng chính sách ưu đãi:

3.2.8.1. Tuyên truyền đầy đủ các quy định của Luật HTX 2003 đến từng xã viên; không ngừng phát triển xã viên và hoàn thiện mô hình hợp tác xã theo Luật; có thành tích tốt trong các hoạt động dịch vụ xã viên.

3.2.8.2 Cam kết không ngừng nâng cao tinh thần tự chủ, tinh thần hợp tác giữa các xã viên HTX, không ngừng nâng cao các giá trị tốt đẹp của hợp tác xã theo 4 nguyên tắc của Luật hợp tác xã năm 2003.

3.2.8.3. Không ngừng phát triển uy tín hợp tác xã đối với xã viên

3.3. Hoàn thiện tổ chức quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với HTXTM ở nông thôn

3.3.1. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước đối với kinh tế HTX trong thương mại

3.3.1.1 Đối với Bộ Thương mại:

- Nghiên cứu, xây dựng mục tiêu và định hướng phát triển các HTXTM từ nay đến 2010. Định hướng phát triển các HTXTM phải phù hợp với qui hoạch tổng thể của ngành, gắn với qui hoạch mạng lưới chợ nông thôn, chợ miền núi, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, chợ biên giới, qui hoạch trung tâm thương mại thị trấn hoặc cụm thương mại - dịch vụ thị tứ v.v...

- Cùng các Bộ, ngành nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh chính sách đối với kinh tế tập thể và HTXTM, tạo môi trường pháp lý thuận lợi

- Xây dựng nội dung chương trình, hình thức và phương thức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ các cán bộ làm công tác quản lý, nhân viên nghiệp vụ và nâng cao tay nghề cho những người lao động trong các HTX nhằm phục vụ cho yêu cầu xây dựng và phát triển HTXTM.

- Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTXTM nắm được những thông tin chủ yếu, kịp thời về kinh tế thương mại nói chung, lĩnh vực HTX nói riêng.

- Phối hợp với Liên minh HTXVN phổ biến và nhân rộng các mô hình HTX điển hình, tiên tiến trong phạm vi cả nước; tranh thủ ý kiến tham gia của các tổ chức trên trong quá trình nghiên cứu xây dựng mục tiêu, chiến lược và định hướng phát triển HTXTM trong từng thời kỳ.

3.3.1.2 Đối với các Sở Thương mại:

Với chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thương mại và thị trường ở địa phương, Sở Thương mại, Phòng Thương mại hoặc Phòng Tài chính-Thương mại giúp UBND tỉnh, quận, huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với HTX trong lĩnh vực thương mại, bao gồm:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển HTXTM trên địa bàn tỉnh, thành phố trong từng giai đoạn.

- Đề xuất các phương án trình UBND tỉnh, thành phố, kiến nghị giải quyết dứt điểm những vướng mắc, tồn tại của các HTXTM chưa chuyển đổi để các HTX hoàn thành thủ tục và đăng ký kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật, làm tốt công tác hướng dẫn, giải thích để mọi người hiểu đúng về HTX kiểu mới, tạo điều kiện cho việc hình thành, phát triển HTXTM trên địa bàn, nhất là địa bàn nông thôn, miền núi.

- Tiếp tục phát hiện, đề xuất những ý kiến sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ của nhà nước về phát triển HTXTM; tăng cường kiểm tra việc thực hiện Luật HTX, Luật Thương mại, Nghị định của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác

- Tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho việc hình thành, phát triển HTXTM ở địa phương; tổ chức, hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ của Nhà nước về phát triển HTXTM.

- Căn cứ vào Luật Thương mại, Luật HTX, giúp đỡ các HTXTM xây dựng điều lệ cụ thể; hướng dẫn các HTXTM chuyển đổi và đăng ký kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật; xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho các HTXTM.

- Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, thành phố để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho những người lao động trong các HTX, giúp các HTX xây dựng phương án kinh doanh, xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ triển lãm.

3.3.2. Kiện toàn hệ thống tổ chức, nâng cao chất lượng cán bộ quản lý nhà nước đối với kinh tế HTX trong thương mại:

3.3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, tổng kết, giúp đỡ các địa phương, HTX về thi hành Luật HTX và các quy định khác của pháp luật:

4. NÂNG CAO VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA LIÊN MINH CÁC HTX

- Trước mắt, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Liên minh HTX cần được làm rõ hơn, đặc biệt là làm rõ mối quan hệ giữa tổ chức này với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến kinh tế HTX, trong đó có Bộ Thương mại và các Sở Thương mại. Đặc biệt là xây dựng được cơ chế phối hợp trong việc xây dựng chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, chính sách, chế độ đối với kinh tế HTX. Từ đó, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ phận và cho từng chức danh trong tổ chức bộ máy, làm cơ sở cho việc bố trí cán bộ, lao động.

- Tổ chức Liên minh HTX ở các tỉnh, thành phố cần dựa trên đặc điểm, điều kiện kinh tế-xã hội và sự phát triển của phong trào HTX trong từng khu vực, địa bàn. Tránh tình trạng áp dụng máy móc cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên minh HTX Trung ương gây lãng phí kinh phí và cán bộ.

- Tăng cường mối quan hệ giữa Liên minh HTX Trung ương với Liên minh HTX ở các tỉnh, thành phố và các cơ sở thành viên.

- Các tổ chức Đảng, Nhà nước, đặc biệt là các Bộ, ngành và UBND các cấp cần giúp đỡ, tạo điều kiện cho Liên minh HTX từ Trung ương đến địa phương nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động; đặc biệt là giúp tạo ra các công cụ hỗ trợ như thành lập các trung tâm tư vấn và các dịch vụ tư vấn về thị trường (cả trong nước và ngoài nước) về khoa học công nghệ; xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ bảo lãnh tín dụng v.v...Chỉ với những hành động và kết quả cụ thể, Liên minh HTXVN mới thực sự thể hiện vai trò đại diện và hỗ trợ, kinh tế HTX, góp phần thực hiện thành công các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước.

KẾT LUẬN

Kinh tế hợp tác nói chung, HTXTM nói riêng là sản phẩm tất yếu của sản xuất hàng hoá. Nông nghiệp nước ta cơ bản đã chuyển sang kinh tế hàng hoá. Sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường yêu cầu những người lao động riêng lẻ phải liên kết, hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển.

Với sự cố gắng, nỗ lực của ban chủ nhiệm, đề tài “Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức và phát triển HTX thương mại ở nông thôn nước ta” đã được hoàn thành.

1. Đề tài đã làm rõ một số vấn đề lý luận về tổ chức và phát triển hợp tác xã thương mại ở nông thôn như: Sự tồn tại tất yếu khách quan của HTXTM; Những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của HTXTM; Nội dung tổ chức và phát triển HTXTM ở nông thôn; Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển HTXTM...

2. Đề tài đã đánh giá thực trạng tổ chức và tác động của khung khổ pháp lý đến sự phát triển của HTX thương mại ở nông thôn trong thời gian vừa qua; Đánh giá quá trình chuyển đổi và thành lập mới HTXTM (sau khi có Luật Hợp tác xã 1996) ...

HTXTM vẫn tiếp tục khẳng định vị trí vai trò của nó trong nền kinh tế quốc dân. Trên địa bàn nông thôn hiện nay, các HTX đã hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình ở hai lĩnh vực sản xuất-dịch vụ và kinh doanh thương mại. Tuy nhiên trước yêu cầu của thực tiễn, sự phát triển của các HTXTM ở nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, yếu kém cần phải tháo gỡ, khắc phục.

3. Đề tài đã đưa ra được hệ thống giải pháp về tổ chức và phát triển HTX TM ở nông thôn nước ta trong thời gian tới như: Hoàn thiện mô hình tổ chức HTXTM; hoàn thiện nội dung, phương thức hoạt động của các HTXTM; hoàn thiện mô hình pháp lý; hoàn thiện chính sách và biện pháp hỗ trợ của Nhà nước nhằm phát triển HTXTM ở nông thôn, trong điều kiện triển khai thực hiện Luật HTX năm 2003.

Cùng với Nghị quyết về “đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2001-2010”; Nghị quyết “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” do Hội nghị trung ương 5 khoá IX thông qua thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng ta đến sự phát triển toàn diện nông nghiệp, nông thôn. Với sự phối hợp của các bộ ngành, Liên minh các hợp tác xã thực hiện tốt cương lĩnh hành động của chính phủ về *thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 BCH trung ương Đảng khoá IX và thực hiện tốt Luật HTX năm 2003* chúng ta sẽ đưa nông thôn Việt Nam tiến nhanh theo con đường xã hội chủ nghĩa.